

## MỤC LỤC

Chủ đề 1: Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của môn Lịch sử ĐCS Việt Nam.....	3
Chủ đề 2: Chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử ĐCS Việt Nam.....	5
Chủ đề 3: Ý nghĩa của việc học tập môn Lịch sử ĐCS Việt Nam.....	6
Chủ đề 4: Tại sao Nguyễn Ái Quốc lại khẳng định: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản.....	6
Chủ đề 4.1: Nêu các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, phân tích nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước đó và yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc là gì? (Bài kiểm tra giữa kì).....	7
Chủ đề 5: Nội dung và ý nghĩa những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào Việt Nam từ năm 1920 đến năm 1929. ....	9
Chủ đề 6: Các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng và mối quan hệ giữa các yếu tố đó.....	11
Chủ đề 7+9: Cương lĩnh chính trị đầu tiên (3/2/1930). Ý nghĩa của Cương lĩnh và nhận xét (làm rõ nét độc đáo, tính sáng tạo của Cương lĩnh đầu tiên so với Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930).....	12
Chủ đề 8: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. ....	14
Chủ đề 10: Chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936- 1939. Thành quả và kinh nghiệm của cuộc vận động này.....	16
Chủ đề 11: Phân tích Chủ trương chiến lược mới của Đảng trong giai đoạn 1939-1945.....	18
Chủ đề 11.1: Hội nghị Trung ương lần thứ 6.....	19
Chủ đề 11.2: Hội nghị Trung ương lần thứ 7.....	20
Chủ đề 11.3: Hội nghị Trung ương lần thứ 8.....	22
Chủ đề 12: Phân nguyên nhân thắng lợi, tính chất và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.....	24
Chủ đề 13: Chủ trương và diễn biến của cuộc đấu tranh bảo vệ & xây dựng chính quyền cách mạng thời kỳ 1945 - 1946. (Câu 2 Bài kiểm tra giữa kì).....	25
Chủ đề 13.1: Thuận lợi và khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8.....	28
Chủ đề 13.2: Nội dung chỉ thị “Kháng chiến – Kiến quốc” 25/22/1945.....	30
Chủ đề 14: Phân tích nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng.....	31
Chủ đề 15: Phân tích nội dung cơ bản của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (2-1951).....	33
Chủ đề 16: Những diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 – 1954).....	35
Chủ đề 17: Phân tích ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1945 – 1954).....	42
Chủ đề 18: Phân tích đặc điểm của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	43
Chủ đề 19: Phân tích tính chất của xã hội miền Nam sau năm 1954 và nội dung cơ bản Nghị quyết 15 tháng 1/1959. Ý nghĩa của Nghị quyết này với cách mạng miền Nam.....	44
Chủ đề 20: Phân tích nội dung cơ bản đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam được Đại hội III (9-1960) của Đảng vạch ra.....	45
Chủ đề 21: Phân tích nội dung cơ bản đường lối chung xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ở miền Bắc được Đại hội III (9/1960) của Đảng vạch ra. ....	46
Chủ đề 22: Quá trình hình thành, phát triển và nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước.....	47
Chủ đề 23: Các giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) và ý nghĩa của mỗi giai đoạn.....	50
Chủ đề 24: Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).....	51
Chủ đề 25: Phân tích nội dung cơ bản đường lối chung xây dựng XHCN trong thời kỳ quá độ được Đại hội IV (12/1976) của Đảng vạch ra.....	52

Chủ đề 26: Phân tích nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của hai cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền biên giới phía Tây Nam và phía Bắc của tổ quốc.....	53
Chủ đề 27: Phân tích nội dung công nghiệp hóa XHCN của chặng đường đầu tiên được Đại hội V (3/1982) vạch ra.....	56
Chủ đề 28: Làm rõ những bước đột phá trong đổi mới tư duy quản lý kinh tế của Đảng từ năm 1979 đến năm 1985.....	57
Chủ đề 29: Phân tích yêu cầu và mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN của Đại hội V (3/1982).....	60
Chủ đề 30: Phân tích những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của thời kỳ 10 năm xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước (1976 – 1985).....	62
Chủ đề 31: Phân tích nội dung bốn bài học kinh nghiệm của thời kỳ xây dựng CNXH trước đổi mới được Đại hội lần thứ VI (12/1986) của Đảng đưa ra.....	63
Chủ đề 32: Phân tích nội dung cơ bản của chủ trương đổi mới xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VI (12/1986).....	65
Chủ đề 32.1: Phân tích nội dung cơ bản của chủ trương đổi mới toàn diện trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VI (12/1986).....	67
Chủ đề 33: Phân tích những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam được Đại hội VII (6/1996) đưa ra và Đại hội XI (1/2011) bổ sung, phát triển.....	69
Chủ đề 34: Phân tích những cơ hội và thách thức lớn của cách mạng Việt Nam được Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ (4/1994) đưa ra.....	71
Chủ đề 35: Phân tích quan điểm, chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đại hội VIII (7/1996).....	71
Chủ đề 36: Phân tích luận điểm “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo ...” của Đại hội IX (4/2001). Để thực hiện được luận điểm đó, chúng ta phải làm gì?.....	74
Chủ đề 37: Phân tích những bài học lớn của 20 năm đổi mới (1986 – 2006) được Đại hội X (4/2006) của Đảng đưa ra.....	76
Chủ đề 38: Phân tích những phương hướng cơ bản xây dựng CNXH ở Việt Nam của Cương lĩnh năm 2011 được Đại hội XI (1/2011) thông qua.....	78
Chủ đề 39: Phân tích những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới vì CNXH do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.....	82
Chủ đề 40: Phân tích những kinh nghiệm chủ yếu của công cuộc đổi mới vì CNXH của Đảng.....	85
Chủ đề 41: Phân tích những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa thời đại của Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.....	87
Chủ đề 41.1: Bằng thực tiễn lịch sử, hãy chứng minh rằng: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.....	90
Chủ đề 42: Phân tích những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng với Cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 2018.....	94
Chủ đề 43: Trình bày quá trình thống nhất nước nhà về mặt nhà nước của đảng từ sau khi miền Nam giải phóng một chín 75 đến 1976? Ý nghĩa và tác dụng của việc thống nhất này.....	96
Chủ đề 44: Phân tích quá trình phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ năm 1930-1941.....	98
Đề tham khảo và lưu ý.....	102

## **Chủ đề 1: Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của môn Lịch sử ĐCS Việt Nam.**

### **- Đối tượng**

1. Trước hết là các sự kiện lịch sử Đảng. Cần phân biệt rõ sự kiện lịch sử Đảng gắn trực tiếp với sự lãnh đạo của Đảng. Phân biệt sự kiện lịch sử Đảng với sự kiện lịch sử dân tộc và lịch sử quân sự trong cùng thời kỳ, thời điểm lịch sử. Môn học lịch sử ĐCS Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống *các sự kiện lịch sử Đảng*, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...

Sự kiện lịch sử Đảng là hoạt động lãnh đạo, đấu tranh phong phú và oanh liệt của Đảng làm sáng rõ bản chất cách mạng của Đảng với tư cách là một đảng chính trị “là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”. Hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng làm rõ thắng lợi, thành tựu của cách mạng, đồng thời cũng thấy rõ những khó khăn, thách thức, hiểu rõ những hy sinh, cống hiến lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sự hy sinh, phấn đấu của các tổ chức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, của mỗi cán bộ, đảng viên, với những tấm gương tiêu biểu. Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng *Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn*. Lịch sử Đảng có đối tượng nghiên cứu là Cương lĩnh, đường lối của Đảng, phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh, đường lối đúng đắn là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi của cách mạng. Phải không ngừng bổ sung, phát triển đường lối phù hợp với sự phát triển của lý luận và thực tiễn và yêu cầu của cuộc sống; chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nếu sai lầm về đường lối sẽ dẫn tới đổ vỡ, thất bại.

Đảng đã đề ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2-1930); Luận cương chính trị (10-1930); Chính cương của Đảng (2-1951) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6-1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Quá trình lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh trên những vấn đề nổi bật ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Đường lối kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới. Đường lối quân sự. Đường lối đối ngoại.v.v. Đảng quyết định những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng. Đảng là người tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân hiện thực hóa đường lối đưa đến thắng lợi.

3. Đảng lãnh đạo thông qua quá trình *chỉ đạo, tổ chức* thực tiễn trong tiến trình cách mạng. Nghiên cứu, học tập lịch sử ĐCS Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam* do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới. Từ một quốc gia phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, một nước thuộc địa, bị đế quốc, thực dân cai trị, dân tộc Việt Nam đã giành lại độc lập bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử; tiến hành hai cuộc kháng chiến giải phóng, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước; thực hiện công cuộc đổi mới đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng cũng thẳng thắn nêu rõ những khuyết điểm, hạn chế, khó khăn, thách thức, nguy cơ cần phải khắc phục, vượt qua.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng là giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng. Tổng kết kinh nghiệm, bài học, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam là công việc thường xuyên của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đó là nội dung và yêu cầu của công tác lý luận, tư tưởng của Đảng, nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ của Đảng. Lịch sử Đảng là quá trình nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Cần nhận thức rõ và chú trọng giáo dục những truyền thống nổi bật của Đảng: truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng; truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; truyền thống gắn bó mật thiết với nhân dân, vì lợi ích quốc gia, dân tộc; truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

4. Nghiên cứu Lịch sử Đảng là làm rõ hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử* về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng Đảng về chính trị bảo đảm tính đúng đắn của đường lối, củng cố chính trị nội bộ và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. Xây dựng Đảng về tư tưởng “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Xây dựng Đảng về tổ chức, củng cố, phát triển hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức cơ bản”. Xây dựng Đảng về đạo đức với những chuẩn mực về đạo đức trong Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay.

#### **- Phạm vi**

Mỗi ngành khoa học có một phạm vi nghiên cứu cụ thể trong mối quan hệ biện chứng với các khoa học khác. Khoa học lịch sử nghiên cứu về xã hội và con người xã hội, nghiên cứu về cuộc sống đã qua của nhân loại một cách toàn diện trong sự vận động, phát triển, với những quy luật phổ biến và đặc thù của nó. Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 là lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường và anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam, nhằm xóa bỏ chế độ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, xây dựng chế độ mới. ĐCS Việt Nam là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân ta. Do đó, lịch sử Việt Nam (từ năm 1930 trở đi) và lịch sử ĐCS Việt Nam gắn bó hữu cơ với nhau.

#### **- Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu gắn liền với đối tượng nghiên cứu. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đường lối chính trị, hoạt động của Đảng là sự biểu hiện cụ thể lý luận đó trong hoàn cảnh Việt Nam với tất cả đặc điểm vốn có của nó. Do đó, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với khoa học lịch sử nói chung và khoa học lịch sử Đảng nói riêng. Đó là những cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu lịch sử Đảng.

ĐCS Việt Nam nhờ có hoạt động lý luận dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đã đi đến nhận thức được những điều kiện khách quan và sự chín muồi của những nhân tố chủ quan của sự phát triển xã hội thông qua hệ thống công tác tổ chức và tư tưởng của Đảng đối với quần chúng.

Do đó, đối với khoa học lịch sử ĐCS Việt Nam, quan niệm duy vật về lịch sử là chìa khóa để lý giải sự xuất hiện và phát triển của Đảng như là một kết quả tất yếu của lịch sử đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Chỉ có đứng trên quan điểm lịch sử mới có thể đánh giá được một cách khoa học các giai đoạn phát triển của Đảng, trên cơ sở làm sáng tỏ địa vị khách quan và vai trò lịch sử của Đảng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cũng như mới lý giải được rằng lý tưởng cách mạng và những mục tiêu cao cả xuất phát từ lý tưởng đó, mà Đảng đã kiên trì theo đuổi từ ngày mới ra đời không phải là do ý muốn chủ quan của một cá nhân hoặc của một nhóm người tài ba lỗi lạc nào, cũng không phải do "nhập cảng" từ bên ngoài vào, mà xét cho cùng là sự phản ánh khách quan của sự phát triển lịch sử - tự nhiên trong những điều kiện lịch sử nhất định.

Với phương pháp luận khoa học, các nhà sử học chân chính có thể nhận thức được lịch sử một cách chính xác, khoa học. Họ có thể nhận thức và phản ánh đúng hiện thực khách quan khi nghiên cứu bất kỳ một hiện tượng, một quá trình lịch sử nào.

Nghiên cứu lịch sử Đảng đòi hỏi phải quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể mới có thể xem xét các sự kiện lịch sử trong những điều kiện và thời điểm cụ thể và trong mối quan hệ giữa chúng với nhau. Việc nắm vững và vận dụng quan điểm lịch sử trong khoa học lịch sử Đảng cho phép lý giải được tính sáng tạo cách mạng trong đường lối, chủ trương của Đảng, cũng như làm rõ được cơ sở phương pháp luận của hoạt động lý luận của Đảng trong quá trình nghiên cứu để quyết định những đường lối, chủ trương.

Khoa học lịch sử Đảng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học lịch sử nói chung, như các phương pháp lịch sử và lôgic, đồng đại và lịch đại, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa... trong đó quan trọng nhất là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic cùng sự kết hợp hai phương pháp ấy.

Nhiệm vụ đầu tiên của khoa học lịch sử Đảng là phải làm sáng tỏ nội dung các giai đoạn lịch sử đấu tranh của Đảng, với những sự kiện cụ thể sinh động và trong mối liên hệ có tính nhân quả giữa chúng với nhau, cho nên

phương pháp được đặt lên hàng đầu trong khoa học lịch sử Đảng là phương pháp lịch sử.

Song nếu phương pháp lịch sử không có sự kết hợp với phương pháp lôgích thì sẽ giảm đi tính chất khái quát của nó, không thể vạch ra được bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động lịch sử.

Hoạt động của Đảng trong quá khứ cơ bản là hoạt động lãnh đạo, lên lịch sử của Đảng chính là lịch sử của sự lãnh đạo cách mạng, lịch sử của hoạt động nhận thức quy luật, đề ra đường lối, chủ trương cách mạng. Hoạt động đó đã được ghi lại, được thể hiện trong các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, qua phát ngôn của các lãnh tụ của Đảng. Hoạt động xây dựng Đảng trong lịch sử về tư tưởng và tổ chức cũng được thể hiện qua Điều lệ của Đảng. Do đó, để nghiên cứu lịch sử của Đảng, phương pháp quan trọng có tính đặc thù, bắt buộc là phải nghiên cứu các văn kiện Đảng, nhất là văn kiện các Đại hội và Hội nghị Trung ương. Nắm vững nội dung các văn kiện Đảng sẽ hiểu được đường lối, chủ trương lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các thời kỳ lịch sử, tức là nắm được hoạt động chính yếu của Đảng trong quá khứ, hiểu được lịch sử của Đảng.

Tính đúng đắn của sự lãnh đạo của Đảng đã được kiểm nghiệm qua hành động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, qua hoạt động của hệ thống chính trị do Đảng tổ chức, qua phong trào cách mạng của quần chúng. Vì vậy, để đánh giá đúng đắn lịch sử của Đảng, rút ra những kinh nghiệm lịch sử phải căn cứ vào phong trào thực tiễn của nhân dân, vào thành bại của cách mạng.

## **Chủ đề 2: Chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử ĐCS Việt Nam**

Với tư cách là khoa học về những quy luật phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng, lịch sử Đảng có hai chức năng: chức năng nhận thức khoa học và chức năng giáo dục tư tưởng chính trị.

Chức năng nhận thức khoa học lịch sử có mục đích trước hết là để phục vụ việc cải tạo xã hội theo đúng quy luật phát triển của xã hội Việt Nam như một quá trình lịch sử - tự nhiên. Việc hiểu biết thấu đáo những kiến thức và kinh nghiệm lịch sử Đảng là cơ sở khoa học để có thể dự kiến những xu hướng phát triển chủ yếu của xã hội và những điều kiện lịch sử cụ thể có tác động đến những xu hướng đó. Bằng cách đó, khoa học lịch sử Đảng cùng với các môn khoa học lý luận Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực tạo cơ sở lý luận để Đảng vạch ra đường lối, chủ trương, chính sách.

Mặt khác, lịch sử Đảng có chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, tham gia vào việc giải quyết những nhiệm vụ hiện tại. Những kiến thức khoa học về các quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử cách mạng Việt Nam có tác dụng quan trọng đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân trong việc trau dồi thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ đó có quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng.

Để thực hiện chức năng đó, trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập Lịch sử ĐCS Việt Nam chúng ta có nhiệm vụ làm rõ những quy luật của cách mạng Việt Nam, nghiên cứu, trình bày các điều kiện lịch sử, các sự kiện và quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của Đảng, nổi bật là những nhiệm vụ sau đây:

+ *Làm sáng tỏ điều kiện lịch sử, quá trình ra đời tất yếu của ĐCS Việt Nam - bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.*

Trong thời gian đầu không phải là toàn bộ giai cấp công nhân đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin, mà chỉ có một bộ phận tiên tiến nhất tiếp thu được lý luận đó. Bộ phận này đứng ra thành lập ĐCS, do vậy ĐCS là một bộ phận của giai cấp công nhân và giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lãnh đạo cách mạng thông qua ĐCS là đội tiên phong của mình.

Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân là quy luật chung cho sự ra đời của các ĐCS trên thế giới. Nhưng sự kết hợp đó không theo một khuôn mẫu giáo điều, cứng nhắc, mà nó được thực hiện bằng con đường riêng biệt, tùy theo điều kiện cụ thể về không gian và thời gian.

Yêu cầu của cách mạng thuộc địa khác với yêu cầu của cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa. ĐCS ở các nước tư bản chủ nghĩa phải lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, còn ĐCS ở thuộc địa trước hết phải lãnh đạo cuộc đấu tranh dân tộc chống chủ nghĩa thực dân. Vấn đề giai cấp ở thuộc địa phải đặt trong vấn đề dân tộc, đòi hỏi sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin về ĐCS trong điều kiện một nước thuộc địa.

+ *Làm rõ quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng gắn liền với hoạt động xây dựng một chính đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Khoa học xây dựng Đảng có nhiệm vụ nghiên cứu những quy luật xây dựng đảng, xác định những nguyên tắc, mục đích, yêu cầu; những nguyên lý và hệ thống các biện pháp phải tuân theo để xây dựng một chính đảng cách mạng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; hình thành nên lý luận về xây dựng đảng.

Lịch sử Đảng có nhiệm vụ làm rõ những hoạt động cụ thể của Đảng để xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng. Đó là sự thực hiện các nguyên lý, vận dụng những nguyên tắc, tiến hành các biện pháp để làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đương nhiên giữa hai ngành khoa học đó có mối quan hệ mật thiết với nhau.

+ *Trình bày quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ, các giai đoạn cách mạng trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.*

Đó là quá trình đi sâu nắm vững phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh quốc tế và thực tiễn của xã hội Việt Nam, đề định ra cương lĩnh, vạch ra đường lối, xác định những chủ trương và biện pháp cụ thể cho mỗi giai đoạn cách mạng.

Đó là quá trình đấu tranh về quan điểm tư tưởng trong nội bộ Đảng để xác định một đường lối đúng đắn, đấu tranh bảo vệ đường lối cách mạng của Đảng, chống mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh và "tả" khuynh, chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng duy ý chí, chủ quan, giáo điều và các loại tư tưởng phi vô sản khác.

Đó cũng là quá trình chỉ đạo và tổ chức quần chúng hành động thực tiễn, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thực hiện triệt để các mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam do Đảng vạch ra.

+ *Trình bày các phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo.*

Nhằm theo những phương hướng cơ bản do Đảng xác định, phong trào cách mạng của quần chúng diễn ra một cách tự giác, hết sức sinh động, phong phú và sáng tạo. Sức sáng tạo của các tổ chức đảng và quần chúng rất lớn. Nó làm cho quyết tâm của Đảng trở thành hành động cách mạng, làm cho đường lối, chủ trương cách mạng của Đảng trở thành thực tiễn, và do đó, tạo cơ sở cho việc bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng của Đảng. Một đường lối cách mạng đúng sẽ được quần chúng nhân dân ủng hộ và quyết tâm thực hiện.

+ *Tổng kết những kinh nghiệm lịch sử Đảng*

Khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ góp phần tổng kết những kinh nghiệm từ những thành công và không thành công của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng.

### **Chủ đề 3: Ý nghĩa của việc học tập môn Lịch sử ĐCS Việt Nam.**

Nghiên cứu, học tập, nắm vững tri thức khoa học về lịch sử Đảng có ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, tính kiên định cách mạng trước tình hình chính trị quốc tế có những diễn biến phức tạp và trong việc giáo dục đạo đức cách mạng, mà Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam là một mẫu mực tuyệt vời.

Việc nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng cũng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục về truyền thống cách mạng, về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam; đồng thời còn có tác dụng bồi dưỡng ý chí chiến đấu cách mạng, thôi thúc ở người học ý thức biết noi gương những người đã đi trước, tiếp tục cuộc chiến đấu dũng cảm ngoan cường, thông minh, sáng tạo để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã tốn biết bao xương máu để giành được, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **Chủ đề 4: Tại sao Nguyễn Ái Quốc lại khẳng định: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản.**

Thứ nhất: Bài học từ sự thất bại của con đường cứu nước trước đó:

- Để giải phóng dân tộc khỏi sự thống trị của thực dân Pháp, cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam diễn

ra nhiều cuộc đấu tranh sôi nổi với nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, sử dụng những vũ khí tư tưởng khác nhau. Tiêu biểu là khuynh hướng:

phong kiến, tư sản... song đều thất bại => vấn đề đặt ra là phải tìm ra con đường cứu nước mới

Thứ hai: Cách mạng tư sản không triệt để

Trên con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu về cách cuộc cách mạng lớn trên thế giới như Anh, Pháp, Mỹ,... Người nhận thấy : ' Cách mạng pháp cũng như cách mạng Mỹ đều là cách mạng tư bản không đến nơi, tiếng là cộng hòa dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công- nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa'

Thứ ba: Con đường giải phóng dân tộc

- Hồ Chí Minh thấy được cách mạng tháng 10 Nga không chỉ là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà còn nêu lên tấm gương sáng về sự nghiệp giải phóng dân tộc thuộc địa.

- HCM đến với học thuyết cách mạng chủ nghĩa Mác- Lênin và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản.

- Người khẳng định muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản và chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được dân tộc bị áp bức và người lao động trên thế giới ách nô lệ.

#### **Chủ đề 4.1: Nêu các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, phân tích nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước đó và yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc là gì? (Bài kiểm tra giữa kì)**

##### **1. Hoàn cảnh diễn ra các phong trào yêu nước.**

###### **a. Hoàn cảnh quốc tế:**

- **Khó khăn:** Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (chủ nghĩa đế quốc). Các nước đế quốc phương Tây ráo riết tiến hành xâm lược thuộc địa tại châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh nhằm vơ vét sức người, sức của để làm giàu cho chủ nghĩa tư bản.

- **Thuận lợi:** Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ngày càng lan rộng và phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới, đặc biệt là tại châu Á đã tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam: Cách mạng Tư sản Pháp (1789), phong trào Duy tân Nhật Bản (1868), cách mạng Tân Hợi (1911), ...

###### **b. Hoàn cảnh trong nước:**

- **Khó khăn:** Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược thuộc địa của thực dân Pháp. Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng tại Đà Nẵng, từng bước thôn tính nước ta. Triều Nguyễn từng bước đầu hàng thực dân Pháp và thực sự trở thành thuộc địa của Pháp sau Hiệp định Patenôtre được ký năm 1884. Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến trong đó tính chất thuộc địa bao trùm. Thực dân Pháp tiến hành nhiều chính sách để "cai trị" nước ta, chúng chuyên chế về chính trị, kìm hãm về kinh tế, nô dịch về văn hóa. Xã hội phân hóa nhiều giai cấp, một số cấu kết với thực dân Pháp đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nhân dân: một bộ phận tầng lớp địa chủ, tư sản mại bản, ...

- **Thuận lợi:** Với truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm từ bao đời nay, nhân dân ta không chịu khuất phục trước sự xâm lược của thực dân Pháp. Xã hội xuất hiện thêm nhiều giai cấp mới: công nhân, tư sản dân tộc tiểu tư sản yêu nước, sĩ phu phong kiến Việt Nam. Dựa trên sự mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp nói chung và trên từng giai cấp với nhau nói riêng (nông dân mâu thuẫn với địa chủ, công nhân mâu thuẫn với phong kiến, tư bản, ...), các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX diễn ra mạnh mẽ.

##### **2. Các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.**

###### **a. Phong trào yêu nước theo lập trường phong kiến (1858 – 1896).**

- Sau khi triều Nguyễn đầu hàng, một bộ phận phong kiến yêu nước cùng với nhân dân tiếp tục đấu tranh vũ trang chống Pháp: Phong trào Cần Vương do Tôn Thất Thuyết đứng đầu (1885 – 1896), khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887), khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892), khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng đứng đầu (1885 – 1896), ... Đầu thế kỷ XX, vua Thành Thái và vua Duy Tân chống pháp với cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân (5/1916). Ngoài ra, vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang)

dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám đã kiên cường đấu tranh chống thực dân Pháp.

- Dễ dàng thấy được các phong trào nêu trên đều diễn ra trong thời gian ngắn và nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp. Nguyên nhân dẫn tới các phong trào trên thất bại nhanh chóng do vẫn áp dụng hệ tư tưởng phong kiến lỗi thời; mặc dù dùng phương thức đấu tranh vũ trang nhưng thiếu sự liên kết, mở rộng hợp tác và thống nhất toàn thể tầng lớp nhân dân tạo thành cách mạng giải phóng dân tộc; ngoài ra, thực dân Pháp hơn hẳn về mọi mặt: quân số đông, trang bị vũ khí hiện đại, ...

#### **b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản (1897 – 1930).**

##### **\* Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức và lãnh đạo:**

- Chủ trương tập hợp và phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như Nhật Bản (ông quan niệm rằng Nhật Bản cùng màu da, cùng văn hóa Hán học và đi theo con đường cách mạng Tư bản châu Âu và giàu mạnh lên). Phong trào “*Đông Du*” đã đưa gần 200 thanh niên yêu nước sang Nhật học tập. Tuy nhiên đến năm 1908, Nhật bắt tay với Pháp trục xuất toàn bộ thành viên phong trào này ở Phong trào thất bại.

- Do ảnh hưởng của cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc – 1911), năm 1912, Phan Bội Châu thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội là tổ chức vũ trang chống Pháp. Nhưng, trước sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, tổ chức này sớm tan rã; năm 1925, Phan Bội Châu bị Pháp bắt và quản thúc tại gia.

- Nguyên nhân thất bại của Phan Bội Châu là do ông chưa hiểu rõ được bản chất của chủ nghĩa thực dân, không thể dựa vào đế quốc để thắng đế quốc được; chưa có đường lối đúng đắn do khi ông lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội chưa đề ra kế hoạch, hoạt động rõ ràng.

##### **\* Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh:**

- Phan Châu Trinh cho rằng “*bất bạo động, bạo động tắc tử*” phải “*khai dân khí, trấn dân khí, hậu dân sinh*”. Ông có chủ trương Đấu tranh ôn hòa, bằng những biện pháp cải cách như nâng cao dân trí dân quyền, dựa vào Pháp để đánh đổ vua quan phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập. Cuộc vận động Duy tân là một cuộc vận động yêu nước có nội dung chủ yếu là cải cách về văn hóa - xã hội, gắn liền với giáo dục lòng yêu nước, đấu tranh cho dân tộc thoát khỏi ách thống trị ngoại xâm. Tư tưởng Duy tân khi đi vào quần chúng đã vượt qua khuôn khổ ôn hòa, biến thành cuộc đấu tranh quyết liệt, điển hình là phong trào chống thuế ở Trung kì (1908). Tuy nhiên phong trào này đã bị nhanh chóng dập tắt, nhiều sĩ phu yêu nước bị Pháp bắt và lưu đày. Thêm vào đó là sự kiện tháng 12 năm 1907, Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục – ngôi trường truyền bá tư tưởng dân chủ, tự do tư sản, long tự tôn dân tộc cho thanh niên Việt Nam, đã phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

- Nguyên nhân thất bại của Phan Châu Trinh do chưa có đường lối cách mạng đúng đắn, chưa hiểu rõ bản chất của bọn thực dân đế quốc, quá đề cao “*lòng nhân hậu*” của chúng.

##### **\* Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng:**

- Tổ chức này trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức đã thành lập tháng 12 năm 1927 tại Bắc Kỳ do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Việt Nam Quốc dân đảng hoạt động với mục đích đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản với phương pháp đấu tranh vũ trang theo lối manh động, ám sát cá nhân; lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên, ... Cuộc khởi nghĩa diễn ra ở nhiều nơi nhưng cuối cùng vẫn nhanh chóng thất bại.

- Nguyên nhân thất bại là do tính chất hấp tấp, hăng hái nhất thời của giai cấp tiểu tư sản, không vững chắc về tổ chức lãnh đạo.

#### **\* Tóm lại nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản gồm 3 nguyên nhân chính sau:**

- Không đề ra đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn.
- Lãnh đạo phong trào không phải giai cấp tư sản.
- Hệ thống tổ chức thiếu chặt chẽ, không lôi cuốn được đông đảo tầng lớp.

#### **3. Sự khủng hoảng đường lối cứu nước và yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc.**

- Trải qua thời gian dài và nhiều con đường cứu nước khác nhau, song chưa có con đường nào là thực sự thành công để giải phóng dân tộc, chưa có một tổ chức vững mạnh nào để tập hợp và lãnh đạo toàn dân tộc đứng



lên đấu tranh. Đây đã đặt ra câu hỏi lớn về đường lối cứu nước của dân tộc.

- Do đó, yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối đúng đắn để giải phóng dân tộc.

- Khi đó phải có người nhận ra và hoàn thành được nhiệm vụ của yêu cầu lịch sử đó. Và người con yêu nước Nguyễn Tất Thành đã làm được điều đó. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, với tên mới Văn Ba, Người đã lên con tàu Amiral La Touche De Tréville, rời bến cảng Nhà Rồng, khởi đầu cho hành trình tìm đường cứu nước.

## **Chủ đề 5: Nội dung và ý nghĩa những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào Việt Nam từ năm 1920 đến năm 1929.**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX - đầu XX**

a. Hoàn cảnh thế giới:

- Chủ nghĩa tư bản khủng hoảng: Sau chiến tranh thế giới I (1914-1918), các nước tư bản châu Âu chịu tổn thất nặng nề, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc gia tăng.

- Ảnh hưởng Cách mạng tháng 10 Nga (1917): Thắng lợi Cách mạng tháng 10 Nga mở ra một thời kỳ mới cho phong trào Cách mạng thế giới, lan tỏa mạnh mẽ các tư tưởng về giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH.

- Sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (1919): Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập nhằm kết nối các phong trào Cách mạng trên thế giới, đề cao tinh thần đoàn kết quốc tế và đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

b. Hoàn cảnh trong nước:

- Xã hội thuộc địa nửa phong kiến: Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược từ 1858, bị áp đặt chế độ thực dân nửa phong kiến. Nhân dân bị bóc lột tàn nhẫn, đời sống cực khổ, mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng gay gắt. Phong trào yêu nước thất bại: Các phong trào yêu nước trước đó (như phong trào Cần Vương, Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục) đều thất bại do thiếu đường lối lãnh đạo rõ ràng và không phù hợp với tình hình thực tế.

- Tầng lớp mới xuất hiện: Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm xuất hiện các tầng lớp công nhân, tiểu tư sản và trí thức yêu nước - những lực lượng tiên tiến trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

### **2. Nội dung**

a. Quá trình tìm đường cứu nước:

- T6/1911, Người ra đi tìm đường cứu nước.

- Năm 1920, sau khi đọc Luận cương của Lenin bản: “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa”, Người đã tìm được con đường cứu nước, đó là con đường Cách mạng vô sản - tức con đường gắn liền độc lập dân tộc với Chủ nghĩa xã hội.

b. Những tư tưởng, chính trị cách mạng lớn Người truyền bá vào Việt Nam:

Sau khi xác định được con đường cứu nước đúng đắn, trở thành người cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếp tục khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối Cách mạng vô sản đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

\* Về tư tưởng:

Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin vào đời sống con người Việt Nam làm chuyển biến nhận thức của quần chúng, đặc biệt là giai cấp công nhân.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia viết nhiều sách báo, tác phẩm (Người cùng khổ, Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường Kách Mễnh...)

\* Về chính trị: Người phác thảo những vấn đề cơ bản của đường lối cứu nước đúng đắn cho Cách Mạng Việt Nam:

+ Muốn cứu nước, không có con đường nào khác ngoài cách mạng vô sản.

+ Chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn.

+ Cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa có tính chủ động, sáng tạo, không lệ thuộc vào cách mạng chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Đây là 1 quan điểm, tư tưởng mới mẻ,

sáng tạo.

+ Lực lượng lãnh đạo cách mạng: Lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân Việt Nam, mà tiên phong của giai cấp này là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Lực lượng tham gia cách mạng: Tư tưởng là đoàn kết dân tộc: Thu phục dân cày đứng về phía vô sản; hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông; với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam chưa rõ mặt phải lôi kéo về phá giai cấp vô sản.

+ Phương pháp cách mạng: sử dụng bạo lực cách mạng, không theo con đường cải lương, thỏa hiệp.

+ Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Việt Nam phải đoàn kết với cách mạng thế giới, đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

\* Về xây dựng tổ chức cách mạng:

Thành lập các tổ chức cách: Nguyễn Ái Quốc thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Hội (1925) với mục tiêu tập hợp thanh niên, truyền bá chủ nghĩa MLN, chuẩn bị lực lượng cho cách mạng.

Xây dựng Đảng Cộng sản: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập 1 chính đảng vững mạnh để lãnh đạo cách mạng với những nguyên tắc tổ chức chặt chẽ, kỷ luật cao.

### **3. Ý nghĩa và nhận xét:**

a. Ý nghĩa về sự ra đời của Đảng:

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là một sự kiện mang ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Trước hết, Đảng đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Với việc xác định con đường cách mạng vô sản là con đường duy nhất đúng đắn, Đảng đã gắn nhiệm vụ giải phóng dân tộc với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo nên phương hướng rõ ràng và phù hợp cho cách mạng Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng còn mở ra một thời kỳ mới, đặt cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo thống nhất, đưa phong trào yêu nước từ tự phát sang tự giác. Vai trò của giai cấp công nhân được khẳng định, trở thành lực lượng lãnh đạo chính trị, dẫn dắt cách mạng vượt qua mọi thử thách và hướng tới mục tiêu cuối cùng là độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân.

b. Nhận xét về vai trò, công lao to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc:

- Tư tưởng của vị lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đặt nền móng tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Những quan điểm mà Người truyền bá đã giúp phong trào cách mạng ở Việt Nam chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác.

- Những sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1920-1929 không chỉ là cơ sở lý luận cho phong trào cách mạng Việt Nam, mà còn là kim chỉ nam cho những cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng xã hội công bằng, tự do. Tư tưởng của Người đã và đang tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng đối với các thế hệ lãnh đạo cách mạng, góp phần tạo nên một cuộc cách mạng thành công trong việc giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, tự do.

- Tư tưởng yêu nước và khát vọng độc lập tự do là điểm khởi đầu trong những tư tưởng cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trong giai đoạn từ 1920 đến 1929, Người đã làm sáng tỏ bản chất của chế độ thực dân, tố cáo những tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam qua các tác phẩm và bài viết của mình.

- Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã kết hợp cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản. Người nhận thức rằng việc giải phóng dân tộc không thể tách rời khỏi cuộc đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao ý thức chính trị và giác ngộ cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là thanh niên. Người hiểu rằng, chỉ khi nhân dân được giáo dục và nhận thức đầy đủ về quyền lợi của mình thì cuộc cách mạng mới có thể thành công.

- Người cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Người nhận thấy rằng các dân tộc thuộc địa có thể đoàn kết và học hỏi từ phong trào cộng sản quốc tế. Người đã tiếp cận các tổ chức cách mạng quốc tế như Quốc tế Cộng sản để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và tìm kiếm sự hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

## Chủ đề 6: Các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng và mối quan hệ giữa các yếu tố đó.

### 1. Hoàn cảnh lịch sử

#### a. Hoàn cảnh quốc tế

- Cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ *tự do cạnh tranh* sang giai đoạn *độc quyền*, quá trình xâm chiếm nô dịch các nước nhỏ của các nước đế quốc đã làm *mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt*.

⇒ *Chống chủ nghĩa đế quốc giành độc lập dân tộc là nội dung chính của phong trào cách mạng thế giới*.

- Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga giành được thắng lợi, chủ nghĩa Mác – Lênin từ lý luận đã trở thành hiện thực, đồng thời mở đầu một thời đại mới “*thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc*”.

#### b. Hoàn cảnh trong nước

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược và thống trị nước ta trên cả ba mặt: chuyên chế về chính trị, kìm hãm về kinh tế và nô dịch về văn hóa làm cho nhân dân Việt Nam rất khổ cực. Kinh tế què quặt, phiên diện lệ thuộc vào kinh tế Pháp. Hơn 90% dân số mù chữ.

- *Xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc*. Đặc biệt là sự ra đời hai giai cấp mới là *công nhân và tư sản Việt Nam*.

- Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỷ XX diễn ra mạnh mẽ sôi nổi theo hai khuynh hướng khác nhau: phong trào theo khuynh hướng phong kiến (phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế...), phong trào theo khuynh hướng tư sản (phong trào Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa thực...) diễn ra sôi nổi nhưng đều thất bại.

- **Nguyên nhân thất bại:** thiếu đường lối đúng đắn, thiếu một giai cấp tiên phong lãnh đạo.

*Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước và hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng*.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu từ sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

### 2. Các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng

#### a. Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở lý luận khoa học và cách mạng, chỉ ra con đường giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin được Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) tiếp thu và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam làm chuyển biến nhận thức của quần chúng, đặc biệt là công nhân.
- Người viết nhiều sách báo, các tác phẩm “*Người cùng khổ*”, “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”, “*Đường Kách Mệnh*”, ... phác thảo những vấn đề cơ bản về đường lối cứu nước cho cách mạng Việt Nam.

\* Một số tư tưởng lớn của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về con đường cứu nước:

- Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.
- Chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù, nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. (Lênin: “*Vô sản tất cả các nước, các dân tộc bị áp bức trên thế giới đoàn kết lại*”)
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng thế giới, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở các nước “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc: “*Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có tính chủ động, sáng tạo, không lệ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc*”

#### b. Phong trào công nhân

Phong trào công nhân là cuộc cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại giai cấp tư sản.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời đầu thế kỷ XX, gắn với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp. Giai cấp công nhân có nguồn gốc chủ yếu từ nông dân, gắn bó mật thiết với các nhân dân lao động, đối

kháng trực tiếp với tư bản thực dân Pháp, không đối kháng trực tiếp với tư sản dân tộc. Đây là giai cấp quan trọng, đặc biệt, nhận thức vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình.

- Tuy còn non trẻ nhưng giai cấp công nhân Việt Nam đã hăng hái đấu tranh với Pháp. Các cuộc đấu tranh đa phần do tự phát, chưa có tổ chức lãnh đạo, đấu tranh với mục đích đòi tự do, cơm áo, gạo tiền...
- Chủ nghĩa Mac-Lenin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam làm phong trào công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, phong trào công nhân từ tự phát lên tự giác hoàn toàn.
- Tháng 6/1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mà nòng cốt là thanh niên cộng sản đoàn. Tổ chức thanh niên thực hiện phong trào vô sản hóa, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân trong thế kỉ XX tạo điều kiện cho sự ra đời của các tổ chức Cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn), là nền tảng cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

**c. Phong trào yêu nước:** Phong trào yêu nước từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX diễn ra mạnh mẽ sôi nổi theo hai khuynh hướng là khuynh hướng theo hệ tư tưởng phong kiến và khuynh hướng tư sản.

- Phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến

Diễn hình cho các phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến là phong trào Cần Vương do các sĩ phu phong kiến yêu nước lãnh đạo. Hay khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, khởi nghĩa đã gây được nhiều khó khăn và tổn thất cho thực dân Pháp, tuy nhiên cuộc khởi nghĩa vẫn bị dập tắt. Và cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng là dấu chấm dứt của sự lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống Pháp.

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản

Các phong trào theo khuynh hướng tư sản diễn hình như phong trào Đông Du của Phan Bội Châu (Đông Du là đưa thanh niên yêu nước đi du học Nhật), phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh (Duy Tân là nhờ vào Pháp để canh tân đất nước) hay khởi nghĩa Yên Bái cũng diễn ra mạnh mẽ nhưng vẫn thất bại.

- **Nguyên nhân thất bại**

Các phong trào yêu nước theo cả 2 khuynh hướng phong kiến và tư sản đều thất bại do mang tính tự phát, thiếu tổ chức và không có lý luận cách mạng khoa học. Phong trào theo khuynh hướng phong kiến thất bại vì hệ tư tưởng lỗi thời, đi ngược lại bánh xe của lịch sử. Phong trào theo khuynh hướng tư sản thất bại do không đề ra được đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn; hệ thống tổ chức thiếu chặt chẽ, không lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp.

### **3. Ý nghĩa và mối quan hệ**

#### **a. Ý nghĩa sự ra đời của Đảng**

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác- Lênin đối với cách mạng Việt Nam.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

#### **b. Mối quan hệ giữa 3 nhân tố**

- Các nhân tố trên có mối quan hệ biện chứng. Chủ nghĩa Mác-Lênin như một hạt giống tốt được gieo trên mảnh đất màu mỡ là phong trào công nhân và phong trào yêu nước này mầm đơm hoa kết trái ra đời đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1930.

**Chủ đề 7+9: Cương lĩnh chính trị đầu tiên (3/2/1930). Ý nghĩa của Cương lĩnh và nhận xét (làm rõ nét độc đáo, tính sáng tạo của Cương lĩnh đầu tiên so với Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930).**

#### **1. Hoàn cảnh ra đời của Cương lĩnh chính trị đầu tiên (3/2/1930)**

- Thực dân Pháp thống trị, phong trào cách mạng gặp vô vàn khó khăn, khủng hoảng về đường lối, cần một tổ chức thống nhất để lãnh đạo.

- Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành một tổ chức đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. ⇒ *Kết thúc thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước.*
- Cương lĩnh chính trị đầu tiên (3/2/1930) Hội nghị thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Hội nghị ⇒ Đây chính là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

## **2. Nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên**

### **a. Phương hướng chiến lược:**

- Làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản.

### **b. Nhiệm vụ của cách mạng:**

*Về chính trị:*

- Đánh đổ đế quốc Pháp
- Đánh đổ phong kiến
- Giành lại độc lập cho dân tộc
- Thành lập chính phủ công - nông - binh, tổ chức quân đội công - nông.

*Về kinh tế:*

- Thủ tiêu các loại quốc trái
- Thu hết sản nghiệp lớn của tư bản Pháp
- Tịch thu ruộng đất của đế quốc làm của công chia cho dân cày nghèo
- Mở mang công nghiệp và nông nghiệp
- Thi hành luật ngày làm 8 giờ

*Về văn hóa - xã hội:*

- Xóa bỏ văn hóa thực dân, xây dựng nền văn hóa dân tộc: dân chủ, tiến bộ và phù hợp với mục tiêu cách mạng.
- Phổ thông giáo dục theo hướng công - nông hóa, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống nhân dân lao động.
- Thực hiện nam nữ bình quyền: khẳng định vai trò của phụ nữ trong xã hội, đấu tranh xóa bỏ bất bình đẳng, phong tục lạc hậu.

### **c. Lực lượng cách mạng:**

- Phải thu phục cho đại bộ phận dân cày đứng về phía giai cấp vô sản
- Hết sức liên lạc với tiểu tư sản, tri thức, trung nông
- Đối với phú nông, trung - tiểu địa chủ và tư bản An Nam chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nhất là trung lập họ

### **d. Phương pháp cách mạng:**

- Phương pháp chủ yếu là bạo lực cách mạng: Cương lĩnh xác định phải dựa vào sức mạnh của quần chúng, tiến hành đấu tranh bằng con đường khởi nghĩa vũ trang để lật đổ thực dân, phong kiến.
- Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nhằm phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang.
- Đảng cũng nhấn mạnh cần xây dựng lực lượng vũ trang và các tổ chức quần chúng rộng rãi, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc đấu tranh lâu dài.

### **e. Lãnh đạo cách mạng:**

- Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng
- Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được quần chúng nhân dân
- Khi liên lạc với các cấp phải rất cẩn thận
- Không được nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thảo hiệp

### **f. Quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới:**

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới
- Phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp

### 3. Ý nghĩa của Cương lĩnh và nhận xét

#### a. Ý nghĩa của Cương lĩnh

- Là văn kiện lịch sử quan trọng, xác định rõ đường lối cách mạng Việt Nam.
- Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với bản lĩnh chính trị độc lập và sáng tạo.
- Là nền tảng lý luận và kim chỉ nam cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc và sự nghiệp xây dựng đất nước.
- Đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng.
- Thể hiện nhận thức, vận dụng đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Cách mạng Việt Nam.
- Thể hiện sự thống nhất giữa mục tiêu dân tộc và giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

⇒ Cho đến nay, Cương lĩnh chính trị đầu tiên vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục soi đường cho công cuộc lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hợp tác quốc tế, xây dựng Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

#### b. Nhận xét về Cương lĩnh

Luận cương chính trị (10/1930) có các hạn chế khi:

- Chưa tìm ra và nắm vững đặc điểm của xã hội thuộc địa nửa phong kiến để có chiến lược phù hợp
- Chịu ảnh hưởng của khuynh hướng tả khuynh của QTCS và một số đảng cộng sản

Nét độc đáo, sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên:

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn Việt Nam
- Đánh giá đúng vai trò của các tầng lớp khác ngoài công nhân và nông dân
- Đề ra lộ trình cách mạng rõ ràng
- Giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc và giai cấp, tạo tiền đề cho thành công của cách mạng Việt Nam: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, coi độc lập dân tộc là nhiệm vụ cấp bách.

### Chủ đề 8: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### a. Hoàn cảnh quốc tế

##### \* CNTB chuyển sang giai đoạn đế quốc

- Mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa và đế quốc leo thang, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để giành độc lập dân tộc trở thành nội dung chính trong phong trào cách mạng thế giới.

##### \* Cách mạng tháng 10 Nga thành công:

- Tác động sâu sắc đến toàn thế giới, đặc biệt ảnh hưởng lớn đến Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước.

- Chủ nghĩa Marx-Lenin trở thành hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân, là vũ khí lý luận chống lại chủ nghĩa tư bản.

#### b. Hoàn cảnh Việt Nam

- Đầu thế kỷ 20, Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, bị đô hộ bởi thực dân Pháp với nền kinh tế lạc hậu, lệ thuộc.

- Nhiều cuộc khởi nghĩa của tầng lớp phong kiến và tư sản chống lại Pháp đều thất bại, chứng minh rằng các con đường cứu nước trước đó không đáp ứng được yêu cầu giải phóng dân tộc.

##### → Nhiệm vụ cấp bách của cách mạng:

+ Dân tộc: Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập cho dân tộc.

+ Dân chủ: Đánh đổ chế độ phong kiến, mang lại quyền lợi cho người lao động.

##### \* Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước

- 1911: Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước.

### 2. Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

#### a. Nguyễn Ái Quốc là người đã tìm được và lựa chọn đúng đắn con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản:

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành (sau này là Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh) ra đi tìm đường cứu nước. Tháng 7-1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin

đăng trên báo Nhân đạo của Đảng Xã hội Pháp, tìm thấy lời giải đáp về con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Tháng 12-1920, tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và là một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, và là **người cộng sản Việt Nam đầu tiên**. Trong giai đoạn từ năm 1921-1930, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác Lenin về Việt Nam và chuẩn bị cho việc thành lập Đảng.

**b. Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng:**

- Về tư tưởng: Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất của chủ nghĩa đế quốc, tập hợp lực lượng và tuyên truyền con đường cách mạng vô sản thông qua nhiều bài viết đăng trên báo Le Paria (Người cùng khổ), Nhân đạo, Đời sống Công nhân, Tạp chí Cộng sản...

- Về chính trị: Thông qua nhiều bài viết, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc gồm:

- + Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, thậm chí, có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần thúc đẩy cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

- + Cần xây dựng khối liên minh công - nông làm động lực cách mạng, đồng thời tập hợp sự tham gia đông đảo của các giai tầng khác để xây dựng sức mạnh của toàn dân tộc.

- + Phải có Đảng cách mạng để lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng phải được trang bị bởi học thuyết Mác – Lênin

- + Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu (Trung Quốc) được xuất bản thành cuốn “Đường cách mệnh”. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, nêu rõ tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với Đảng cách mạng tiên phong

**c) Chuẩn bị về tổ chức**

- Năm 1923, trước khi sang Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc xác định rõ mục tiêu trở về nước, giác ngộ, tổ chức, đoàn kết và huấn luyện quần chúng để đấu tranh giành độc lập. Tháng 11-1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc) – nơi có nhiều người yêu nước Việt Nam – để chuẩn bị thành lập chính đảng mác xít. Dưới tên Lý Thụy, Người tham gia phái đoàn cố vấn của Liên Xô bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên.

- Tháng 2-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập nhóm Cộng sản đoàn gồm những thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã. Đến tháng 6-1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập tại Quảng Châu, với nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội công bố mục tiêu cách mạng dân tộc và thế giới, xây dựng hệ thống tổ chức 5 cấp và xuất bản báo Thanh niên (ra số đầu tiên ngày 21-6-1925). Báo là công cụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin và thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc, phát hành bí mật vào Việt Nam và các trung tâm phong trào yêu nước ở nước ngoài.

- Hội cũng tổ chức nhiều lớp huấn luyện chính trị, phái người về nước vận động, đưa thanh niên sang Quảng Châu đào tạo. Từ năm 1925 đến 1927, Hội đã tổ chức hơn 10 lớp huấn luyện và cử các học viên xuất sắc đi học ở Liên Xô và Trung Quốc.

- Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc biên soạn cuốn Đường Cách mệnh, làm rõ đường lối cách mạng Việt Nam. Sau biến cố ở Quảng Châu (4-1927), Người trở lại Liên Xô, rồi hoạt động ở châu Âu và Xiêm.

⇒ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tuy chưa phải là chính đảng cộng sản nhưng đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và đặt nền móng tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**\* Sự chuyển biến của phong trào yêu nước Việt Nam và sự ra đời các tổ chức cộng sản**

- Chủ trương vô sản hóa (1928-1929): Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chiến lược vô sản hóa, đưa số lượng hội viên lên 1.500 người. Hoạt động này thúc đẩy mạnh mẽ phong trào công nhân và phong trào yêu nước theo hướng cách mạng vô sản.

- Các cuộc đấu tranh của công nhân: Từ 1928-1929, phong trào công nhân lan rộng với 40 cuộc đấu tranh, tăng 2,5 lần so với 1926-1927. Cuộc bãi công tiêu biểu tại xưởng sửa chữa ô tô Avia (Hà Nội) được Kỳ bộ Hội

Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Chi bộ Cộng sản đầu tiên lãnh đạo, cho thấy sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

- Tổ chức và lãnh đạo thống nhất: Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ (tháng 7-1929) ra đời, giúp các cuộc đấu tranh chuyển từ tự phát sang có tổ chức, ý thức chính trị rõ ràng, đấu tranh chống lại chính sách áp bức của thực dân phong kiến.

#### \* Sự thành lập các tổ chức cộng sản

- Chi bộ Cộng sản đầu tiên (tháng 3-1929): Thành lập tại Hà Nội do Kỳ bộ Bắc Kỳ đề xuất.
- Đông Dương Cộng sản Đảng (tháng 6-1929): Khoảng 20 đại biểu họp tại phố Khâm Thiên, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ và xuất bản báo Búa liềm.
- An Nam Cộng sản Đảng (tháng 11-1929): Thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, với các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ làm nòng cốt.
- Đông Dương Cộng sản Liên đoàn: Thành lập bởi nhóm tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng Đảng tại Trung Kỳ, hoàn tất vào tháng 12-1929, nhấn mạnh việc cải tổ tổ chức cũ thành một đoàn thể cách mạng vô sản.

#### \* Sự cần thiết thống nhất các tổ chức cộng sản

- Sự tồn tại ba tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) cho thấy bước phát triển mới của phong trào công nhân và yêu nước, nhưng cũng dẫn đến sự phân tán lực lượng, tranh chấp ảnh hưởng.
- Chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản: Tháng 10-1929, Quốc tế Cộng sản yêu cầu các tổ chức cộng sản Đông Dương hợp nhất để tránh nguy cơ chia rẽ, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách là thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất đại diện cho giai cấp vô sản.

=> **Kết luận:** Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 phản ánh xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam, đánh dấu bước trưởng thành của phong trào công nhân và yêu nước, đồng thời đặt nền móng cho sự thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất.

### 3. Ý nghĩa lịch sử và nhận xét sự ra đời của ĐCSVN:

#### a, Ý nghĩa lịch sử:

- Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước của dân tộc Việt Nam
  - Chứng tỏ giai cấp công nhân VN đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng
  - Với đường lối cách mạng đúng đắn, ĐĐCSVN đã đưa cách mạng VN đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác
- => Nhận xét: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chính là sự chuẩn bị tất yếu, quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam.

#### b. Vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập ĐCSVN:

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, được xem là người tìm đường, mở đường và dẫn đường cho cách mạng Việt Nam. Vai trò của Người trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là vô cùng to lớn và có ý nghĩa quyết định.
- Nguyễn Ái Quốc là người có công lao to lớn trong việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, truyền bá tư tưởng cộng sản vào đất nước, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

### Chủ đề 10: Chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936- 1939. Thành quả và kinh nghiệm của cuộc vận động này.

#### 1. Hoàn cảnh lịch sử 1936 - 1939.

a. **Hoàn cảnh thế giới:** Chủ nghĩa phát xít hình thành, trở thành mối nguy cơ chiến tranh, đe dọa hòa bình và an ninh thế giới.

- “Chủ nghĩa phát xít là một nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính. Chúng xóa bỏ mọi quyền tự do dân chủ tư sản cổ truyền, đàn áp tiêu diệt mọi lực lượng và tổ chức chính trị đối lập, thực hành chính sách xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác.” – Cuộc biểu dương lực lượng của Đức Quốc xã ở Nuremberg năm 1936.



- 7/1935 Đại hội lần thứ 7 của quốc tế cộng sản chủ trương thành lập mặt trận nhân dân nhằm chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- 5/1936 mặt trận nhân dân Pháp lên nắm chính quyền ban hành chính sách tiến bộ cho cả thuộc địa.
- Mặt trận nhân Pháp được hình thành đề ra một số chính sách tiến bộ tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của các nước thuộc địa

## **b. Hoàn cảnh trong nước**

- Hậu quả của khủng hoảng kinh tế 1929-1933 cùng sự ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương làm cho đời sống nhân dân ta càng đói khổ.
- Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp ban hành một số chính sách dân chủ có lợi cho các thuộc địa.

## **2. Chủ trương của đảng trong giai đoạn 1936 - 1939.**

**a. Chủ trương:** Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ hai tại Thượng Hải. Xuất phát từ tình hình thực tế Hội nghị đã xác định:

**Mục tiêu chiến lược:** không thay đổi so với Hội nghị lần thứ nhất - “Cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền công nông bằng hình thức Xô viết”, “để dự bị điều kiện đi tới Cách mạng xã hội chủ nghĩa”.

**Kẻ thù trước mắt và nguy hại nhất** là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

**Nhiệm vụ trước mắt của Cách mạng:** chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Ban chấp hành Trung ương quyết định lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, đến tháng 3/1938 đổi tên thành Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ, tiến bộ đứng lên đấu tranh chống Phát xít, đế quốc Pháp phản động.

**Về đoàn kết quốc tế:** Đoàn kết với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, ủng hộ Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp để cùng chống kẻ thù chung là phát xít và phản động thuộc địa ở Đông Dương.

**Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh:** Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp. Mục đích mở rộng quan hệ của Đảng với quần chúng.

## **b. Thành quả**

- ~ Buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh và dân chủ.
- ~ Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng.
- ~ Đảng đã tập hợp được một lực lượng đông đảo quần chúng nhân dân làm cơ sở cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam sau này.
- ~ Cán bộ được tập hợp và trưởng thành.
- ~ Chủ nghĩa Mác – Lênin và các chủ trương, đường lối của Đảng đã được phổ biến, tuyên truyền một cách rộng rãi và công khai trong một thời gian dài thông qua sách báo và các hoạt động khác của phong trào dân chủ.
- ~ Tổ chức Đảng có điều kiện để củng cố và phát triển sau khi phục hồi, tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với các đảng phái phản động.
- ~ Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...
- ~ Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tổng diễn tập chuẩn bị cho Cách mạng tháng 8/1945.

## **c. Kinh nghiệm**

Tổ chức Đảng có điều kiện để củng cố và phát triển sau khi phục hồi, tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với các đảng phái phản động.

Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tổng diễn tập chuẩn bị cho Cách mạng tháng 8 năm 1945.

### 3. Ý nghĩa và nhận xét

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của Cách mạng.  
Đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi.

Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được tăng cường, tổ chức Đảng được củng cố và phát triển, số lượng đảng viên càng thêm đông (4/1938 có 1587 đảng viên).

⇒ “Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1936 là một thời kỳ vận động quần chúng sôi nổi chưa từng thấy dưới thời Pháp thống trị... chuẩn bị những điều kiện để đưa quần chúng vào những trận chiến đấu quyết liệt mới trong thời kỳ 1940 -1945” - Lê Duẩn

### Chủ đề 11: Phân tích Chủ trương chiến lược mới của Đảng trong giai đoạn 1939-1945.

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

a. Tình hình thế giới và trong nước:

\* Tình hình thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ:

- Ngày 1-9-1939, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, trong đó Pháp là nước tham chiến. Chính phủ Pháp thi hành một loạt các biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng thuộc địa.

- Tháng 6-1940, Đức tấn công Pháp và Chính phủ Pháp đã đầu hàng. Ngày 22-6-1941, quân phát xít Đức tấn công Liên Xô. Từ khi phát xít Đức tấn công Liên Xô, tính chất chiến tranh đế quốc chuyển thành cuộc chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phát xít do Đức cầm đầu.

\* Tình hình trong nước:

- Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến rất phản động: thắt tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” tăng cường vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh, bắt lính sang Pháp làm bia đỡ đạn.

- Lợi dụng sự thất thủ của Pháp ở Đông Dương, tháng 9-1940 Nhật Bản cho quân xâm lược Đông Dương, Pháp nhanh chóng đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Chịu cảnh “một cổ hai tròng” đời sống của nhân dân Việt Nam lâm vào cảnh ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp, Nhật và tay sai phản động ngày càng trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

b. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược Thể hiện qua 3 Hội nghị Trung ương:

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939)

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (11-1940)

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941) - quan trọng nhất

Trên cơ sở nhận định khả năng diễn biến của Chiến tranh thế giới lần thứ hai và căn cứ vào tình hình cụ thể ở trong nước, BCH Trung ương đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

- Một là, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo” chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

- Hai là, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.

Ở Việt Nam, Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) thu hút mọi người dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau đứng cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

- Ba là, quyết định phải xúc tiến ngay công tác khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Để khởi nghĩa vũ trang đi đến thắng lợi cần phải phát triển lực lượng cách mạng, tiến hành xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Hội nghị cũng chú trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

- Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo BCH Trung ương Đảng đã giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

- Đường lối đúng đắn gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc đã dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Chủ trương đúng đắn của Hội nghị thực sự là kim chỉ nam đối với hoạt động của Đảng cho tới thắng lợi cuối cùng năm 1945.
- Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh tuyên bố ra đời. Chương trình cứu nước của Việt Minh gồm 44 điều cụ thể để thực hiện 2 điều cơ bản là làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dân Việt Nam được sung sướng, tự do. Thông qua Mặt trận Việt Minh, Đảng mở rộng các tổ chức quần chúng và lãnh đạo phong trào đấu tranh của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Phong trào Việt Minh phát triển mạnh nhất ở Bắc Kỳ sau đó lan rộng tới Trung kỳ và Nam kỳ.
- Chuẩn bị về lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng: Sau khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940), đội du kích Bắc Sơn được duy trì và đổi tên thành Cứu Quốc quân. Ngày 22-12-1944 Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ở Nguyên Bình (Cao Bằng) do đồng chí Võ Nguyên Giáp lãnh đạo. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân phát triển mau chóng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vũ trang, xây dựng cơ sở cách mạng, thúc đẩy và cổ vũ phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước.
- Đảng và Hồ Chí Minh chỉ đạo việc thành lập các chiến khu và căn cứ địa cách mạng, tiêu biểu là căn cứ Bắc Sơn-Vũ Nhai và căn cứ Cao Bằng
- Năm 1943, Đảng công bố Đề cương Văn hóa Việt Nam - khẳng định Văn hóa là một trong ba mặt trận cách mạng do Đảng lãnh đạo, tiến tới xây dựng nền văn hóa mang 3 tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng.
- Song song với việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp - Nhật. Đảng đã dày công chuẩn bị lực lượng trên cả ba phương diện lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng, văn hóa tư tưởng để tiến tới giải phóng dân tộc khi thời cơ đến.

## **Chủ đề 11.1: Hội nghị Trung ương lần thứ 6**

### **1. Hoàn cảnh**

#### **a) Thế giới:**

- Ở Châu Âu:
- + Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Pháp tham chiến.
- Ở Đông Dương:
- + Bộ máy đàn áp được tăng cường, thiết quân luật được ban bố.
- + Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ họp đông người.

#### **b) Trong nước:**

- Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến:
- + Về chính trị: Phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng.
- + Về kinh tế: Thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy", tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc.
- + Về quân sự: Bắt lính tập và người lao động không chuyên môn từ Việt Nam sang Pháp làm bia đỡ đạn, một phần thay thế thợ thuyền Pháp bị động viên ra trận địa trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai.
- => Trước tình hình chuyển biến trên thế giới và trong nước khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã triệu tập Hội nghị lần thứ VI (1939) để chuyển hướng **chỉ đạo** chiến lược Cách mạng.
- Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng thứ 6 (11/1939) được tổ chức tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) dưới sự chủ trì của Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ

## **2. Nội dung sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng qua Hội nghị trung ương lần thứ 6 (1939).**

### **- Nội dung sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng:**

- + Nhận định kẻ thù: Đế quốc, phát xít Pháp - Nhật (chủ nghĩa đế quốc, phát xít).
- + Xác định nhiệm vụ: Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai,

giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

-Hội nghị đã phân tích tình hình và chỉ rõ: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả các sách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập".

+ Khẩu hiệu đấu tranh: Khẩu hiệu "*cách mạng ruộng đất*" tạm gác lại và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày.

- Hội nghị nhấn mạnh: "chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới". "Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết".

=> Hội nghị làm sáng tỏ mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và phản phong, xác định rõ nhiệm vụ phản đế là quan trọng, làm rõ thêm tính chất kháng khí nhưng không tiến hành nhất loạt ngang nhau giữa hai nhiệm vụ đó.

+ Mặt trận: Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ, tập hợp tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

+ Lực lượng của cách mạng: Tất cả các giai cấp, đảng phái và các lực lượng chống Đế quốc, muốn giải phóng dân tộc, bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung, tiểu địa chủ.

=> Trong lực lượng của Mặt trận, Đảng ta coi công nhân và nông dân là hai lực lượng chính, "sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh, không có sự đồng minh ấy thì cách mệnh không thể thắng lợi được".

+ Hình thức và phương pháp đấu tranh: Hội nghị quyết định chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp "bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc".

=> Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

+ Hội nghị đặc biệt chú trọng đến sự tăng cường lãnh đạo của Đảng, đề ra những nguyên tắc và biện pháp cụ thể nhằm củng cố Đảng về mọi mặt. Phải thống nhất ý chí và hành động, phải mật thiết liên lạc với quần chúng, phải có vũ trang lý luận cách mạng phải lập tức khôi phục hệ thống tổ chức Đảng Trung - Nam - Bắc, phải khuyến khích và củng cố cơ sở Đảng ở các thành thị, các trung tâm điểm kỹ nghệ và các hầm mỏ, đồn điền, thực hiện tự phê bình và đấu tranh trên hai mặt trận chống "tả" khuynh và "hữu" khuynh, đặc biệt chú trọng sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng.

=> Như vậy, chủ trương đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tăng cường đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất đã được Đảng ta đặt ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (11-1939).

### **3. Nhận xét và ý nghĩa tác dụng của Hội nghị trung ương lần thứ 6.**

- Mở đầu cho quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng

- Nêu lên những vấn đề cụ thể, chuẩn bị cho những giai đoạn cách mạng tiếp theo

## **Chủ đề 11.2: Hội nghị Trung ương lần thứ 7**

### **1. Hoàn cảnh:**

#### **a. Bối cảnh quốc tế:**

- Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng. Đức Quốc xã chiếm phần lớn châu Âu, trong khi Nhật Bản mở rộng ảnh hưởng tại châu Á, đặc biệt là khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

- Nhật Bản xâm lược Đông Dương, buộc thực dân Pháp phải hợp tác để duy trì quyền cai trị tại thuộc địa. Sự kết

hợp giữa Pháp và Nhật đã gây thêm áp bức, bóc lột nặng nề đối với nhân dân Đông Dương.

**b. Bối cảnh trong nước:**

- Nhiều đồng chí Trung ương bị sa vào tay giặc.
  - Chính trị - xã hội: tình hình chính trị, xã hội Việt Nam trở nên cực kỳ căng thẳng. Nhân dân chịu cảnh bóc lột hai tầng (Pháp và Nhật), nạn đói và thuế má đè nặng, khiến đời sống ngày càng cơ cực.
  - Phong trào cách mạng: Mặc dù gặp khó khăn từ sự đàn áp của chính quyền thực dân, phong trào cách mạng ở Việt Nam tiếp tục phát triển, đặc biệt là sự đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương để tập hợp lực lượng và xây dựng phong trào quần chúng.
  - Sự chuyển hướng chiến lược: Trước tình hình mới với sự xuất hiện của Nhật Bản và sự suy yếu của Pháp, yêu cầu cấp bách đặt ra cho Đảng là phải điều chỉnh chiến lược đấu tranh để thích nghi với tình hình thực tế.
- Hội nghị Trung ương lần thứ 7 của Đảng được tổ chức vào tháng 11 năm 1940 tại Đình Bảng (Bắc Ninh). Hội nghị đã đề ra sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của tình hình lịch sử, đặc biệt là trước sự thay đổi lớn trong bối cảnh quốc tế và trong nước.

**2. Nội dung sự chuyển hướng CHỈ ĐẠO chiến lược Cách Mạng qua Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (1940):**

**a. Nhiệm vụ hàng đầu: Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trên hết:**

- Trước sự chiếm đóng của Nhật Bản tại Đông Dương và sự suy yếu của thực dân Pháp, Hội nghị xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trung tâm, cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương.
- Hội nghị nhấn mạnh rằng mâu thuẫn dân tộc (giữa nhân dân Đông Dương với Pháp - Nhật) là mâu thuẫn cơ bản và cần tập trung giải quyết.

**b. Chống phong kiến là một trong những mục tiêu chiến lược:**

- Hội nghị nhận định rằng phong kiến, mặc dù đang suy yếu, vẫn là một lực lượng phản động trong xã hội Việt Nam.
- Đảng quyết định đặt việc chống phong kiến là một phần quan trọng trong chiến lược cách mạng, không chỉ là chống lại sự áp bức của thực dân Pháp mà còn là sự phá vỡ các tàn tích phong kiến trong xã hội Việt Nam.

**c. Chuyển hướng phương pháp đấu tranh:**

- Đảng quyết định phải linh hoạt trong phương pháp đấu tranh, không cứng nhắc theo một chiến lược duy nhất, mà phải tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể. Điều này bao gồm việc sử dụng các hình thức đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, cũng như tận dụng sự phân hóa trong hàng ngũ địch để giành lợi thế.
- Hội nghị xác định phương pháp đấu tranh chống phong kiến một cách có kế hoạch, không chỉ bằng vũ lực mà chủ yếu thông qua việc tuyên truyền, giáo dục quần chúng và tổ chức phong trào quần chúng đấu tranh chống các tàn tích phong kiến.
- Hoàn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vì ở miền Nam chưa có đủ điều kiện bảo đảm cho khởi nghĩa thắng lợi. Đặt vấn đề khởi nghĩa Nam Kỳ vào chương trình nghị sự.

**d. Xây dựng lực lượng cách mạng:**

- Mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất: Đảng kêu gọi các lực lượng yêu nước, các tôn giáo đoàn kết lại để cùng nhau chống kẻ thù chung.
- Duy trì, phát triển lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích, dùng hình thức vũ trang công tác, khi cần thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ sinh mạng tài sản của nhân dân...

**e. Xây dựng Đảng về mặt tổ chức:**

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng: Đảng cần đóng vai trò trung tâm trong việc thống nhất lực lượng cách mạng và lãnh đạo các phong trào đấu tranh.
- Kết hợp chặt chẽ giữa các địa phương và lực lượng: Hội nghị nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phối hợp trong cả nước để tạo thành sức mạnh tổng hợp.

**3. Nhận xét và ý nghĩa tác dụng của Hội nghị Trung ương lần thứ 7:**

- Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 7 năm 1940 là một mốc son quan trọng trong lịch sử Việt Nam, có những quyết định mang tính lịch sử, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

**a. Nhận xét Hội nghị Trung ương lần thứ 7:**

- Quyết định kịp thời và đúng đắn trước tình hình lịch sử.
- Bước chuyển hướng chỉ đạo chiến lược mang tính cách mạng.
- Củng cố tổ chức và đoàn kết lực lượng cách mạng.
- Hạn chế và khó khăn:
  - + Mắc phải sai lầm của Luận cương Chính trị tháng 10/1930.
  - + Mặc dù đề ra chủ trương đúng đắn, nhưng điều kiện khách quan lúc bấy giờ (sự đàn áp khốc liệt của Pháp - Nhật) khiến các phong trào như Khởi nghĩa Nam Kỳ (1940) và Khởi nghĩa Bắc Sơn (1940) gặp nhiều khó khăn, dẫn đến thất bại cục bộ.
  - + Một số địa phương chưa kịp thời thực hiện các chỉ đạo chiến lược từ hội nghị, do tổ chức cách mạng ở nhiều nơi còn non yếu.
  - + Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Hội nghị tháng 11-1939.

#### **b. Ý nghĩa tác dụng Hội nghị Trung ương lần thứ 7:**

- Khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam.
- Hội nghị Trung ương 7 giúp Đảng Cộng sản Đông Dương chuẩn bị lực lượng và tạo nền móng vững chắc cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

### **Chủ đề 11.3: Hội nghị Trung ương lần thứ 8**

**1. Hoàn cảnh năm 1941:** Tháng 5/1941 Hội nghị Trung ương lần thứ 8 diễn ra trong hoàn cảnh có nhiều chuyển biến lịch sử kể cả trong nước lẫn quốc tế.

#### **a, Tình hình quốc tế:**

- Ngày 1/9/1939, chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ và lôi cuốn nhiều nước tham gia. Chính phủ Daladiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa.

- Tháng 6/1940, Pháp bị Đức chiếm đóng, chính phủ Pháp đầu hàng.

- Ngày 22/6/1941, Đức tấn công Liên Xô.

=> Gây ảnh hưởng gián tiếp đến tình hình cách mạng ở Việt Nam:

+ Thuận lợi: Làm suy yếu sự cai trị của thực dân Pháp, tạo tiền đề cho các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Dương trong đó có Việt Nam, thay đổi tình hình chính trị quốc tế, tạo cơ hội cho các phong trào ở các nước thuộc địa.

+ Khó khăn: Nhật một đồng minh của Đức, gia tăng sự can thiệp vào Đông Dương do Pháp không còn khả năng giữ thuộc địa của mình, tạo nên một chế độ cai trị hà khắc, đàn áp các phong trào cách mạng. Khó khăn trong việc nhận sự trợ giúp từ quốc tế do dồn sự quan tâm về chiến trường ở châu Âu

#### **b, Tình hình trong nước:**

- Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng.

- Đến ngày 28/9/1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, thủ tiêu những quyền tự do dân chủ đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người...

- Ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy nhằm tăng cường võ vét sức người sức của để phục vụ chiến tranh

- Tháng 9/1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, điều này đã làm gia tăng mâu thuẫn dân tộc và thúc đẩy các tổ chức cách mạng, như Việt Minh, hoạt động mạnh hơn.

- Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và làm việc ở Cao Bằng. Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng. “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”.

## 2. Nội dung sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng qua Hội nghị trung ương lần thứ 8 (5/1941)

### a) Thứ nhất, đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu

- Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp và phát xít Nhật là “không đội trời chung”. Dân tộc ta không thể chấp nhận được sự thống trị của chúng
- Hội nghị đã đưa ra nhận định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp, phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

### b) Thứ hai, khẳng định dứt khoát “phải điều chỉnh chiến lược”

“Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền (giải quyết vấn đề phân đế và điền địa), mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, tạm gác chống phong kiến, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

### c) Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương:

- Thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”.
- Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

### d) Thứ tư, thành lập Hội Việt Nam cách mạng đồng minh (gọi tắt là mặt trận Việt Minh)

- Mặt trận Việt Minh gồm giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp tri thức tiểu tư sản, một bộ phận tư sản dân tộc yêu nước và các cá nhân, tổ chức yêu nước khác.
- Tác dụng: đoàn kết dân tộc, không phân biệt giai cấp, tôn giáo hay thành phần xã hội, miễn là cùng chung mục tiêu giải phóng dân tộc. Đây là yếu tố quan trọng giúp Việt Minh tập hợp sức mạnh toàn dân để tiến tới thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

### e) Thứ năm, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân.

- “Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”.
- Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

### g) Thứ sáu, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

- Chủ trương:
  - + củng cố chính quyền cách mạng: thành lập Quốc Hội, xây dựng bộ máy chính quyền từ TW đến địa phương.
  - + Giải quyết nạn đói, nạn dốt, khó khăn kinh tế: phong trào Hũ cứu đói, tăng gia sản xuất, tổ chức các lớp Bình dân học vụ, in tiền Việt Nam, phong trào Tuần lễ vàng
  - + Đồi phó thù trong giặc ngoài, phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc
- Quốc kì: Cờ đỏ sao vàng
- Quốc ca: Tiến quân ca (Văn Cao)
- Quốc khánh: 2/9
- Quốc huy: Có dạng hình tròn, nền và viền đỏ, phía trong là hình ảnh một ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh là hình ảnh bông lúa
- Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”

## 3, Nhận xét, tác dụng và ý nghĩa của Hội nghị trung ương lần thứ 8 (5/1941)

### a, Nhận xét:

- Hội nghị trung ương lần thứ 8 tiếp tục chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Hội nghị trung ương lần thứ 6
- Có tác dụng trong phong trào đánh Pháp – đuổi Nhật và dành chính quyền về tay nhân dân sau này.

- So sánh giữa Hội nghị trung ương lần thứ 6 (1939) với Hội nghị trung ương lần thứ 8 (5/1941) (tham khảo)

Nội dung	Hội nghị trung ương lần thứ 6 (1939)	Hội nghị trung ương lần thứ 8 (5/1941)
----------	--------------------------------------	----------------------------------------

Xác định kẻ thù	Thực dân Pháp và tay sai	Thực dân Pháp – Phát xít Nhật
Nhiệm vụ	Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc ở Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập	Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng dân tộc
Khẩu hiệu	- Tạm gác lại khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất”, tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. - Thay khẩu hiệu “Thành lập chính quyền Xô Viết công – nông – binh” bằng khẩu hiệu “Chính phủ dân chủ cộng hòa”	Tạm gác khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất”, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, tiến tới người cày có ruộng
Phương pháp đấu tranh	Bí mật, bất hợp pháp	Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa
Hình thức mặt trận	Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương	Ngày 19/05/1941, thành lập Mặt trận Việt Minh

**b, Tác dụng và ý nghĩa:**

- Khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.
- Khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.
- Hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị trung ương lần thứ 6 (11/1939).

=> Hội nghị Trung ương lần thứ 8 là một cột mốc đánh dấu sự hoàn chỉnh trong chiến lược cách mạng của Đảng.

**Chủ đề 12: Phân nguyên nhân thắng lợi, tính chất và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945**

**1. Nguyên nhân thắng lợi :**

\* Nguyên nhân khách quan: Cách mạng tháng 8 nổ ra trong hoàn cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi. Đó là lúc phe phát xít đã bại trận. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phát xít 48 Nhật đã phải đầu hàng đồng minh. Quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang, rệu rã.

\* Nguyên nhân chủ quan:

- Đó là kết quả của 15 năm đấu tranh gian khổ, đầy hy sinh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, là kết quả tổng hợp của 3 cao trào cách mạng.
- Đó là sự hy sinh quên mình của bao đảng viên, cán bộ, quần chúng cách mạng.
- Đó là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là điều kiện cơ bản, quyết định thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945.

**2. Ý nghĩa lịch sử:**

\* Đối với dân tộc:

- Cách mạng Tháng Tám đã đập tan ách thống trị của đế quốc và phong kiến, lập ra nước VNDCCH.
- Cách mạng tháng 8 năm 1945 đã đánh dấu một trang sử vẻ vang của dân tộc ta, đánh dấu sự đổi đời của một dân tộc. Cách mạng Tháng Tám đã đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dân chủ, đưa Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp trở thành một Đảng nắm chính quyền, đưa dân tộc ta lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới.
- Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng nước ta- kỷ nguyên của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.
- Cách mạng tháng Tám là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản. Đây là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước thuộc địa.

\* Đối với quốc tế:



- Cách mạng Tháng Tám đã nâng cao vị thế quốc tế của dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.
- Cách mạng Tháng Tám đã phá tan một mắt xích quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

### 3. Những bài học kinh nghiệm:

Cách mạng tháng Tám thành công đã để lại cho Đảng ta và nhân dân Việt nam nhiều bài học quý báu, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc. Đó là những bài học chính sau đây:

- Một là: Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Tuy 2 nhiệm vụ không tách rời nhau nhưng chống đế quốc phải là nhiệm vụ hàng đầu, chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu thích hợp. Đường lối này đã được khẳng định trong đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và trở thành cương lĩnh của Đảng ta.
- Hai là: Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh Công – Nông.
- Ba là: Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.
- Bốn là: Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.
- Năm là: Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chớp đúng thời cơ.
- Sáu là: Xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Tóm lại: Thắng lợi của cách mạng tháng 8-1945 là kết quả tất yếu của 15 năm chuẩn bị chu đáo của Đảng ta, là kết quả của cuộc đấu tranh yêu nước rộng lớn của dân tộc, sự hy sinh anh dũng của đồng bào, đồng chí cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

## Chủ đề 13: Chủ trương và diễn biến của cuộc đấu tranh bảo vệ & xây dựng chính quyền cách mạng thời kỳ 1945 - 1946. (Câu 2 Bài kiểm tra giữa kì)

### 1. Hoàn cảnh.

#### a. Hoàn cảnh quốc tế:

- **Thuận lợi:** Sau khi giải phóng khỏi chủ nghĩa phát xít, một số nước Đông Âu được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Phe chủ nghĩa xã hội hình thành do Liên Xô làm trụ cột đối đầu với phe chủ nghĩa tư bản do Mỹ đứng đầu. Khi Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, chủ nghĩa đế quốc bị suy yếu tạo điều kiện cho các phong trào chống đế quốc, giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa dân cao. Tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương, sự thất bại của phát xít Nhật và các thế lực tay sai đã tạo điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào đấu tranh giải phóng của các nước thuộc địa, trong đó Việt Nam là một nước đi tiên phong.

- **Khó khăn:** Sau thất bại Chiến tranh thế giới lần thứ II, các nước đế quốc chủ nghĩa bộc lộ rõ âm mưu trong việc “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”, bắt tay dàn xếp với nhau nhằm phục hồi chủ nghĩa thực dân và ra sức tấn công, đàn áp các phong trào cách mạng thế giới trong đó có Việt Nam. Các nước Đồng minh chống phát xít vốn dĩ trước đây có mối quan hệ tốt đẹp với Việt Minh, nhưng từ sau khi Việt Nam giành chính quyền, những nước này lại không ủng hộ lập trường độc lập của Việt Nam, không nước nào công nhận địa lý pháp lý nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngoài ra, quan hệ của Đảng Cộng sản Đông Dương với các Đảng Cộng sản trên thế giới và các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới gặp nhiều trở ngại, khó khăn. Việt Nam bị bao vây cách biệt với các nước bên ngoài. Cục diện thế giới biến đổi gây bất lợi đối với cách mạng 3 nước Đông Dương.

## **b. Hoàn cảnh trong nước:**

- **Thuận lợi:** Việt Nam trở thành quốc gia tự do, độc lập. Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo trong cả nước, hình thành hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương với phẩm chất chính trị hoàn toàn mới, mục đích hoạt động đều vì lợi ích của nhân dân. Chính phủ Việt Nam được thành lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, Người với uy tín đạo đức, trí tuệ và tài năng đã trở thành trung tâm đại đoàn kết dân tộc, là biểu tượng của nền độc lập tự do của Việt Nam. Sự phát triển nhanh của Quân đội quốc gia Việt Nam, việc thống nhất lực lượng Công an trong toàn quốc, thành lập các tòa án quân sự, xây dựng các lực lượng bán vũ trang, ... nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền cách mạng.

- **Khó khăn:** Hệ thống chính quyền còn non trẻ, kinh tế đất nước tiêu điều sau chiến tranh tàn khốc, tiêu cực xã hội, hủ tục, tệ nạn xã hội tràn lan do tàn dư chế độ cũ, dân ta 95% mù chữ, 2 triệu người chết đói và khó khăn lớn nhất đối với Cách mạng Việt Nam bấy giờ đó chính là âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp. Mượn cớ giải giáp quân đội Nhật, tháng 9 năm 1945, 2 vạn quân Anh - Ấn đổ bộ vào Sài Gòn, thực dân Pháp theo chân xâm lược Nam Bộ; ngày 23/9/1945 chúng ngang nhiên nổ súng đánh chiếm Sài Gòn – Chợ Lớn mở đầu cuộc xâm lược lần thứ 2. Vẫn cố đó, theo hiệp ước Potsdam, cuối tháng 8 năm 1945, 20 vạn quân Tưởng dưới sự bảo trợ của Mỹ và Đồng minh vào để giải giáp quân đội Nhật ở Bắc Việt Nam, nhưng thực chất chúng vào nước ta với âm mưu “*Diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh*” – Tiêu diệt cộng sản, bắt giam Hồ Chí Minh, phá tan Mặt trận Việt Minh. Ngoài giặc ngoại xâm, các thế lực phản động nội xâm, các tội phạm hình sự bắt đầu ngóc đầu dậy cấu kết với thế lực ngoại bang chống phá cách mạng rất quyết liệt. Ở Việt Nam cùng lúc chống 3 loại giặc: *Giặc đói, Giặc dốt, Giặc ngoại xâm* và Vận mệnh chính quyền Cách mạng “*ngàn cân treo sợi tóc*”.

## **2. Chủ trương và biện pháp của Đảng để xây dựng, bảo vệ chính quyền Cách mạng (9/1945 – 12/1946).**

### **a. Nhiệm vụ lớn: Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.**

### **b. Chủ trương của Đảng:**

- Ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị “*Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc*” nhằm định hướng con đường đi lên của cách mạng, đặt dấu ấn đầu tiên về tư duy chính trị của Đảng cầm quyền.

- Chỉ thị phân tích sự biến đổi sâu sắc tình hình thế giới và trong nước đặc biệt là Nam Bộ; đồng thời xác định rõ kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược; mục tiêu của cách mạng Đông Dương là “*Dân tộc giải phóng*”; khẩu hiệu “*Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết*”.

- Phương hướng nhiệm vụ, giải pháp lớn của cách mạng Việt Nam: Tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất; Tăng cường công tác chính trị (xúc tiến bầu cử Quốc hội để thành lập Chính phủ, lập Hiến pháp), quân sự, kinh tế - xã hội (nạn đói, nạn dốt), ngoại giao (Chú ý “*làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết*”), quân sự, ...

### **\* Tăng cường công tác chính trị:**

- Với tinh thần làm chủ và khẳng định Việt Nam là một quốc gia độc lập, tự do, có chủ quyền, ngày 6/1/1946, toàn dân Việt Nam nô nức tham gia bầu cử bầu ra Quốc hội. Hơn 89% số cử tri đi bầu cử, một số điểm bầu cử dưới làn đạn của giặc, nhưng tất cả thể hiện tinh thần “*mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù*”, là đòn đánh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ, xâm lược nước ta của kẻ thù. Quốc hội lập ra Chính phủ, thông qua Hiến pháp (1946); các địa phương bầu ra Hội đồng nhân dân và kiện toàn các Ủy ban các cấp

- Đảng quan tâm xây dựng bộ máy chính quyền mới dân chủ, trong sạch luôn đi đôi với chấn chỉnh, sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm trong bộ máy, bỏ ngay những thói hư, tật xấu như: tư túng, cậy thế, hủ hóa,

chia rẽ, kiêu ngạo.

- Tăng cường lực lượng, mở rộng hơn nữa Mặt trận dân tộc thống nhất và đại đoàn kết toàn dân tộc chống thực dân Pháp: Thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ, thành lập một số đoàn thể xã hội mới, ... Lực lượng vũ trang được củng cố và tổ chức lại, tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực thuốc men, củng cố cơ sở và căn cứ địa cách mạng. Chính phủ ra sắc lệnh xây dựng Quân đội quốc gia, thống nhất lực lượng Công an toàn quốc, dân quân tự vệ tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam.

#### **\* Diệt giặc đói:**

- Đây là *nhiệm vụ lớn và vô cùng cấp bách* lúc bấy giờ.

- Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên nhân dân cả nước tham gia các phong trào: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hũ gạo tiết kiệm, tổ chức *Tuần lễ vàng*, Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, ...; bãi bỏ nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ, giảm tô 25%; chia lại đất cho dân nghèo; khuyến khích tư nhân đầu tư khôi phục hoạt động trở lại; Ngân khố xây dựng trở lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam.

- Kết quả đạt được: Sản xuất nông nghiệp khởi sắc. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc phát huy cao độ, góp phần động viên kháng chiến ở Nam Bộ.

#### **\* Diệt giặc dốt:**

- Đây là *giải pháp quan trọng* để xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân.

- Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào "*Bình dân học vụ*", toàn dân học chữ Quốc ngữ từng bước xóa bỏ nạn dốt; vận động toàn dân xây dựng đời sống mới, nền văn hóa mới, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, các hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu để trở nên tiến bộ; đào tạo đại học nước nhà được quan tâm xây dựng, ...

- Kết quả đạt được: Cuối năm 1946, có thêm hơn 2,5 triệu người dân thoát nạn mù chữ. Đời sống nhân dân được cải thiện, nhân dân tin tưởng, gắn bó với chế độ mới và càng nêu cao tinh thần quyết tâm bảo vệ cách mạng.

#### **\* Diệt giặc ngoại xâm:**

- Để bảo vệ nền độc lập, Đảng đã thực hiện nhiều chủ trương, sách lược và đối sách linh hoạt, khôn khéo.

- Ở Nam Bộ, sau khi thực dân Pháp nổ súng gây hấn, đánh chiếm Sài Gòn, nhân dân đã đứng lên kháng chiến ngay từ ngày 23/9/1945. Nhân dân các tỉnh Nam Bộ nêu cao tinh thần "*thà chết tự do còn hơn sống nô lệ*", quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ vừa giành được. Chính phủ và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và chi viện cho đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Cuộc kháng chiến diễn ra trong điều kiện lực lượng chênh lệch, nhưng với tinh thần yêu nước và sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Nam Bộ đã chiến đấu anh dũng, ngăn chặn bước tiến của quân Pháp.

- Ở miền Bắc, Đảng chủ trương "*triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc*" với quân Tưởng để tránh đối đầu trực tiếp. Đảng rút vào hoạt động bí mật, thực hiện chính sách "*liên hiệp bên trên, quét sạch bên dưới*" để đối phó với quân Tưởng và tay sai, nhượng cho chúng một số ghế trong Quốc hội và Chính phủ.

- Đầu năm 1946, tình hình ở Pháp không có lợi cho cuộc chiến của Pháp ở Đông Dương. Pháp và Trung Hoa dân quốc ký Hiệp ước Trùng Khánh, đặt cách mạng Việt Nam đối đầu trực tiếp với 2 kẻ thù. Trước tình hình đó, Thường vụ Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh nhanh chóng nhận định, đánh giá đúng âm mưu, ý đồ chính trị của Anh, Mỹ, Tàu, Pháp và đề ra chủ trương mới: tạm thời "*dàn hòa với Pháp*", nhân nhượng với Pháp về kinh tế nhưng Pháp phải thừa nhận quyền tự quyết của dân tộc ta; trong khi hòa hoãn với Pháp để diệt bọn phản động tay sai ở trong, trừ những hành động khiêu khích ta với Pháp.

- Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp, công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp. Tuy nhiên, Đảng luôn cảnh giác và chuẩn bị cho khả năng kháng chiến. Chỉ thị "Hòa để tiến" được ban hành, nhấn mạnh việc tăng cường lực lượng và sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết.

- Sau Hiệp định Sơ bộ, Đảng và Chính phủ đã tiến hành cuộc đấu tranh ngoại giao kiên trì với Pháp trong năm 1946, tham gia các hội nghị ở Đà Lạt và Fontainebleau nhưng đều không đạt được kết quả tích cực nào. 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho Chính phủ Việt Nam ký với Pháp bản Tạm ước, nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam, đồng thời đình chiến và tiếp tục đàm phán.

- Trong khi đó, ở trong nước, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Đảng và Chính phủ đã kịp thời đập tan âm mưu đảo chính của Quốc dân đảng vào tháng 7/1946, giữ vững chính quyền cách mạng, lột mặt nạ bọn phản dân hại nước của bọn tay sai thân Tưởng, tăng cường khối đại đoàn kết Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Đảng chủ trương đưa cả nước từng bước chuyển sang tình trạng chiến tranh, củng cố căn cứ địa, di chuyển các cơ quan lãnh đạo về an toàn khu và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. [9]ở Bắc chí Nam. Quân đội quốc gia, thống nhất lực lượng Công an toàn quốc, ủng hộ cơ sở và căn cứ

### 3. Ý nghĩa:

- Đáp ứng kịp thời yêu cầu cấp bách của cuộc cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ; có tác dụng định hướng tư tưởng, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, vừa kháng chiến vừa kiến quốc của nhân dân trong giai đoạn đầy khó khăn, phức tạp này.

- Củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, bước đầu xây dựng đời sống mới; đối phó có hiệu quả với các hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực giặc ngoài, thù trong bảo vệ vững chắc hệ chính quyền cách mạng non trẻ.

- Ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của các kẻ thù, của phe đế quốc, mà trực tiếp là của thực dân Pháp và đội quân Trung Hoa Dân quốc và các thế lực tay sai; củng cố, giữ vững và bảo vệ an toàn toàn hệ thống bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ tích cực chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

## Chủ đề 13.1: Thuận lợi và khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8

### 1. Thuận lợi

#### a. Về quốc tế:

- Sau khi giải phóng khỏi chủ nghĩa phát xít, một số nước ở Đông Âu được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội và sau đó phe xã hội chủ nghĩa dần hình thành do Liên Xô làm trụ cột và trở thành hệ thống đối trọng với phe tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu.
- Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc, chủ nghĩa phát xít thế giới bị tiêu diệt, chủ nghĩa đế quốc lâm vào tình trạng suy yếu, đã tạo ra điều kiện cho phong trào chống đế quốc, thực dân giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa ở khắp các nước châu Á, Châu Phi và cả Mỹ Latinh dâng cao.
- Ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, sự thảm bại của phát xít Nhật và các thế lực tay sai đã tạo điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa, phụ thuộc, trong đó Việt Nam là một nước tiên phong.

#### b. Về trong nước:

- 19/8/1945 Cách Mạng tháng Tám thành công nhân dân giành được chính quyền, uy tín của Đảng được khẳng định, Việt Nam trở thành quốc gia độc lập tự do; nhân dân thoát khỏi thân phận nô lệ bị áp bức, trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới.
- Đảng Cộng sản do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, lãnh đạo cách mạng trong nước. Hình thành hệ thống chính quyền Cách Mạng với bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến cơ sở.

- Quân đội quốc gia và lực lượng công an, hệ thống luật pháp của chính quyền cách mạng được khẩn trương xây dựng và phát huy vai trò đối với cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, xây dựng chế độ mới.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng của nền độc lập, tự do, là trung tâm của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.
- Toàn Đảng, toàn dân quyết tâm xây dựng và bảo vệ chính quyền.

## 2. Khó khăn

### a. Về thế giới:

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, các nước đế quốc có âm mưu mới trong việc “chia lại hệ thống thuộc địa thuộc thế giới” chúng bắt tay hợp tác với nhau, liên kết với nhau phục hồi lại chủ nghĩa thực dân nhằm duy trì sự thống trị của mình đối với các nước thuộc địa nằm trong tầm ngắm của chúng, ra sức tấn công và đàn áp các phong trào cách mạng thế giới, trong đó có Việt Nam và kể các nước thuộc Đông Dương.
- Cục diện thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai thay đổi rõ rệt, diễn biến ngày một phức tạp, phần nhiều bất lợi đối với cách mạng của các nước Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

### b. Trong nước:

#### \* Về chính trị:

- Bộ máy chính quyền mới được thiết lập nên còn non trẻ, yếu kém, luôn bị các thế lực nội phản trong nước chống phá.
- Các tổ chức phản động ra sức chống phá Cách mạng.
- Đối với giặc ngoại xâm: Các thế lực quốc tế lấy danh nghĩa giải pháp quân đội Nhật kéo quân vào nước ta: từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc có 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc, từ vĩ tuyến 16 trở về Nam có 2 vạn quân Anh-Ấn. Bên cạnh đó, trên đất nước Việt Nam còn 6 vạn quân Nhật chưa được giải pháp. Ngày 23/09/1945, Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ 2.

#### \* Về kinh tế, tài chính: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản:

- Nền kinh tế xơ xác, tiêu điều sau chiến tranh tàn khốc, công nghiệp bị đình đốn, nông nghiệp bị “hoang hóa đến 50%” ruộng đất, sự tàn phá của thiên tai, lũ lụt (đê điều không được sửa chữa) => khiến nhiều người mất mạng, mất nhà cửa, gia súc, của cải. Nạn đói năm 1945 khiến 2 triệu người dân chết đói.
- Ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng, tình trạng lạm phát nghiêm trọng cùng với việc chính quyền Trung Hoa Dân Quốc tung các loại tiền Trung Hoa khiến cho đồng tiền Đông Dương mất giá (Năm 1939 giá gạo từ 4-5 đồng/tạ, đến giữa năm 1945 lên đến 700-800 đồng/tạ).

#### \* Về văn hóa, xã hội:

- Sau 80 năm chịu sự “khai hóa văn minh” của người Pháp, hơn 90% dân số Việt Nam vẫn không biết đọc, biết viết.
- Đi cùng với sự “khai hóa văn minh” là các tệ nạn xã hội như cờ bạc, hút chích tràn lan, các hủ tục lạc hậu, thói hư tật xấu chưa được khắc phục.

#### \* Về quân sự:

- Lực lượng quân đội chưa hoàn thiện, trang bị thô sơ không thể sánh với trang bị hiện đại của quân đế quốc.
- Kinh nghiệm chiến đấu còn hạn chế, chủ yếu là dân quân tự vệ kinh nghiệm chiến đấu còn ít chưa quen với chiến đấu quy mô lớn.
- 22/12/1944 Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân mới được thành lập ở khu rừng Trần Hưng Đạo dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp gồm 34 chiến sĩ.

#### \* Về ngoại giao:

- Việt Nam bị cô lập, không nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ các nước lớn hoặc các phong trào giải phóng dân tộc khác.
- Không có nước nào công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- Thiếu cơ sở vật chất, phương tiện và nhân sự để tổ chức để tổ chức các hoạt động ngoại giao hiệu quả trên trường quốc tế.

## 3. Nhận xét

- Sau Cách mạng tháng 8, tình hình nước ta đứng trước các thử thách, khó khăn vô cùng đau đớn, khó khăn chồng chất khó khăn, vận mệnh nước ta đứng trước tình thế ngàn cân treo sợi tóc.
- Hai khả năng đặt ra cho chính quyền Cách mạng, khả năng thứ nhất đưa chính quyền trở lại kiếp sống nô lệ, hai là có thể bảo vệ, xây dựng chính quyền Cách mạng.
- Sau khi phân tích, đánh giá tình hình, Trung ương Đảng nhận định khó khăn tuy to lớn chồng chất nhưng có thể khắc phục được, Trung ương đã đề ra những biện pháp cụ thể được thể hiện qua Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25/11/1945).

## **Chủ đề 13.2: Nội dung chỉ thị “Kháng chiến – Kiến quốc” 25/22/1945**

### **1. Hoàn cảnh**

#### **a. Thuận lợi**

- Thế giới
  - Sau khi chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, phe xã hội chủ nghĩa dần hình thành do Liên Xô làm thành trì
  - Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa dâng cao
- Trong nước
  - Đất nước độc lập, nhân dân tự do dưới sự lãnh đạo Đảng Cộng sản
  - Bộ máy nhà nước dần hoàn thiện

#### **b. Khó khăn**

- Thế giới: Chủ nghĩa đế quốc ra sức đàn áp các phong trào cách mạng trên toàn thế giới (trong đó có Việt Nam)
  - Trong nước:
    - Nước VNDCCH mới ra đời, chính quyền còn non trẻ, yếu kém và thiếu thốn về mọi mặt
    - Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc cùng tay sai kéo vào nước ta hòng cướp chính quyền
    - Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân Anh kéo vào dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược. Trên cả nước vẫn còn hơn 6 vạn quân Nhật, theo lệnh Anh chống phá cách mạng
    - Ngân sách trống rỗng; nạn đói, nạn dốt chưa được khắc phục; tệ nạn tràn lan
- Ở Trước tình thế này, việc đưa ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” là điều tất yếu cho sự tồn vong của đất nước

### **2. Nội dung chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”**

- Nêu rõ mục tiêu của cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là “dân tộc giải phóng”. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước ta chưa được hoàn toàn độc lập” và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”
- Xác định rõ: “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng” vì
  - Hành động xâm lược trắng trợn
  - Tăng cường lực lượng quân sự xâm lược
  - Củng cố thế lực phản động chống phá chính quyền cách mạng
- Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là:
  - Củng cố chính quyền là chủ yếu vì chính quyền là nhiệm vụ cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Có được chính quyền có thể làm được tất cả các công việc về đối nội và đối ngoại. Lê-nin đã từng nói: “Giành được chính quyền đã khó, giữ được chính quyền còn khó hơn nhiều” nên việc củng cố chính quyền là vô cùng quan trọng
  - Chống thực dân Pháp xâm lược
  - Bài trừ nội phản
  - Cải thiện đời sống cho nhân dân
  - Kiên quyết giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc
- Phương hướng nhiệm vụ, giải pháp lớn của cách mạng Việt Nam lúc này được Đảng xác định là phải tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất, đoàn kết, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược; tăng cường các mặt công tác chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao...
- Chỉ thị đã đề ra nhiều biện pháp cụ thể phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt và giải quyết những khó khăn, phức

tập hiện thời của cách mạng Việt Nam:

- Về nội chính: xúc tiến bầu cử Quốc Hội để thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân
- Về kinh tế - tài chính: Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói được xác định là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia với các phong trào lớn, các cuộc vận động lớn trong toàn quốc được phát động, Bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ
- Về văn hóa: Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt, coi đó là một “giải pháp quan trọng”. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ Quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn dốt; vận động toàn dân xây dựng đời sống mới, nền văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ
- Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài
- Về ngoại giao: Kiên trì nguyên tắc “Bình đẳng tương trợ”, đặc biệt chú ý “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”, thực hiện khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và chủ trương “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp

### 3. Ý nghĩa

a) Ý nghĩa:

- Soi sáng con đường bảo vệ chính quyền
- Chỉ đi theo một con đường xây dựng chế độ mới đi đôi với bảo vệ chế độ mới, đó cũng chính là quy luật dựng nước và giữ nước của dân tộc

b) Nhận xét:

- Chỉ thị đã vạch ra được những vấn đề cơ bản để chỉ đạo cho những giai đoạn tiếp theo
- Chỉ thị còn đề ra các biện pháp thực hiện những nhiệm vụ cụ thể về chính quyền, kháng chiến ở Nam Bộ, về chống và đề phòng nạn đói, về tổng quyền cử...

### **Chủ đề 14: Phân tích nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng.**

#### **1. Lý do bùng nổ cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược (1946-1954):**

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng. Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục kiềm chế, kiên trì thực hiện chủ trương hòa hoãn và bày tỏ thiện chí hòa bình, thái độ nhân nhượng nhằm tìm kiếm con đường hòa bình bảo vệ, giữ gìn toàn vẹn nền độc lập, tự do của Việt Nam, đồng thời tìm mọi cách cố gắng cứu vãn mối quan hệ Việt - Pháp đang ngày càng xấu đi và ngăn chặn một cuộc chiến tranh nổ ra với Pháp.

- Sự kiện chính thể hiện sự bội ước của Pháp:

- + Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp tiến đánh các vùng tự do của ta.
- + Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, hạ tuần tháng 11 - 1946, thực dân Pháp khiêu khích, tấn công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.
- + Ở Hà Nội, chúng chiếm một số cơ quan của ta như Bộ Tài chính, gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh. Trống trợn hơn, ngày 18-12-1946, chúng gửi tới hậu thư giải tán lực lượng tự vệ.

- Thái độ hiếu chiến và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp ngày càng lộ rõ và âm mưu tái chiếm Việt Nam của kẻ thù buộc nhân dân ta không còn con đường nào khác là cầm súng chiến đấu để bảo vệ độc lập dân tộc.

=> Tối 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi, nhân dân trong cả nước đã đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp.

#### **2. Nội dung đường lối:**

##### **a. Cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng đề ra đường lối:**

\* Cơ sở lý luận:

- Dựa vào quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

- Dựa theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy dân làm gốc.
- Dựa vào một số văn kiện chỉ thị của Đảng Hồ chủ tịch như: “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946)”; “Chỉ thị Toàn dân kháng chiến (22/12/1946)”; “Kháng chiến nhất định thắng lợi (1/1947)” của Trường Chinh.

**\* Cơ sở thực tiễn:**

- Dựa vào âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp trên chiến trường Việt Nam, chúng chủ trương đánh nhanh thắng nhanh giải quyết nhanh trên chiến trường Việt Nam.
- Về thực tiễn, dựa vào thực tế trên chiến trường của Việt Nam với truyền thống đánh giặc của Việt Nam: “lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”.
- Quá trình hình thành đường lối:
  - + Xác định kẻ thù chính
  - + Hội nghị Quân sự toàn quốc để đề ra chủ trương, biện pháp, về tư tưởng và tổ chức.
  - + Chỉ thị “Công việc khẩn cấp bây giờ” chỉ ra những công việc gấp rút cần chuẩn bị.

**b. Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp:**

**\* Mục đích kháng chiến:**

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là sự kế thừa và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám nhằm “đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”.

**\* Tính chất kháng chiến:**

- “Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, nó có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài”. Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

**\* Phương châm tiến hành kháng chiến:**

- Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

**+ Kháng chiến toàn dân:**

- Ta phải đánh với một kẻ thù lớn mạnh hơn về mặt tiềm lực kinh tế, quân sự, cho nên chúng ta phải đoàn kết toàn dân
- “Bất kỳ đàn ông đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp”, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

=> Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

**+ Kháng chiến toàn diện:** Đánh địch về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trong đó:

- **Về chính trị:** Thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình, khẳng định tính chính nghĩa và đoàn kết dân tộc.
- **Về kinh tế:** Tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung tự túc, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.
- **Về văn hóa:** Xóa bỏ văn hóa thực dân, phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.
- **Về quân sự:** Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, kết hợp giữa sức mạnh truyền thống với hiện đại.
- **Về ngoại giao:** Thực hiện thêm bạn bớt thù, biểu dương thực lực. “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp”, sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập.

=> Nhằm phát huy sức mạnh của mặt trận toàn dân tộc, bù đắp sự chênh lệch về sức mạnh quân sự, kinh tế của kẻ địch.



+ **Kháng chiến lâu dài (trường kỳ):** Là để chồng âm đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

+ **Dựa vào sức mình là chính:** “Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào giúp đỡ nên phải tự lực cánh sinh. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.

+ **Triển vọng kháng chiến:** Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song nhất định thắng lợi. Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ.

**\* Kết quả của cuộc kháng chiến:**

- Quân ta giành được chiến thắng lớn, chiến dịch Điện Biên Phủ thành công.

**3. Ý nghĩa đường lối:**

**\* Ý nghĩa**

- Đường lối được công bố sớm cho thấy sự chủ động, không bất ngờ trước tình hình.

- Mang lại niềm tin cho toàn Đảng, toàn dân vào triển vọng thắng lợi của cuộc kháng chiến.

**\* Nhận xét**

Qua đó cho thấy đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành trong những năm đầu của cuộc chiến tranh chống Pháp là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó đã huy động và phát huy cao nhất mọi nguồn lực, mọi nguồn sức mạnh của toàn dân tộc để đánh thắng kẻ thù xâm lược, tranh thủ và phát huy cao độ hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế đối với cuộc kháng chiến. Đường lối kháng chiến của Đảng được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

**Chủ đề 15: Phân tích nội dung cơ bản của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (2-1951)**

1. Hiện nay cách mạng Việt Nam phải giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam và những thế lực phản động, khiến cho chế độ ấy phát triển mạnh mẽ và thuận chiều tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thế lực phản động chính đang ngăn cản sự phát triển của xã hội Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Những di tích phong kiến cũng làm cho xã hội Việt Nam đình trệ. Do đó cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

2. Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc. Cho nên lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược.

3. Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.

4. Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lỗi cũ cũng không phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản lỗi mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, không

phải trải qua một cuộc nội chiến cách mạng. Đó là một thứ cách mạng điển hình trong điều kiện lịch sử hiện nay.

5. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội. Do giai cấp công nhân lãnh đạo, liên minh chặt chẽ với nông dân và lao động trí óc, lại được sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, nhất là Trung Quốc, cách mạng Việt Nam không thể đi con đường nào khác ngoài con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ xen kẽ với nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có một nhiệm vụ trung tâm, phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm đó để tập trung lực lượng vào đó mà thực hiện.

Trong giai đoạn thứ nhất, giai đoạn hiện tại, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào đế quốc xâm lược. Đảng phải tập hợp mọi lực lượng dân tộc, lập Mặt trận dân tộc thống nhất, kháng chiến chống bọn đế quốc xâm lược và các hạng Việt gian. Đồng thời phải cải thiện đời sống cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân lao động, để cho nhân dân hăng hái kháng chiến.

Song giai đoạn thứ hai, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào lực lượng phong kiến. Lúc đó Đảng phải tập trung lực lượng xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, triệt để thực hiện người cày có ruộng, đẩy mạnh việc kỹ nghệ hoá; hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân. Song, vẫn tiếp tục chống đế quốc thế giới, bảo vệ độc lập của dân tộc.

Đến giai đoạn thứ ba, trọng tâm của cách mạng là phát triển cơ sở xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước cụ thể giai đoạn này phải tùy theo điều kiện cụ thể của tình hình trong nước và ngoài nước khi đó mà quyết định.

## **Chủ đề 16: Những diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 – 1954)**

### **Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954)**

#### **1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ**

##### **a) Âm mưu và hành động chiến tranh của Pháp**

Mặc dù đã kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946, thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh việc chuẩn bị chiến tranh xâm lược, ở Nam Bộ và

Nam Trung Bộ, thực dân Pháp mở các cuộc tiến công, ở Bắc Bộ, hạ tuần tháng 11/1946, quân Pháp tiến công ở Hải Phòng, Lạng Sơn, cho quân đổ bộ lên Đà Nẵng, sau đó chiếm đóng Hải Phòng.

- Tháng 12/1946, Pháp gây hấn ở Hà Nội, chiếm trụ sở Bộ Tài chính, gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún (Khu phố Yên Ninh). Ngày 18/12/1946, quân Pháp gửi tối hậu thư đòi giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội, nếu không chúng sẽ giành toàn quyền hành động vào sáng ngày 20/12/1946.

- Tình thế khẩn cấp đã buộc Đảng và Chính phủ phải có quyết định kịp thời. Ngày 18/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc.

- Tối ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, phát động nhân dân cả nước kháng chiến chống Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

##### **\* Nội dung Lời kêu gọi:**

- Nếu thiện chí của ta và âm mưu xâm lược của thực dân Pháp: Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

- Nói lên sự quyết tâm của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp: Không Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

- Thể hiện cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân: Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc,

- Đây là lời hiệu triệu, là ngọn cờ dẫn dắt toàn quân, toàn dân ta thực hiện cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

**b. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng:** Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta thể hiện trong Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng (12/12/1946), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh (19/12/1946) và được giải thích cụ thể trong tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh (tháng 9/1947):

##### **\* Nội dung của đường lối kháng chiến:**

- Xác định mục đích kháng chiến là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập tự do: Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

- Kháng chiến toàn dân: xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, từ tư tưởng chiến tranh nhân dân của Hồ Chí Minh, thực hiện toàn dân đánh giặc và đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay. Có lực lượng toàn dân mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

- Kháng chiến toàn diện: kháng chiến trên tất cả các mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và ngoại giao, nhằm làm thất bại mọi thủ đoạn của thực dân Pháp. Mặt khác phải xây dựng hậu phương kháng chiến toàn diện.

- Kháng chiến lâu dài: vì so sánh lực lượng lúc đầu chưa có lợi cho cuộc kháng chiến; cần có thời gian để vừa kháng chiến vừa kiến quốc; chống lại chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của địch; từng bước làm thay đổi so sánh lực lượng, tiến lên giành thắng lợi quyết định.

- Tự lực cánh sinh: nhằm phát huy mọi nỗ lực chủ quan, tránh tư tưởng bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài; mặt khác vẫn coi trọng sự ủng hộ quốc tế.

=> Đường lối kháng chiến của Đảng là đường lối chiến tranh nhân dân, là ngọn cờ cổ vũ, dẫn dắt cả dân tộc Việt

Nam đứng lên kháng chiến, là xuất phát điểm cho mọi thắng lợi của cuộc kháng chiến.

## **2. Những thắng lợi trên mặt trận quân sự**

### **a) Cuộc chiến đấu ở Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16**

- Ở Hà Nội, khoảng 20 giờ ngày 19/12/1946, sau tín hiệu tắt điện toàn thành phố, cuộc chiến đấu bắt đầu.
- Vệ quốc quân, tự vệ chiến đấu tiên công các vị trí quân Pháp. Nhân dân khiêng bàn ghế, tủ làm chướng ngại vật trên đường phố. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt hai bên giành nhau từng khu nhà, góc phố như ở Bắc Bộ Phủ, Bưu điện Bờ Hồ ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên.
- Trung đoàn thủ đô được thành lập, đánh địch quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ, Chợ Đồng Xuân. Sau hai tháng chiến đấu, ngày 17/2/1947, Trung đoàn rút về hậu phương để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.
- Quân dân các đô thị ở Bắc vĩ tuyến 16 kiên cường chiến đấu, gây nhiều khó khăn cho địch: vây hãm địch trong thành phố Nan Định từ tháng 12/1946 đến tháng 3/1947; buộc địch ở Vinh phải đầu hàng.
- Kết quả và ý nghĩa: Tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng trong thành phố, làm thất bại một bước kế hoạch đánh úp của chúng, tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

### **b) Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947**

- Tháng 3/1947, Chính phủ Pháp cử Bô-la-e sang làm cao uỷ Pháp ở Đông Dương, thay cho Đắc- giăng-liơ. Bô-la-e vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc.
  - Bô-la-e lập kế hoạch mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm: xoá bỏ căn cứ địa, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực, triệt đường liên lạc quốc tế; tiến tới thành lập chính phủ bù nhìn toàn quốc và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
  - Để thực hiện âm mưu đó, ngày 7/10/1947, Pháp đã huy động 12.000 quân, gồm cả không quân, lục quân, và thủy quân với hầu hết máy bay có ở Đông Dương chia thành ba cánh tiến công lên Việt Bắc.
  - Chủ trương của Đảng ta: Khi thực dân Pháp lập kế hoạch đánh lên Việt Bắc, Trung ương Đảng ra chỉ thị: phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp.
  - Diễn biến chiến dịch: Bao vây tiến công địch ở Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã (cuối tháng 11/1947). ở mặt trận hướng đông: chặn đánh địch trên đường số 4, tiêu biểu là ở đèo Bông Lau (30/10/1947). ở hướng Tây: phục kích, đánh địch trên sông Lô, tiêu biểu là trận Đoan Hùng, Khe Lau, bắn chìm nhiều tàu chiến, tiêu diệt hàng trăm tên địch.
  - Sau 75 ngày đêm chiến đấu, buộc đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc (ngày 19/12/1947); bảo toàn được cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến; bộ đội chủ lực thêm trưởng thành.
  - Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 quân địch; bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm và cháy 11 tàu chiến, ca nô; phá huỷ nhiều xe quân sự và pháo các loại, thu nhiều vũ khí và hàng chục tấn quân trang quân dụng.
  - Là chiến dịch phân công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
  - Chứng minh đường lối kháng chiến của Đảng là đúng, chứng minh tính vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.
- Làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.

### **c) Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950:**

- Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến có thêm nhiều thuận lợi mới: từ thế bị cô lập trong suốt 5 năm, ta tích cực mở rộng quan hệ nhằm tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế. Ngày 1/10/1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập và đến 18/1/1950, Chính phủ nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đến ngày 30/1/1950, Liên Xô và các nước Đông Âu công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Uy tín và tiềm lực quân sự của ta ngày càng tăng ảnh hưởng trong dân

chúng.

- Cũng trong thời gian này nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng chính trị chưa từng có. Chính quyền bù nhìn Quốc gia Việt Nam tỏ ra quá yếu ớt để có thể hỗ trợ chính quyền Pháp tại Đông Dương. Chính phủ Pháp buộc phải tính đến phương án chấp nhận các khoản viện trợ kinh tế và quân sự của chính phủ Mỹ để có thể theo đuổi cuộc chiến.

- Ngày 13/5/1949, được sự đồng ý của Mỹ, Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rove. Với kế hoạch Rove, Mỹ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ngày 7/2/1950, Mỹ công nhận Chính phủ bù nhìn Bảo Đại; ngày 8/5/1950, Mỹ đồng ý viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp, nhằm từng bước nắm quyền điều khiển chiến tranh ở Đông Dương.

- Thực hiện kế hoạch Rove, từ tháng 6/1949 Pháp đưa nhiều vũ khí mới vào Việt Nam, tập trung quân ở Nam Bộ, Trung Bộ ra Bắc, tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập Hành lang Đông – Tây. Trên cơ sở đó Pháp chuẩn bị một kế hoạch quy mô lớn với tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Để khắc phục khó khăn đó, đưa cuộc kháng chiến phát triển lên bước mới, tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch biên giới nhằm: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

- Thực hiện chủ trương trên, ngày 16/9/1950, các đơn vị quân đội ta nổ súng mở đầu chiến dịch bằng trận đánh vào vị trí Động Khê và đã giành thắng lợi. Mất Động Khê, quân địch ở Thất Khê lâm vào tình thế bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4. Để yểm trợ cho cuộc rút quân này, Pháp nhanh chóng điều động quân đội ở Bắc Bộ thực hiện cuộc hành quân kép. Một cánh do trung tá Le Page chỉ huy hành quân từ Thất Khê lên nhằm chiếm lại cứ điểm Động Khê mở lại đường số 4 và thu hút chủ lực của quân Việt Minh.

- Một cánh do trung tá Charton chỉ huy rút từ Cao Bằng xuống gặp Le Page ở Động Khê. Đồng thời Pháp cho quân đánh lên Thái Nguyên để thu hút bớt chủ lực của ta. Đoán được ý định của địch, quân ta chủ động mai phục, chặn đánh địch nhiều nơi trên đường số 4, khiến cho hai cánh quân này không gặp nhau được.

- Trước nguy cơ Thất Khê sẽ lại bị tiêu diệt như Động Khê, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp đã ra lệnh rút khỏi Thất Khê trong rối loạn và phải chịu những tổn thất nặng nề. Dưới sự uy hiếp của quân ta và sự hoang mang của bộ chỉ huy Pháp, đến ngày 22/10/1950, quân Pháp phải rút bỏ hoàn toàn khỏi các cứ điểm còn lại trên đường 4 như Thất Khê, Na Sầm, Đồng Lập, Lạng Sơn... với thiệt hại rất nặng về trang bị.

- Chiến dịch biên giới kết thúc, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch, thu trên 3000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh. Giải phóng tuyến biên giới Việt-Trung từ Cao Bằng đến Định Lập dài 750 km với 35 vạn dân; chọc thủng hành lang Đông – Tây của Pháp. Kế hoạch Rove bị phá sản.

- Với chiến thắng Biên giới, con đường nối nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông; quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên trường chính (Bắc Đông Dương), mở bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

- Đây là chiến dịch đầu tiên mà quân ta chủ động tấn công, làm thay đổi cục diện chiến trường: bắt đầu giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ. Quân Pháp thất bại lớn cả về quân sự và chính trị, bị đẩy lùi vào thế phòng ngự bị động. Chiến dịch này có ý nghĩa bản lề quan trọng, là bước ngoặt của cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp có sự can thiệp của Mỹ.

#### **d) Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953 – 1954**

- Trải qua 8 năm kháng chiến kiến quốc, lực lượng kháng chiến ngày càng lớn mạnh. Thực dân Pháp thiệt hại ngày càng lớn: bị loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn quân, lâm vào thế bị động trên chiến trường. Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

- Ngày 7/5/1953, được sự thoả thuận của Mĩ, chính phủ Pháp cử tướng Nava làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Nava đề ra một kế hoạch quân sự với hi vọng trong 18 tháng giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

- Kế hoạch Nava được chia thành 2 bước:

+ Bước 1: từ thu đông 1953 – xuân 1954: giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, đồng thời tăng cường xây dựng quân đội tay sai, tập trung binh lực xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.

+ Bước 2: từ thu – đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cô giành thắng lợi quân sự quyết định buộc Việt Minh phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho Pháp, nhằm kết thúc chiến tranh

+ Thực hiện kế hoạch: Từ thu đông 1953, Nava tập trung lực lượng quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ là 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn cơ động chiến lược trên toàn Đông Dương), mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi, biên giới, mở cuộc tiến công lớn vào vùng giáp giới Ninh Bình, Thanh Hoá.

#### **\* Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 — 1954**

- Trước sự thay đổi của cục diện chiến tranh ở Đông Dương và trên cơ sở nhận định âm mưu mới của Pháp – Mĩ, tháng 9-1953, Bộ Chính trị trung ương Đảng họp và đề ra kế hoạch tác chiến đông - xuân 1953 - 1954.

- Phương hướng chiến lược: Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng để đối phó ở những nơi xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho ta tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch.

- Phương châm chiến lược: Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng kiên quyết không đánh .

- Diễn biến chính của chiến dịch: Ngày 10/12/1953, tiến công địch ở Lại Châu, bao vây uy hiếp địch ở Điện Biên Phủ. Địch điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai sau đồng bằng Bắc Bộ.

- Đầu tháng 12/1953, phối hợp với quân, dân Lào tiến công Trung Lào. Nava lại phải vội vã điều quân từ đồng bằng Bắc Bộ sang ứng cứu cho Xê nô (nơi tập trung binh lực thứ ba).

- Đầu tháng 2/1954, tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum uy hiếp Plâyku. Nava lại phải điều quân từ Nam Tây nguyên lên ứng cứu cho Plâyku, biến Plâyku thành nơi tập trung binh lực thứ tư.

- Tháng 2/1954, mở cuộc tấn công ở Thượng Lào, giải phóng Nậm Hu, Phongxali, uy hiếp Luông Phabang và Mùong Sài. Nava lại phải tăng cường lực lượng chốt giữ Luông Phabang, biến nơi này thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch.

- Phối hợp với mặt trận chính diện, chiến tranh du kích vùng sau lưng địch phát triển mạnh, tiêu diệt, hiêu hao nhiều sinh lực địch làm cho chúng không có khả năng tiếp ứng cho nhau.

- Kế hoạch quân sự Nava bị đảo lộn. Địch điều chỉnh kế hoạch, chọn Điện Biên Phủ làm khâu chính.

- Sau khi kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, thực dân Pháp điều lực lượng lớn quân đội đổ bộ bằng đường hàng không xuống cánh đồng Mường Thanh, chiếm Điện Biên Phủ để bảo vệ vùng có ý nghĩa chiến lược này ở Đông Dương và Đông Nam Á.

- Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía Tây rừng núi Tây Bắc, có lòng chảo Mường Thanh dài gần 20 kilômét, rộng từ 6 đến 8 kilômét, cách Hà Nội khoảng 300 kilômét, nằm gần biên giới Việt – Lào có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á, nên Pháp cố nắm giữ.

- Theo đánh giá của Nava và các nhà quân sự Pháp – Mỹ thì Điện Biên Phủ ở vào một vị trí chiến lược quan trọng chẳng những đối với chiến trường Đông Dương, mà còn động với miền Đông Nam Á. Nó như cái bàn xoay có thể xoay đi bốn phía Việt Nam, Lào. Miền Điện, Trung Quốc, như cái chìa khoá bảo vệ Thượng Lào, từ đó có thể đánh chiếm lại vùng đất đã mất ở Tây Bắc trong những năm 1950 – 1953 và tạo điều kiện để tiêu diệt quân chủ lực của ta tại đây. Pháp đã tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành lập toàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương. Định bố trí ở Điện Biên Phủ thành 3 phân khu: phân khu Bắc gồm các cứ điểm Độc lập, Bản Kéo; Phân khu Trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, nơi đặt cơ quan chỉ huy. có địa pháo, kho hậu cần. sân bay, tập trung 2/3 lực lượng; phân khu Nam có cứ điểm Hồng Cúm, trận địa pháo, sân bay, tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

- Trước sự phá sản bước đầu trong kế hoạch quân sự Nava, địch quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một pháo đài không thể công phá, một con nhím khổng lồ ở rừng núi Tây Bắc. Và bên Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Vào ngày 6/12/1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không, nếu ta cắt đứt đường hàng không, địch sẽ rơi vào thế tử lộ

– Quân đội ta đã trưởng thành và có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm. Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn đảm bảo chi viện cho chiến trường. Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và địch.

- Đầu tháng 12/1953, BỘ Chính trị Trung ương Đảng họp thống qua kế hoạch tác chiến của BỘ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

- Đầu tháng 3/1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13/3/1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Phương châm tác chiến ban đầu của chiến dịch Điện Biên Phủ là đánh nhanh, thắng nhanh, sau được thay đổi thành đánh chắc, tiến chắc do đánh giá lại tính chất phòng ngự và so sánh lực lượng. Chiến dịch chia làm 3 giai đoạn.

- Trận đánh diễn ra trong 55 ngày đêm vì quân ta có khó khăn trong hậu cần nên không thể tiến công liên tục mà chia thành các đợt tiến công. Sau mỗi đợt lại tổ chức lại quân số, bổ sung hậu cần.

- Đợt 1 từ 13/3 – 17/4/1954, quân ta tiêu diệt phân khu Bắc của tập đoàn cứ điểm. 17 giờ 5 phút chiều ngày 13 tháng 3 năm 1954, trận đánh bắt đầu. Quân đội ta sau đợt bắn pháo dữ dội, tiến công một trong các cứ điểm kiên cố nhất là cụm cứ điểm Him Lam và sau một đêm đã chiếm xong cụm cứ điểm này; sau đó đến 17 tháng 3, quân ta lần lượt mỗi ngày diệt một cứ điểm: đồi Độc Lập, Bản Kéo và toàn bộ phân khu Bắc. Ngay từ những ngày đầu pháo binh của ta đã loại bỏ khả năng cất, hạ cánh của sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm, từ đó trở đi các máy bay Pháp chỉ còn tiếp tế được cho tập đoàn cứ điểm bằng cách thả dù điều này cho thấy cầu hàng không mà bộ chỉ huy Pháp đặt nhiều kỳ vọng thực tế là rất yếu kém trước cách đánh áp sát của đối phương. Ngay từ những ngày đầu của đợt 1 quân Pháp đã nhận thức rõ được những điểm yếu chết người của mình và tương lai thất bại rõ ràng nhưng họ vẫn tăng cường cầm cự Điện Biên Phủ đến mức tối địa vị hy vọng khi mùa mưa đến quân ta không thể

giải quyết vấn đề hậu cần và sẽ bỏ cuộc, Điện Biên Phủ sẽ tránh được đầu hàng. Sau đó khi mùa mưa không giúp được, bộ chỉ huy Pháp hy vọng cầm cự càng lâu càng tốt để Hội nghị Giơnevơ sẽ nhóm họp vào đầu tháng 5, sẽ có ngừng bắn trước khi tập đoàn sụp đổ. Nhưng hy vọng này cũng không có được, Điện Biên Phủ đầu hàng một ngày trước khi nhóm họp Hội nghị Giơnevơ về vấn đề Đông Dương.

- Đợt 2 từ 30/3 – 26/4/1954, quân ta đánh phân khu trung tâm đặc biệt là dãy điểm cao quan trọng phía đông, vây lấn bóp nghẹt tập đoàn cứ điểm. Đây là đợt tiến công vào phân khu trung tâm chủ yếu nhằm chiếm dãy đồi phía đông khống chế cánh đồng Mường Thanh. Tại đây hai bên đánh nhau giành đi giật lại các mỏm đồi có tính sống còn đối với tập đoàn cứ điểm, đặc biệt là các đồi A1, C1, D1, thương vong của hai bên rất lớn. Phía Pháp dựa vào hầm ngầm, lô cốt để cố thủ và đưa quân từ các điểm khác dùng xe tăng và lính dù, lính lê dương để phản kích, các cứ điểm này vì có tính sống còn với quân Pháp đã được quân phòng ngự chiến đấu ngoan cường, quyết liệt phản kích liên tục để giữ vững và đã chống cự đến ngày cuối cùng của tập đoàn cứ điểm. Để chống lại các cứ điểm phòng ngự kiên cố của quân Pháp, quân đội ta đã áp dụng chiến thuật vây lấn rất có hiệu quả bằng hệ thống chiến hào họ đào các giao thông hào dần dần bao vây và siết chặt, tiếp cận dần vào các vị trí của Pháp. Các chiến hào này tránh cho quân tiến công thương vong vì pháo binh và không quân địch và vào sát được vị trí của quân địch, làm vị trí bắn đáp tấn công rất thuận lợi. Quân Pháp ngay từ ngày đầu tiên của trận đánh đã nhận thức rất rõ sự nguy hiểm của cách đánh này mà không có phương sách nào để khắc chế. Quân ta vây lấn đào hào cắt ngang cả sân bay, đào hào đến tận chân lô cốt cố thủ, khu vực kiểm soát của quân Pháp bị thu hẹp đến mức không thể hẹp hơn. Cuộc chiến đấu tại Điện Biên Phủ càng ngày càng yêu thế cho phía Pháp. Quân Pháp chỉ còn trông đợi vào dù tiếp tế nhưng phạm vi chiếm đóng bị thu hẹp và máy bay bị hệ thống phòng không của quân ta đánh mạnh nên dù tiếp tế và cả lính nhảy dù phần nhiều rơi sang phía đối phương. Mùa mưa lại tới, hầm hào của quân phòng thủ trở nên lầy lội thương binh không di tản đi được, lính chết không có chỗ chôn, bệnh tật, đường ruột phát sinh, đối phương lại áp sát bắn tỉa, tiếp tế thiếu mà việc lấy được dù cũng vô cùng khó khăn đi kèm với thương vong: quân Pháp thường phải đói khát đến đêm mới dám ra lấy dù. Tình cảnh của quân Pháp ngày càng bi đát và đi đến cùng cực. Điện Biên Phủ cho thấy khi bị bao vây cô lập thì một tiền đồn dù mạnh đến đâu rồi cũng sẽ bị tiêu diệt.

- Đợt 3 từ 1/5 – 7/5/1954, quân ta đánh dứt điểm dãy đồi phía đông và tổng tiến công tiêu diệt các vị trí còn lại. Sau khi lực lượng của Pháp đã trở nên tuyệt vọng, suy kiệt, bổ sung bằng dù không còn đủ để duy trì sức chiến đấu, và quân Pháp ở Bắc bộ cũng đã hết lính dù và lính lê dương có thể ném tiếp xuống Điện Biên Phủ, quân ta tổ chức đợt đánh dứt điểm các quả đồi phía đông. Để chống lại hệ thống hầm ngầm cố thủ không thể xung phong đánh chiếm được trên đồi A1 có vị trí quyết định, bộ đội công binh Việt Nam đã đào một hầm ngầm phía dưới và cho nổ 1 tấn thuốc nổ hất tung hệ thống hầm ngầm cố thủ cuối cùng. Đến sáng ngày 7/5/1954 các quả đồi phía đông này đã thất thủ hoàn toàn mà phía Pháp không còn lực lượng khả dĩ chiếm lại, Quân đội Nhân dân Việt Nam tổng tiến công trên khắp các mặt trận quân Pháp đã sức tàn lực kiệt quyết định đầu hàng, Quân đội Nhân dân Việt Nam bắt Thiếu tướng chỉ huy Đờ Cát-tô-ri và toàn bộ ban tham mưu tập đoàn cứ điểm. Cụm phân khu Nam Hồng Cúm mưu toan chạy sang Lào nhưng bị quân Việt Minh đuổi theo tất cả đã bị bắt không đi thoát. Gần 10.000 số quân Pháp còn lại tại Điện Biên Phủ đã bị bắt làm tù binh.

- Như vậy, cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã toàn thắng. Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128 200 địch, thu 19000 súng các loại, phá 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.

- Riêng mặt trận Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 địch trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

- Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục



diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta, đã ghi dấu son phát triển vượt bậc của nền nghệ thuật quân sự Việt Nam, mà tầm vóc của nó như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Động Địa của thế kỉ XX.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ lần đầu tiên hàng nghìn sĩ quan, kể cả viên tướng chỉ huy, binh lính của quân đội một cường quốc phương Tây bị quân đội một nước, vốn được coi là nhược tiểu, là thuộc địa bắt làm tù binh. Đây là một thất bại nặng nề nhất, một đòn chí tử đánh sụp hoàn toàn

ý đồ tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Thất bại ở Điện Biên Phủ buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ tháng 7/1954 về lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ đã mở ra một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên các dân tộc thuộc địa vùng lên đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân để giành lấy quyền sống, quyền làm người của mình. Điện Biên Phủ đã đi vào ý thức về độc lập dân tộc đối với các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa. Như Alen Hêghen (Camorun) đã phát biểu Thắng lợi của Việt Nam ở Điện Biên Phủ có tính chất quyết định làm thức tỉnh ý thức dân tộc và lòng yêu nước của nhân dân các nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

- Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ có tác dụng động viên, cổ vũ các dân tộc bị áp bức, tạo ra niềm tin vô biên về thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Tạp chí Á, Phi, Mĩ Latinh viết: Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là tia lửa gây ra một loạt vụ nổ khác góp phần chấm dứt chủ nghĩa thực dân Pháp ở châu Phi. Sự cổ vũ mang lại khắp nơi cho các dân tộc bị áp bức là không thể lường hết được và đó là một trong những nhân tố không thể thiếu đem lại niềm tin tưởng.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ là mốc mở đầu quá trình phá sản của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới. Lăcbi Bahali, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Angiêri viết: Điện Biên Phủ tiếng chuông báo giờ chết của chủ nghĩa thực dân Pháp không những ở Việt Nam mà cả số phận còn lại của khối thuộc địa của nó.

- Điện Biên Phủ đã đem lại cho phong trào giải phóng dân tộc nửa sau thế kỉ XX những bài học kinh nghiệm quý giá trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Thủ tướng Blen Blenlla cho rằng: Tin chiến thắng Điện Biên Phủ đến với chúng tôi cho thấy rõ con đường dẫn đến thắng lợi, nên chúng tôi quyết định tiến hành đấu tranh vũ trang. Ngày 7/5/1954 chiến thắng ở Điện Biên Phủ thì ngày 7/7/1954, ủy ban cách mạng Angiêri họp phát động đấu tranh vũ trang. Cuộc đấu tranh trường kì gian khổ nhưng vô cùng anh dũng đã đưa nhân dân Angiêri đến thắng lợi như ngày nay.

- Điện Biên Phủ chứng minh một cách hùng hồn cho chân lí của thời đại ngày nay rằng một dân tộc dù nhỏ, khi đã đoàn kết đứng lên theo một đường lối đúng đắn cho độc lập tự do thì đủ khả năng chiến thắng đội quân xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân hung hãn nhất.

- Điện Biên Phủ có dấu ấn sâu sắc về nhiều mặt đối với phong trào giải phóng dân tộc nửa sau thế kỉ XX, và như là một tất yếu, Điện Biên Phủ trở thành một báu vật, một niềm tự hào lớn lao đối với các dân tộc đang chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi chủ nghĩa thực dân. Báo Sự thật cách mạng tháng Tư của ápganixtan ra ngày 7/5/1984, viết: Chiến thắng Điện Biên Phủ không những là niềm tự hào của nhân dân Việt Nam anh hùng, mà còn là di sản quý báu của phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc, 30 năm qua những bài học và những kinh nghiệm quý báu của Điện Biên Phủ vẫn còn mang tính thời đại nóng hổi.

- Ngày 8/5/1954, một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về vấn đề hoà bình ở Đông Dương. Phái đoàn của ta do Phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng chính thức tham gia Hội nghị.

- Hội nghị Giơnevơ trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp hẹp. Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị diễn ra hết sức căng thẳng và phức tạp do lập trường hai bên khác nhau. Lập trường của ta trước sau như một là đình chỉ

chiến sự trên toàn Đông Dương, các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Trong khi Pháp đòi chỉ giải quyết vấn đề quân sự ở Việt Nam.

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cuộc kháng chiến cũng như so sánh lực lượng giữa ta và Pháp và xu thế chung của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế bằng thương lượng. Việt Nam đã kí Hiệp định Giơnevơ ngày 21/7/1954.

- Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương gồm các văn bản: Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia; Bản tuyên bố ngày cuối cùng về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương đã được đại diện các nước dự Hội nghị kí chính thức và các phụ bản khác. Hiệp định Giơnevơ gồm những nội dung cơ bản như sau:

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

- Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực ở Việt Nam, quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc — Nam, lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải — Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời, cùng với khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến. Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxali. Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.

- Hiệp định cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào và không được để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình gây chiến tranh hoặc phục vụ mục đích chiến tranh.

- Việt Nam sẽ thống nhất bằng một cuộc tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956, dưới sự kiểm soát và giám sát của một ủy ban quốc tế (trong đó Ấn Độ làm Chủ tịch, cùng hai nước thành viên là Ba Lan và Canada).

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơnevơ thuộc về những người kí hiệp định và những người kế tục sự nghiệp của họ.

- Mặc dù thắng lợi ta giành được trong Hội nghị Giơnevơ vẫn chưa trọn vẹn song vẫn có ý nghĩa rất lớn:

+ Hiệp định là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.

+ Hiệp định đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta những năm 1946-1954 (mặc dù chỉ mới miền Bắc được giải phóng, nhân dân miền Nam tiếp tục đấu tranh thống nhất đất nước). Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Với Hiệp định Giơnevơ, buộc Pháp chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương rút hết quân đội về nước. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.

### **Chủ đề 17: Phân tích ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1945 – 1954).**

#### **Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng được thể hiện trong các văn kiện:**

+ Chỉ thị “*Toàn dân kháng chiến*” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946).

+ *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh (19/12/1946).

+ Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh (9/1947).

- Nội dung của đường lối kháng chiến là: Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế.

+ **Kháng chiến toàn dân:** xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ tư tưởng “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Có lực lượng toàn dân, tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

+ **Kháng chiến toàn diện:** do địch đánh ta toàn diện nên ta phải chống lại chúng toàn diện. Cuộc kháng chiến của ta bao gồm cuộc đấu tranh trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế... nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, ta vừa “*kháng chiến*” vừa “*kiến quốc*”, tức là xây dựng chế độ mới nên phải kháng chiến toàn diện.

+ **Kháng chiến lâu dài:** so sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta về nhiều mặt, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, phải có thời gian để chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, phát triển lực lượng của ta, tiến lên đánh bại kẻ thù.

+ **Kháng chiến tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế:** mặc dù ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm vào.

### Ý nghĩa lịch sử:

#### \* **Đối với Việt Nam:**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước Việt Nam.
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Miền Nam tiếp tục đấu tranh thống nhất đất nước.

#### \* **Đối với thế giới:**

Giáng một đòn nặng nề vào âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trên thế giới.

### Chủ đề 18: Phân tích đặc điểm của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

1. Đặc điểm tình hình và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

Đặc điểm của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội gồm:

- Một là: Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ cá thể.
- Hai là: Đất nước ta đang tạm thời chia cắt làm hai miền do âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai. Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng ta phải có đường lối kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.
- Ba là: Các nước chủ nghĩa xã hội đang phát triển, sự hợp tác phân công trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hình thành và phát triển, đồng thời cũng phát sinh những hiện tượng bất đồng phức tạp.

Trong ba đặc điểm ấy, đặc điểm to lớn của cách mạng nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

2. Đại hội xác định đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để: thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thương nghiệp nhỏ, và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Xây dựng lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hoá bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật.

Những mục tiêu phải đạt tới là: Đưa nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hoá, khoa học tiên tiến.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ chế độ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ

nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc, lạc hậu, xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại, làm cho miền Bắc mau chóng thành cơ sở ngày càng vững mạnh cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà.

**Chủ đề 19: Phân tích tính chất của xã hội miền Nam sau năm 1954 và nội dung cơ bản Nghị quyết 15 tháng 1/1959. Ý nghĩa của Nghị quyết này với cách mạng miền Nam.**

**1. Hoàn cảnh**

**a. Quốc tế**

- Thuận lợi:

- + Hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, với trụ cột là Liên Xô.
- + Phong trào giải phóng dân tộc, hòa bình, dân chủ tiếp tục phát triển.

- Khó khăn:

- + Đế quốc Mỹ với chiến lược toàn cầu phân cách mạng, xâm lược nhiều nước, trong đó có Việt Nam.
- + Bối cảnh Chiến tranh Lạnh, chạy đua vũ trang căng thẳng.

**b. Trong nước**

- Thuận lợi:

- + Miền Bắc được giải phóng, trở thành hậu phương vững chắc cho miền Nam.
- + Thế lực cách mạng lớn mạnh, nhân dân quyết tâm giành độc lập, thống nhất đất nước.

- Khó khăn:

- + Mỹ chia cắt đất nước, thiết lập hai chế độ chính trị khác nhau.
- + Đưa Ngô Đình Diệm lên nắm quyền ở miền Nam, xây dựng lực lượng nguy quân hiện đại.
- + Chính quyền Diệm áp dụng các chính sách tàn bạo: "tổ cộng, diệt cộng (Chính quyền Diệm tổ chức các chiến dịch tố giác và tiêu diệt những người bị nghi ngờ là cộng sản. Nhiều người dân vô tội bị bắt giữ, tra tấn và xử tử mà không qua xét xử công bằng), đàn áp tôn giáo (Chính quyền Diệm thực hiện nhiều chính sách thiên vị Công giáo (tôn giáo của gia đình Diệm) và đàn áp Phật giáo, vốn chiếm đa số dân số miền Nam),... dẫn đến phong trào cách mạng miền Nam dâng cao.

=> Trước tình hình đó, Trung ương Đảng quyết định triệu tập Hội Nghị 15 tháng 1/1959

**2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết 15 (1/1959)**

- Nghị quyết nhận định tính chất xã hội miền Nam là tính chất thuộc địa kiểu mới. Mỹ biến VN thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Chúng xâm lược theo kiểu chủ nghĩa thực dân đầu mặt trá hình ở miền Nam VN.

- Mâu thuẫn xã hội:

- + Mâu thuẫn giữa nhân dân với đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm do những chính sách hà khắc của chính quyền Ngô Đình Diệm và sự can thiệp Mỹ vào miền
- + Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến.

- Lực lượng cách mạng:

- + Gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc; lấy liên minh công-nông làm cơ sở.
- + Thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất riêng ở miền Nam, phù hợp với nhiệm vụ cách mạng.

- Đối tượng cách mạng gồm:

- + Đế quốc Mỹ
- + Tư sản mại bản
- + Địa chủ phong kiến và tay sai của Mỹ

- Nhiệm vụ cách mạng:

- + Nhiệm vụ chiến lược: Giải phóng miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, xây dựng Việt Nam thống nhất, hòa bình, dân chủ, giàu mạnh.
- + Nhiệm vụ trước mắt: Đánh đổ tập đoàn Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, thống nhất đất nước.

- Con đường cách mạng miền Nam:

- Tiến hành cách mạng bằng con đường bạo lực cách mạng: Nghị quyết khẳng định chỉ có con đường sử dụng bạo lực cách mạng mới có thể giải phóng miền Nam. Đây là sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh vũ trang giữ vai trò quyết định.
- Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân: Tập trung vào việc đánh đổ chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm để tiến tới thống nhất đất nước.

=> Phương hướng đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang: Đẩy mạnh các phong trào quần chúng đấu tranh chính trị chống chính quyền Diệm đồng thời phối hợp các hoạt động quân sự nhằm hỗ trợ phong trào chính trị, phá hoại các cơ sở chính quyền địch, bảo vệ lực lượng cách mạng.

- Vai trò của Đảng bộ miền Nam:

- + Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức.
- + Tăng cường công tác bí mật, tận dụng điều kiện hợp pháp, bảo vệ lực lượng cách mạng.

### 3. Ý nghĩa của Nghị quyết 15 đối với cách mạng miền Nam

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 (1/1959) của Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (Khóa II) có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với cách mạng miền Nam:

- Đó là phản ánh đúng và giải quyết kịp thời yêu cầu của cách mạng miền Nam: bạo lực cách mạng; mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên

- Ngoài ra nghị quyết còn thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng

=> Hội nghị như một luồng sinh khí mới thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của quần chúng cách mạng miền Nam với đỉnh cao là phong trào đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960

## Chủ đề 20: Phân tích nội dung cơ bản đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam được Đại hội III (9-1960) của Đảng vạch ra.

### 1. Hoàn cảnh Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III

#### a. Tình hình quốc tế

- Sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu là Liên Xô và Trung Quốc đã ảnh hưởng sâu sắc đến cách mạng Việt Nam
- Phong trào đấu tranh của các dân tộc ở các nước Châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh diễn ra mạnh mẽ

#### b. Tình hình trong nước

- Sau năm 1954, Đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Đất nước bị chia cắt làm 2 miền với 2 chế độ chính trị khác nhau và những nhiệm vụ chiến lược khác nhau.
- Miền Bắc nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- Chiến tranh lạnh ngày càng gay gắt giữa hai phe XHCN và TBCN

→ Đứng trước tình hình trên Đại hội lần thứ 3 được tiến hành đề ra đường lối chung của Cách mạng Việt Nam.

### 2. Nội dung cơ bản đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam được đại hội III (9-1960) của Đảng vạch ra

- Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam:** tăng cường đoàn kết toàn dân, bảo vệ hoà bình thế giới. Trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

#### b. Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể

- + Cách mạng miền Bắc: Xây dựng tiềm lực, bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau => *Vai trò quyết định nhất.*
- + Cách mạng miền Nam: giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước => *Vai trò quyết định trực tiếp*

⇒ Mỗi quan hệ giữa hai cuộc cách mạng: hai cuộc cách mạng có mối quan hệ biện chứng, gắn bó với nhau vì có

4 cái chung: Chung Đảng lãnh đạo. Chung đường lối. Chung kẻ thù là đế quốc Mỹ. Chung mục tiêu: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

c. **Về mục tiêu chiến lược chung:** Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đưa đất nước đi lên CNXH.

- **Về hoà bình thống nhất Tổ quốc:** kiên quyết giữ vững đường lối hoà bình song phải luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế
- **Về triển vọng của cách mạng:** đó là một quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài nhưng nhất định thắng lợi, đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội
- **Về xây dựng chủ nghĩa xã hội:** xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, là quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, đó là một quá trình kết hợp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, là quá trình đấu tranh gay go và phức tạp giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật.

=> Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra *đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc* nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

### 3. Ý nghĩa lịch sử của Đại Hội III và nhận xét

#### a. Ý nghĩa (chép trong slide và giáo trình)

- Hạn chế: nhận thức về con đường đi lên Chủ Nghĩa Xã hội còn đơn giản, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH.
- Thành công lớn nhất: Đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ Cách mạng Xã Hội Chủ Nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam

→ Mục tiêu chung: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

- Phù hợp với cả nước Việt Nam lẫn tình hình quốc tế, phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương, tiền tuyến; sức mạnh của đoàn kết quốc tế, của ba dòng cách mạng trên thế giới

→ Tạo sức mạnh tổng hợp để đánh thắng đế quốc Mỹ.

- Thể hiện tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng

#### b. Nhận xét

### Đảng tiến hành đồng thời 2 cuộc CM lại là sự vận dụng sáng tạo CN Mác-Lê nin của Đảng

Theo quan điểm lý luận không ngừng của chủ nghĩa Mác-Lênin, sau khi hoàn thành giai đoạn 1 Cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang giai đoạn 2 Cách mạng chủ nghĩa. Giữa hai giai đoạn không có bức tường ngăn cách.

Trên thực tế, có nhiều nước bị chia cắt: Trung Quốc, Triều Tiên, Đức nhưng không tiến hành đồng thời như Việt Nam. Như vậy xét về mặt lý luận hay thực tiễn chưa có tiền lệ trong lịch sử.

Sau 1954, đất nước bị chia cắt thành 2 miền vì đế quốc Mỹ nhảy vào Việt Nam cho nên Đảng quyết định tiến hành đồng thời hai cuộc Cách mạng.

⇐ Đây là quyết định đúng đắn, phù hợp với xu thế cách mạng của thời đại, phù hợp với lòng dân và đáp ứng yêu cầu của CM Việt Nam. Phát huy tác dụng của cuộc CM Dân tộc dân chủ nhân dân cũng như CM cả nước trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

### Chủ đề 21: Phân tích nội dung cơ bản đường lối chung xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ở miền Bắc được Đại hội III (9/1960) của Đảng vạch ra.

\*Mục tiêu:

- Đưa Miền Bắc (MB) tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH
- Xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc ở MB
- Củng cố MB thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà
- Góp phần tăng cường phe XHCN và bảo vệ hòa bình Đông Nam Á

\* Biện pháp:

- Chính trị: Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản.
- Kinh tế: Thực hiện cải tạo XHCN đối với các thành phần KT; Thực hiện Công nghiệp hóa XHCN bằng cách phát triển CN nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển Nông nghiệp và CN nhẹ.
- Văn hóa – Khoa học: Đẩy mạnh cách mạng về văn hóa, tư tưởng và khoa học.

\* Mục đích cuối cùng: Đẩy mạnh CM XHCN ở MB, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở MN, thực hiện mục tiêu chung của CM VN là độc lập – hòa bình – thống nhất tổ quốc.

**Kế hoạch 5 năm (1961-1965): có nhiệm vụ**

- Xây dựng CNXH làm trọng tâm
  - Thực hiện một bước công nghiệp hóa XHCN
  - Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất cho CNXH
  - Hoàn thành cải tạo XHCN
  - Quá trình thực hiện: Các phong trào thi đua được phát động: 3 xây, 3 chống (cải tiến quản lý hợp tác xã, kỹ thuật Nông nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm; chống tham ô, lãng phí, quan liêu)
- => Bắt đầu bộc lộ một số hạn chế trong phát triển kinh tế.

**Chủ đề 22: Quá trình hình thành, phát triển và nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước**

**1. Chủ đề 22.1: Trình bày quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ thể hiện qua hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965).**

**1. Hoàn cảnh lịch sử hội nghị Trung ương lần thứ 11.**

\* **Bối cảnh quốc tế:**

- **Thuận lợi:** Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam (Liên Xô và Trung Quốc) hỗ trợ mạnh mẽ về mặt vũ khí, vật chất cho miền Bắc.

- **Khó khăn:** Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chính quyền của Tổng thống Mỹ Giôn xon quyết định tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam. Điều này cho thấy Mỹ đang yếu đi và gặp khó khăn trên chiến trường miền Nam Việt Nam; và để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền Mỹ đã đưa quân chiến đấu Mỹ và quân các nước Đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến.

\* **Bối cảnh trong nước:**

- **Thuận lợi:** Miền Bắc là hậu phương lớn của cách mạng, miền Bắc đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời chuẩn bị cho cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước các chiến dịch ném bom từ Mỹ.

- **Khó khăn:** Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, quân đội Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện các chiến dịch “bình định” nhằm phá hoại cơ sở cách mạng. Đồng thời, Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam: Chiến dịch “Mũi lao” (2/1965), chiến dịch “Sấm rền” (3/1965), ... à Trước tình hình cách mạng miền Nam có diễn biến mới với sự tham chiến của quân Mỹ, vận mệnh dân tộc đứng trước những thách thức nghiêm trọng, Đảng kiên định lập trường, lãnh đạo nhân dân kiên quyết kháng chiến, Ngày 25-3-1965, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã diễn ra.

**2. Nội dung hội nghị Trung ương lần thứ 11.**

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 đã thông qua một dự thảo Nghị quyết “Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt”, xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh với Mỹ.

\* **Nhận định về cách mạng và nhiệm vụ cách mạng:**

- Mỹ đang suy yếu và gặp khó khăn với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trên chiến trường miền Nam, do đó Mỹ đã chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Đây là một hình thức chiến tranh trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ. Mỹ trực tiếp xuất hiện và tham chiến trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Đây là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới do Mỹ tiến hành. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam.

- Xác định nhiệm vụ trọng tâm: Cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc. Thắng Mỹ trong "*Chiến tranh đặc biệt*" tại miền Nam, giành chiến thắng quyết định trong thời gian ngắn và chuẩn bị đối phó với "*Chiến tranh cục bộ*", xây dựng kinh tế và bảo vệ ở miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước.

**\* Chiến lược cách mạng:**

- **Miền Bắc:** Chuyển toàn bộ hoạt động của miền Bắc từ thời bình sang thời chiến trên mọi lĩnh vực như kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ... đảm bảo duy trì và giữ vững sản xuất, tăng khả năng chi viện cho chiến trường miền Nam. Đẩy mạnh phòng không không quân, tăng cường quốc phòng, bảo vệ miền Bắc khỏi cuộc tấn công của Mỹ. Tập trung xây dựng xã hội chủ nghĩa, củng cố tư tưởng và tổ chức trong Đảng.

- **Miền Nam:** Tăng cường đấu tranh quân sự và chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích. Chủ động mở các chiến dịch tấn công nhằm phá thế chủ động của Mỹ, tiêu diệt sinh lực địch, đặc biệt là lực lượng quân viễn chinh Mỹ.

- **Ngoại giao:** Đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, tận dụng sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào đấu tranh vì hòa bình trên thế giới để gây sức ép lên Mỹ.

- **Tăng cường lực lượng quốc phòng:** Tăng cường công tác phòng thủ, công tác phòng không nhân dân, đánh trả, chống gián điệp, bảo vệ trật tự, trị an, ... để bảo vệ miền Bắc; vững phương châm dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

- **Ra sức chi viện cho miền Nam:** Chú trọng nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải.

- **Kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới:** Phát động toàn dân, toàn quân đứng lên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tổ chức các phong trào sản xuất, chiến đấu, công tác, học tập phù hợp với thời chiến.

**3. Nhận xét và ý nghĩa hội nghị Trung ương lần thứ 11.**

**\* Nhận xét:**

- Hội nghị nhấn mạnh vai trò lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng, đề cao tinh thần đoàn kết toàn dân, củng cố niềm tin vào thắng lợi.

- Chủ trương xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn trong chiến tranh, đồng thời thúc đẩy khẩu hiệu "*Xây dựng, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam*".

**\* Ý nghĩa:**

- Khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và coi chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu thiêng liêng của cả dân tộc, định hướng được con đường đi đúng đắn là quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Thể hiện tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

- Thể hiện sự lãnh đạo kiên định của Đảng, tạo niềm tin về khả năng đánh bại Mỹ.

**II. Chủ đề 22.2: Trình bày quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ thể hiện qua hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12/1965).**

**1. Hoàn cảnh lịch sử hội nghị Trung ương lần thứ 12.**

**a, Bối cảnh quốc tế:**

- **Thuận lợi:** Hỗ trợ quốc tế ngày càng mạnh mẽ hơn. Các phong trào phản chiến tại Mỹ và các nước phương Tây phát triển rộng rãi => gây sức ép lên chính quyền Mỹ. Việt Nam nhận được sự viện trợ quan trọng từ các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu).

- **Khó khăn:** Chiến tranh lạnh: Cuộc đối đầu giữa hai phe xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc) và các nước tư bản (Mỹ) tiếp tục diễn ra căng thẳng và gay gắt, gây ảnh hưởng đến viện trợ kháng chiến. Mỹ gia tăng can thiệp quân sự tại Đông Dương, coi Việt Nam là tiền đồn ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á.

**b, Bối cảnh trong nước:**

- **Thuận lợi:** Miền Bắc tập trung xây dựng hậu phương vững chắc bằng cách phát triển kinh tế, quân sự, công nghiệp quốc phòng và nỗ lực chi viện cho miền Nam. Đồng thời, miền Bắc kiên cường đối phó với chiến tranh phá hoại của Mỹ, chuẩn bị cho chiến tranh tổng lực và thúc đẩy phong trào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- **Khó khăn:** Sau những thất bại trong chiến lược "*Chiến tranh đặc biệt*", Mỹ chuyển sang "*Chiến tranh*



cục bộ”, đưa 70 vạn quân vào miền Nam. Quân đội Mỹ, quân đồng minh và chính quyền Sài Gòn tiến hành các cuộc hành quân quy mô lớn với mục tiêu “tìm và diệt” lực lượng cách mạng và Quân Giải phóng. Mỹ hỗ trợ chính quyền Sài Gòn về tài chính và quân sự, thúc đẩy các chính sách bình định nông thôn nhằm kìm hãm lực lượng cách mạng.

Các chính sách đàn áp, bóc lột và cuộc hành quân “tìm và diệt” của Mỹ gây ra đau khổ, chia rẽ sâu sắc trong xã hội. Dựa trên hoàn cảnh quốc tế và trong nước, Đảng đã triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 12 nhằm đề ra chiến lược, phương hướng và các giải pháp cụ thể để đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

## **2. Nội dung hội nghị Trung ương lần thứ 12**

### **a, Nhận định về cuộc chiến tranh:**

#### **• Về quân địch:**

Do thực hiện chính sách thực dân kiểu mới và chiến tranh xâm lược phi nghĩa, Mỹ gặp khó khăn do hậu phương xa và mâu thuẫn chiến thuật. Trên chiến trường, tuy bị mâu thuẫn giữa tiến công với phòng ngự và hậu phương xa nhưng Mỹ có thể đưa thêm 30 - 40 vạn quân vào miền Nam, giành lại địa bàn đã mất. Mỹ hy vọng ép ta thương lượng theo điều kiện của Mỹ, đồng thời chuẩn bị mở rộng xâm lược khi cần.

#### **• Về quân và dân ta:**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân ta đã tạo ra lực lượng to lớn về mọi mặt và đang đứng trước thế thuận lợi. Cần động viên lực lượng cả nước kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam.

### **b, Các nội dung đường lối:**

- **Quyết tâm chiến lược:** Nhân dân ta có cơ sở giữ vững thế chủ động trên chiến trường. Với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên toàn quốc, là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc.
- **Mục tiêu chiến lược:** Đánh bại Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và hướng tới độc lập, thống nhất đất nước.
- **Phương châm chiến lược:** Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, tập trung lực lượng để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi nhanh.
- **Tăng cường công tác xây dựng Đảng:** củng cố đội ngũ cán bộ và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.
- **Tư tưởng chỉ đạo:** Đảng yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa *chiến tranh quân sự* và *chính trị*, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên ba vùng chiến lược, đẩy mạnh *chiến tranh nhân dân*. Đấu tranh quân sự giữ vị trí quyết định trực tiếp trong giai đoạn này. Ngoài ra, Đảng xác định nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, duy trì sản xuất, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển quốc phòng chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài. Trong cuộc chiến này, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Hai nhiệm vụ này luôn phải song hành với nhau, không thể tách rời.
- **Đối ngoại và chiến lược quốc tế:** Vận động sự ủng hộ quốc tế, đặc biệt là từ các quốc gia xã hội chủ nghĩa và các phong trào hòa bình trên thế giới.

## **3. Nhận xét và ý nghĩa hội nghị Trung ương lần thứ 12**

### **\* Nhận xét:**

- Hội nghị Trung ương 12 nhấn mạnh sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- Xác định sự đoàn kết giữa các tầng lớp, giữa quân đội và nhân dân, là yếu tố quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến.

### **\* Ý nghĩa:**

- **Nghị quyết Hội nghị Trung ương 12** là một văn kiện lịch sử rất quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn. Nghị quyết đã đánh giá chính xác, khoa học về so sánh lực lượng ta - địch, đánh giá đúng những nhược

*điểm của đế quốc Mỹ, ngay cả khi chúng ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam, để từ đó có những quyết sách đúng đắn về nhiệm vụ của đất nước, quân đội và nhân dân để từ đó từng bước đánh bại cuộc “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ và tay sai.*

## **Chủ đề 23: Các giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) và ý nghĩa của mỗi giai đoạn.**

### **a. Giai đoạn 1954-1964:**

\* Hoàn cảnh lịch sử:

- Thuận lợi:

+ Hệ thống XHCN tiếp tục lớn mạnh về cả kinh tế, quân sự, khoa học - kỹ thuật, nhất là Liên Xô

+ Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh

+ Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản

+ Miền Bắc giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước.

- Khó khăn:

+ Đế quốc Mĩ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu bá chủ thế giới với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng.

+ Thế giới bước vào thời kì chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa 2 phe CNXH và TBCN

+ Xuất hiện sự bất đồng trong XHCN, nhất là Liên Xô và Trung Quốc.

+ Chia làm 2 miền: kinh tế miền Bắc nghèo nàn và lạc hậu; miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ → Đế quốc Mĩ trở thành kẻ thù trực tiếp

\* Quá trình hình thành

- 9/1954, Bộ chính trị ra nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng

- Hội nghị 7 (3/1955) và hội nghị 8 (8/1955) nhận định: cốt lõi là phải củng cố miền Bắc, giữ vững và đấu tranh miền Nam

- Hội nghị 13 (12/1957): Mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng là: củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH. Tiếp tục đấu tranh thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình.

- Hội nghị 15 (1/1959) bàn về cách mạng miền Nam

- Đại hội III họp tại thủ đô HN từ ngày 5-10/9/1960: hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng VN giai đoạn mới

\* Ý nghĩa lịch sử:

- Thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam và phù hợp với tình hình quốc tế

- Đường lối chung của cách mạng VN đã thể hiện tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề có tiền lệ trong lịch sử, vừa đúng với thực tiễn VN vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.

- Đường lối chiến lược chung cho cả nước và đường lối cách mạng ở mỗi miền là cơ sở để Đảng chỉ đạo quần chúng ta phấn đấu giành được những thành tựu to lớn trong xây dựng CNXH ở miền Bắc, và đấu tranh thắng lợi chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mĩ và tay sai ở miền Nam.

### **b. Giai đoạn 1965-1975**

\* Hoàn cảnh lịch sử:

- Thuận lợi:

+ Cách mạng thế giới đang ở thế tiến công. Ở miền Bắc, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã vượt mục tiêu về kinh tế, văn hóa, chỉ viện sức người, sức của cho các mạng miền Nam được đẩy mạnh.

+ Ở miền Nam, vượt qua những khó khăn 1961-1962, từ 1963 cuộc đấu tranh của quân và dân ta có bước phát triển mới. Đến đầu 1965, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ bị phá sản.

- Khó khăn:

+ Bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc ngày càng trở nên gay gắt.

+ Cuộc "đấu tranh cục bộ" của Mĩ, quân đội viễn chinh Mĩ và các nước chư hầu vào xâm lược miền Nam đã làm

cho tương quan lực lượng chớ nên bắt lợi cho ta.

\* Quá trình hình thành:

- Hội nghị TU 9 (1963) xác định quan điểm quốc tế, hướng hoạt động đối ngoại vào việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Hội nghị tiếp tục khẳng định đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang đi đôi. Đối với miền Bắc, trách nhiệm là căn cứ địa, hậu phương đối với cách mạng miền Nam, đồng thời nâng cao cảnh giác, triển khai mọi mặt sẵn sàng đối phó với âm mưu đánh phá của địch.

- Hội nghị 11 (3/1965) và hội nghị 12 (12/1965) đã tập trung đánh gài tình hình và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên cả nước.

\* Ý nghĩa lịch sử:

- Thể hiện quyết tâm đánh và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn dân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ 2 chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

#### **Chủ đề 24: Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).**

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam đã biến lời tiên đoán sáng suốt và điều mong ước thiết tha của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành sự thật: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn".

Đánh giá về thắng lợi này, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) cho rằng: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"<sup>2</sup>.

Trải qua 21 năm chiến đấu, Nhân dân ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới có quy mô lớn, dài ngày nhất, ác liệt và dã man nhất từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Âm mưu của đế quốc Mỹ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và chia cắt lâu dài đất nước ta đã bị đập tan.

Thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước kết thúc quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử giải phóng dân tộc và thống nhất nước nhà, mở ra bước ngoặt vĩ đại thiết lập quyền làm chủ của nhân dân trên toàn bộ đất nước, đưa cả nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Với thắng lợi này, Nhân dân Việt Nam chứng minh trước toàn thế giới sự phá sản không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới. Cũng như trước đây, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1954 đã chứng minh với thế giới sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa thực dân cũ. Quân nguy Sài Gòn - đội quân tay sai mạnh nhất được Mỹ dồn sức lực, tiền của nuôi dưỡng và bảo vệ bị tiêu diệt đã làm cho các đồng minh Mỹ ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La tinh bắt đầu mất lòng tin vào khả năng của Mỹ. Niềm tin về "tính bất khả chiến bại" của đế quốc Mỹ đã bị lung lay.

Thắng lợi của Nhân dân Việt Nam đã đẩy lùi và làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, làm lung lay vị trí chính trị của Mỹ trên trường quốc tế làm phá sản "thần tượng Mỹ" và tâm lý phục Mỹ, sợ Mỹ - tên đế quốc hùng mạnh nhất và tên sen đầm quốc tế hung ác nhất.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, tăng thêm sức mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng của thời đại đem lại lòng tin và niềm phấn khởi của hàng triệu người dân trên thế giới đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong toàn bộ lịch sử 200 năm của Hoa Kỳ, đây là thất bại lớn nhất. Đế quốc Mỹ bị suy yếu nghiêm trọng về quân sự, chính trị, kinh tế và còn phải tiếp tục gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề và lâu dài. Vết thương nhức nhối mà đế quốc Mỹ gọi là "hội chứng Việt Nam" đã dần vật gai cấp thống trị và cả nhân dân Mỹ trong nhiều năm cho đến nay vẫn chưa lành. Chiến tranh Việt Nam làm cho nhân dân Mỹ hiểu thêm những bệnh hoạn và mâu thuẫn vốn có của xã hội tư bản.

Thời kỳ sau Việt Nam, đế quốc Mỹ buộc phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu, chuyển sang chiến lược "diễn biến hòa bình" gây đủ mọi sức ép nhằm phá hoại phong trào giải phóng dân tộc, phá hoại Liên Xô, Đông Âu, hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản quốc tế từ trong lòng các phong trào và các nước đó.

Tất cả những điều đó nói lên tầm quan trọng quốc tế và tính thời đại của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược mà cả loài người tiến bộ, những ai có lương tri đều thừa nhận, dù Nhà Trắng và Lầu Năm Góc có tìm trăm phương nghìn kế để xóa bỏ cũng uổng công, dù năm tháng đã trôi qua nhưng sự thật lịch sử vẫn là sự thật.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ đã để lại những bài học quý giá trong lịch sử giữ nước:

Một là, toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ, đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng nhằm mục tiêu chủ yếu là giải phóng miền Nam.

Hai là, chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, tạo ra sức mạnh tổng hợp của chiến tranh.

Ba là, lựa chọn phương thức chiến tranh thích hợp.

Bốn là, ba tầng mặt trận thống nhất chống Mỹ: ở trong nước, giữa ba nước Đông Dương và trên thế giới.

Năm là, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

#### **Chủ đề 25: Phân tích nội dung cơ bản đường lối chung xây dựng XHCN trong thời kỳ quá độ được Đại hội IV (12/1976) của Đảng vạch ra.**

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"

Về đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, Đại hội nêu rõ phải: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học - kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc.

Trên cơ sở đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, Đại hội đã xác định các nội dung về:

+ Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 phát triển và cải tạo kinh tế, văn hóa, phát triển khoa học, kỹ thuật.

+ Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

+ Tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng.

- + Nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng.
- + Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

## **Chủ đề 26: Phân tích nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của hai cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền biên giới phía Tây Nam và phía Bắc của tổ quốc.**

### **1. Chiến tranh biên giới Tây Nam**

#### **a. Nguyên nhân.**

- Căng thẳng Quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia dưới chế độ Khmer Đỏ được Trung Quốc hậu thuẫn.
- Chính sách chống Việt Nam của chính quyền Khmer Đỏ.
- Pol Pot mở cuộc tấn công xâm lược Việt Nam trên toàn tuyến biên giới Tây Nam, thi hành chính sách diệt chủng đối với người Việt.

#### **b. Diễn biến.**

- Giai đoạn 1 (từ ngày 30/4/1977 đến ngày 05/01/1978): Mở đầu cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, Pol Pot tiến hành ba cuộc tiến công quy mô lớn sang lãnh thổ Việt Nam.

+ Ngày 30/4/1977, chúng đánh vào các xã biên giới thuộc tỉnh An Giang, tàn phá các bản làng, trường học, cơ sở sản xuất, những nơi đông dân cư ở sát biên giới và sâu trong lãnh thổ Việt Nam. Các cuộc tiến công và pháo kích của quân Pol Pot đã khiến An Giang chìm trong bể máu.

+ Các lực lượng biên phòng và dân quân, du kích Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, ngăn chặn địch. Quân đội Việt Nam đã đánh trả, buộc quân Pol Pot rút về bên kia biên giới.

+ Ngày 23/5/1977, Quân ủy Trung ương ra chỉ thị cho lực lượng vũ trang ở phía Nam: “Kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của ta, không dung thứ bất cứ sự xâm lấn nào của lực lượng khiêu khích, phản động Campuchia vào lãnh thổ ta; đồng thời tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của Campuchia. Tìm mọi cách làm nhụt tinh thần của bọn khiêu khích. Tuyên truyền vận động nhân dân bạn và tranh thủ sự đồng tình của dư luận, tạo điều kiện ổn định một bước biên giới với Campuchia. Đập tan âm mưu chia rẽ các nước anh em trên bán đảo Đông Dương”. Thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương, nhiều đơn vị Quân khu tổ chức điều chỉnh lực lượng, phương tiện, xây dựng phương án, sẵn sàng chiến đấu.

+ Từ ngày 25/9/1977, quân Pol Pot tập trung 9 sư đoàn chủ lực cùng lực lượng địa phương mở cuộc tiến công lớn thứ hai sang địa bàn các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Long An, Đồng Tháp lên hướng Tây Ninh, gây nhiều tội ác đối với nhân dân Việt Nam.

+ Bộ Tổng Tham mưu quyết định sử dụng một bộ phận lực lượng chủ lực cơ động của Bộ đánh lui các cuộc tiến công của quân Pol Pot ở nhiều khu vực trên biên giới, giành lại những khu vực bị lấn chiếm, sau đó lui về củng cố lực lượng.

+ Ngày 15/11/1977, quân Pol Pot mở cuộc tiến công mới nhằm đánh chiếm thị xã Tây Ninh.

+ Ngày 5/12/1977 đến 05/01/1978, các Quân đoàn và Quân khu tập trung 8 sư đoàn mở đợt phản công trên các hướng đường 7, đường 1, đường 2, truy kích quân Pol Pot sâu vào đất Campuchia; đánh thiệt hại 5 sư đoàn, làm thất bại kế hoạch đánh chiếm thị xã Tây Ninh của địch.

+ Sau đó, tập đoàn Pol Pot thực hiện thủ đoạn “vừa ăn cướp, vừa la làng”, đưa chiến tranh biên giới Tây Nam ra trước dư luận thế giới, vu khống Quân đội Việt Nam xâm lược Campuchia nhằm cô lập Việt Nam trên trường quốc tế.

Đáp lại lời vu khống trên, ngày 31/12/1977, Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố về vấn đề biên giới Việt Nam – Campuchia, nêu rõ lập trường và nguyên tắc của ta là: Kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ mình; luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia; vạch trần âm mưu thủ đoạn và những tội ác man rợ của tập đoàn Pol Pot đối với đồng bào ta ở các tỉnh vùng biên giới Tây Nam.

Tuy nhiên, mọi nỗ lực ngoại giao nhằm thiết lập một vùng phi quân sự dọc biên giới của Chính phủ ta đều bị tập đoàn Pol Pot từ chối. Chúng tiếp tục phát động cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam nước ta.

- Giai đoạn 2 (từ ngày 06/01/1978 đến ngày 07/01/1979): Tập đoàn phản động Pol Pot xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam, Quân tình nguyện Việt Nam mở cuộc tổng phản công và cùng quân dân Campuchia tiến công

đánh đổ chế độ diệt chủng Pol Pot. Dù bị thiệt hại nặng nhưng do vẫn được hỗ trợ về vũ khí, trang bị và cố vấn quân sự từ bên ngoài, quân Pol Pot tiếp tục chuẩn bị lực lượng, tập trung quân về biên giới Việt Nam.

+ Tháng 1/1978, Pol Pot đưa thêm 2 sư đoàn ra biên giới, tiếp tục gây xung đột, liên tục tấn công, gây nhiều tội ác với đồng bào ta. Bộ Tổng Tham mưu điều động lực lượng, sẵn sàng chiến đấu; đồng thời ra lệnh cho các đơn vị ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nâng cao cảnh giác, thực hiện phòng ngự tích cực để hỗ trợ cho Đảng, Nhà nước ta thực hiện đấu tranh chính trị và ngoại giao.

+ Ngày 05/01/1978, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố ba điểm:

1. Chấm dứt mọi hoạt động quân sự, rút lực lượng vũ trang cách biên giới 5km;
2. Hội đàm tiến tới ký hiệp ước hữu nghị và không xâm lược, ký hiệp ước về biên giới;
3. Thỏa thuận về một hình thức thích hợp bảo đảm thông lệ quốc tế và giám sát quốc tế.

Phớt lờ thiện chí và các nỗ lực ngoại giao của ta, quân Pol Pot tiếp tục huy động lực lượng áp sát biên giới và cho quân tiến công, xâm nhập nhiều điểm trên địa phận nước ta; lực lượng của ta đã kiên quyết đánh trả, giành lại các khu vực bị lấn chiếm.

+ Từ ngày 26/3/1978, các đơn vị của Quân đội ta chuyển sang tiến công, đẩy quân Pol Pot lùi xa dần biên giới và dồn đối phương vào thế bị động, đối phó. Đòn phản công quyết liệt của Việt Nam trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao đã đẩy quân Pol Pot vào tình thế khó khăn và tác động lớn đến hình hình chính trị nội bộ Campuchia; đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho phong trào nổi dậy của các lực lượng cách mạng Campuchia phát triển, đỉnh cao là cuộc nổi dậy từ ngày 26/5/1978 ở Quân khu Đông, làm suy yếu một bộ phận lực lượng quân Pol Pot.

+ Ngày 15/6/1978, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định phát động chiến tranh nhân dân, kiên quyết phản công và tiến công địch một cách chủ động, tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

+ Sau cuộc nổi dậy của lực lượng cách mạng Campuchia ở Quân khu Đông ngày 26/5/1978, quân Pol Pot vừa ráo riết thanh trừng nội bộ, vừa phải đối phó với lực lượng cách mạng Campuchia vẫn đang tiếp tục hoạt động ở nhiều nơi. Để hỗ trợ cho lực lượng cách mạng Campuchia tồn tại và phát triển, tạo thế cho hoạt động của ta vào mùa khô 1979, từ ngày 14/6 đến ngày 30/9/1978, ta sử dụng lực lượng lớn mở tiếp đợt tiến công lớn nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, tiến tới làm suy yếu một bước lực lượng quân Pol Pot.

Do bị bất ngờ hoàn toàn về thời gian, quy mô và phương thức hoạt động của ta, quân Pol Pot rơi vào thế bị động, ngay ngày đầu đã bị ta đánh thiệt hại và tê liệt một số sư đoàn. Cuộc tiến công của ta đã hỗ trợ kịp thời cho lực lượng cách mạng Campuchia ở Quân khu Đông, buộc quân Pol Pot bị động đối phó trên cả hai mặt trận biên giới và nội địa. Ở nhiều khu vực quan trọng, lực lượng nổi dậy đã lập được căn cứ, dựa vào dân để phát triển lực lượng. Phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia trong đợt tiến công này, ta đã tiêu diệt nhiều sư đoàn, làm suy yếu nghiêm trọng lực lượng chủ lực quân Pol Pot, đẩy lùi hầu hết quân Pol Pot ra khỏi đất Việt Nam.

+ Phát hiện quân Pol Pot có ý định quay lại nước ta, ngày 06 và 07/12/1978, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua quyết tâm tổng phản công – tiến công chiến lược tiêu diệt quân địch, hoàn thành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc; đồng thời sẵn sàng hỗ trợ lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia nổi dậy đánh đổ tập đoàn Pol Pot diệt chủng, giành chính quyền về tay nhân dân. Phát hiện sự chuẩn bị của ta, quân Pol Pot tập trung phần lớn lực lượng chủ lực bố trí dọc biên giới với Việt Nam, toàn bộ phía sau hầu như trống rỗng.

+ Ngày 23/12/1978, quân Pol Pot huy động nhiều sư đoàn đang bố trí ở biên giới mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nước ta. Cùng ngày, Quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia mở cuộc tổng phản công – tiến công trên toàn tuyến biên giới.

+ Cuối tháng 12/1978, toàn bộ hệ thống phòng thủ vòng ngoài của quân Pol Pot bị phá vỡ. Đến ngày 31/12/1978, quân và dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ đánh đuổi quân Pol Pot, thu hồi toàn bộ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc bị kẻ thù lấn chiếm.

+ Ngày 02/01/1979, quân chủ lực của Pol Pot án ngữ các trục đường tiến về Phnôm Pênh cơ bản bị tiêu diệt và tan rã. Ngày 05 và 06/01/1979, trên tất cả các hướng, quân Pol Pot không cản được Quân tình nguyện Việt Nam truy kích và tiến sát Thủ đô Phnôm Pênh.

+ Ngày 06/01/1979, Quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia bắt đầu cuộc tổng công kích vào Thủ đô Phnôm Pênh. Sau 2 ngày tổng công kích, ngày 07/01/1979, Thủ đô Phnôm Pênh hoàn toàn được giải phóng.

- Từ ngày 23/12/1978 đến 17/01/1979, Quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đã tiêu diệt và đập tan bộ máy thống trị của tập đoàn phản động Pol Pot. Chiến tranh biên giới Tây Nam kết thúc.

### **c. Ý nghĩa.**

- Đây là cuộc giải cứu nhân đạo của Việt Nam nhằm giúp Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng do Khmer Đỏ gây ra.

- Khẳng định nhân dân Việt Nam với ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng, sẵn sàng đập tan bất kỳ âm mưu và hành động chống phá nào của các thế lực phản động, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

- Thể hiện tinh thần quốc tế cao cả, mối quan hệ truyền thống gắn bó thủy chung, lâu đời, sự giúp đỡ trong sáng, chí nghĩa, chí tình của Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân Việt Nam đối với nhân dân Campuchia. Quan hệ hai nước Việt Nam - Campuchia chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ khôi phục, vun đắp tình đoàn kết, hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa hai nước dựa trên nguyên tắc hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau vì sự phát triển và phồn vinh của mỗi nước.

- Chiến thắng chế độ diệt chủng Pol Pot đã góp phần giữ vững hoà bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới; đấu tranh vạch trần bản chất của chế độ phân biệt chủng tộc, sắc tộc, chế độ độc tài và cảnh báo cho nhân loại cảnh giác trước nguy cơ của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa phát xít mới.

## **2. Chiến tranh biên giới phía Bắc**

### **a. Nguyên nhân.**

- Sau chiến tranh Việt Nam (1975), Việt Nam và Campuchia xuất hiện nhiều mâu thuẫn. Ngày 13 tháng 12 năm 1978, được sự trang bị và hậu thuẫn của Trung Quốc, Khmer Đỏ huy động 10 sư đoàn đồng loạt tấn công xâm lược Việt Nam. Sau đó, quân đội Việt Nam đã phản công, đánh bật quân Khmer Đỏ ra khỏi Việt Nam và bắt đầu tiến sang Campuchia để tiêu diệt chế độ này.

- Nhận thấy Việt Nam đưa quân vào Campuchia lật đổ chính quyền diệt chủng Khmer Đỏ do Trung Quốc bảo trợ trong cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Campuchia, Trung Quốc quyết định tấn công xâm lược Việt Nam với lý do "dạy cho Việt Nam một bài học" (lời Đặng Tiểu Bình) nhưng mục đích chính là phân chia lực lượng quân đội của Việt Nam để giúp chính quyền diệt chủng Khmer Đỏ. Đồng thời, Trung Quốc muốn thử nghiệm chiến thuật quân sự phòng thủ chủ động, đưa cuộc phòng thủ biên giới vào sâu lãnh thổ đối phương. Ngoài ra, Trung Quốc thử nghiệm một cuộc chiến tranh biên giới có giới hạn để thăm dò khả năng tương trợ của Liên xô.

### **b. Diễn biến.**

- Sáng ngày 17-2-1979, quân đội Trung Quốc áp dụng chiến thuật biển người bất kể tổn thất tiến công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam theo các hướng: Hướng Lạng Sơn, hướng Cao Bằng, hướng Hoàng Liên Sơn, hướng Lai Châu, hướng Quảng Ninh, Hà Tuyên (nay là Hà Giang). Tất cả các hướng tấn công đều có xe tăng, pháo binh hỗ trợ. Không quân và hải quân không được sử dụng trong toàn bộ cuộc chiến.

- Trong giai đoạn đầu:

+ Từ đầu đến ngày 28-2-1979, quân Trung Quốc chiếm được các thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang và một số thị trấn. Tuy nhiên, do vấp phải sự phòng ngự có hiệu quả của Việt Nam nên quân Trung Quốc tiến rất chậm và bị thiệt hại nặng.

+ Quân Việt Nam còn phản kích đánh cả vào hai thị trấn biên giới thuộc tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc nhưng chỉ có ý nghĩa quấy rối.

+ Ngày 19-2-1979, nhóm cố vấn quân sự cao cấp của Liên Xô tới Hà Nội để gặp các tướng lĩnh chỉ huy của Việt Nam. Moskva yêu cầu Trung Quốc rút quân. Liên Xô cũng viện trợ gấp vũ khí cho Việt Nam qua cảng Hải Phòng, đồng thời dùng máy bay vận tải chuyển một số sư đoàn chính quy Việt Nam từ Campuchia về.

- Trong giai đoạn sau:

+ Cả hai bên đều tăng cường thêm lực lượng và cuộc chiến tiếp tục, trong đó quyết liệt nhất là hướng Lạng Sơn. Tại đây sư đoàn bộ binh 3 Sao Vàng, một đơn vị thiện chiến của Việt Nam từng đánh Mỹ cùng một số sư đoàn khác đã tổ chức phòng thủ chu đáo.

+ Sau nhiều trận đánh đẫm máu bất kể tổn thất, quân Trung Quốc vào được thị xã Lạng Sơn chiều ngày 4-3-1979.

+ Ngày 5-3-1979, Việt Nam ra lệnh tổng động viên toàn quốc. Đồng thời phía Việt Nam cũng điều các sư đoàn chủ lực có xe tăng, pháo binh hỗ trợ áp sát mặt trận, chuẩn bị phản công giải phóng các khu vực bị chiếm đóng. Cũng trong ngày 5-3-1979, do áp lực của Liên Xô và sự phản đối của quốc tế, đồng thời cũng đã chiếm được các thị xã lớn của Việt Nam ở biên giới, Bắc Kinh tuyên bố hoàn thành mục tiêu chiến tranh, chiến thắng và bắt đầu rút quân. Mặc dù chiến sự vẫn tiếp diễn ở một số nơi nhưng đến ngày 18-3-1979 quân Trung Quốc đã hoàn tất rút khỏi Việt Nam.

### **c. Ý nghĩa.**

- Khẳng định đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sự chỉ đạo chiến lược tài tình, sắc bén của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam; tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc.

- Đây là sự kiện lịch sử đặc biệt, để lại cho cách mạng Việt Nam nhiều bài học quý báu.

- Mở đầu cho hơn 10 năm căng thẳng trong quan hệ và xung đột vũ trang dọc biên giới giữa hai quốc gia, buộc Việt Nam phải thường xuyên duy trì một lực lượng quân sự khổng lồ dọc biên giới, gây hậu quả xấu đến nền kinh tế. Sinh hoạt và sản xuất của người dân vùng biên giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ngoài ra, nhiều cột mốc biên giới cũng bị quân Trung Quốc phá hủy, gây khó khăn cho việc hoạch định biên giới sau này.

### **Chủ đề 27: Phân tích nội dung công nghiệp hóa XHCN của chặng đường đầu tiên được Đại hội V (3/1982) vạch ra.**

- Nội dung CNHXHCN: “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý” (ĐH 5, ĐCSVN).

- Chỉ ra thứ tự ưu tiên phát triển cơ cấu các ngành kinh tế như sau:

+ Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, cùng với nông nghiệp chú trọng phát triển công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng. Công nghiệp nặng không còn được “ưu tiên” như tinh thần của Đại hội III và IV, mà chỉ đầu tư cho những ngành có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của đất nước (như các lĩnh vực: xi măng, dầu khí, năng lượng...).

+ Việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

+ Xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, chú trọng công nghiệp nhẹ, là sự điều chỉnh quan trọng về nội dung, bước đi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Điều đó chứng tỏ Đảng bắt đầu nhận thức đúng lợi thế của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ trong tích lũy vốn và quay vòng vốn nhanh để nhanh để tạo tiền đề cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Hạn chế:

+ Tuy nhiên, trên thực tế chính sách này vẫn không có mấy thay đổi so với trước. Nông nghiệp chưa thật sự được coi là mặt trận hàng đầu. Sự điều chỉnh không dứt khoát đó đã khiến cho nền kinh tế Việt Nam không tiến xa được bao nhiêu, trái lại còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm mới, tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân sau 5 năm không những không ổn định được mà còn lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vẫn bị coi nhẹ về tổ chức, đầu tư, chính sách.

+ Ham xây dựng nhiều công trình quy mô lớn.



**Chủ đề 28: Làm rõ những bước đột phá trong đổi mới tư duy quản lý kinh tế của Đảng từ năm 1979 đến năm 1985.**

## **1. Hoàn cảnh**

### **a. Thế giới**

Sau năm 1975, nền kinh tế thế giới biến động mạnh mẽ, khủng hoảng năng lượng, suy thoái kinh tế, sự phát triển của các nền kinh tế mới và các chính sách tự do hóa toàn cầu đã đặt ra nhiều thách thức và yêu cầu cho các quốc gia trong lãnh đạo và phát triển.

### **b. Trong nước**

#### **\*Thuận lợi**

Sau 1975, Việt Nam đã có nhiều thuận lợi như sự đoàn kết dân tộc, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, và sự hỗ trợ từ quốc tế. Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức lớn, những thuận lợi này là nền tảng quan trọng để đất nước bắt đầu quá trình phục hồi và phát triển trong những thập niên tiếp theo.

#### **\*Khó khăn:**

- **Khủng hoảng kinh tế:** Kinh tế đất nước bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh. Cơ sở hạ tầng yếu kém, năng lực sản xuất thấp, và nền kinh tế còn phụ thuộc vào viện trợ quốc tế và mô hình bao cấp.

- **Kinh tế bao cấp không hiệu quả:** Mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã dẫn đến sự kém hiệu quả trong sản xuất và phân phối hàng hóa, gây thiếu hụt trầm trọng.

Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện một loạt các **bước đột phá** trong tư duy và quản lý kinh tế nhằm thay đổi và thích ứng với tình hình.

## **2. Các bước đột phá trong đổi mới tư duy quản lý kinh tế của Đảng từ 1979- 1985**

### **2.1 Bước đột phá đầu tiên- Hội nghị Trung Ương 6 Đại hội khóa IV (tháng 8/1979)**

#### **a. Hoàn cảnh**

Sau thống nhất đất nước (1975), Việt Nam đối mặt với khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng:

- Lương thực thiếu hụt trầm trọng, sản xuất nông nghiệp đình trệ do mô hình tập thể hóa chưa hiệu quả.

- Quản lý kinh tế theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp kém linh hoạt.

- Cầm vận kinh tế từ bên ngoài và hậu quả chiến tranh khiến nguồn lực tái thiết đất nước hạn chế.

#### **b. Nội dung**

- **Hội nghị Trung Ương 6 Đại hội khóa IV (tháng 8/1979):** chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Hội đồng Chính phủ ra quyết

định (10-1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm; quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

- **Với nông nghiệp:** sau khi tổ chức thí điểm, Ban bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100- CT/TW vào ngày 13/1/1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Theo Chỉ thị, mỗi xã

viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu, cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán. Chủ trương đó được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng.

→ Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể

- **Với công nghiệp:** vào 1/1981, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định 25/CP và 26/CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh.(Đại hội V)

#### **c. Ý nghĩa, tác dụng:**

Cho thấy những tư duy kinh tế ban đầu tuy còn sơ khai, chưa cơ bản và toàn diện nhưng là bước mở đầu có ý nghĩa quan trọng.

- **Thay đổi tư duy quản lý kinh tế:** Hội nghị TW 6 khóa IV đã đánh dấu sự chuyển hướng trong tư duy quản lý kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- **Tạo động lực cho phát triển kinh tế:** Các quyết định trong Hội nghị Trung ương 6 đã tạo ra động lực cho nền kinh tế, đặc biệt là trong việc khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp.
- **Khai thác được tiềm năng của nền kinh tế:** Mặc dù vẫn trong tình trạng khó khăn, nhưng những cải cách trong nông nghiệp và công nghiệp đã giúp nền kinh tế dần thoát khỏi khủng hoảng, và từ đó tạo ra một nền tảng cho các bước cải cách sau này.

## **2.2 Bước đột phá thứ hai - Đại hội V của Đảng (1982)**

### **a. Hoàn cảnh**

Đại hội V của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

### **b. Nội dung**

Đại hội V đã bổ sung đường lối chung do Đại hội IV đề ra những quan điểm mới:

- Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; đáp ứng nhu cầu của quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.
- Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. “Trong khi không một phút lơ lửng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”.
- Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công- nông nghiệp hợp lý.

### **c. Ý nghĩa, tác dụng**

- Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế.
- Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng

## **2.3 Bước đột phá thứ ba- Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (6-1985)**

### **a. Hoàn cảnh**

- Sau bước đột phá đầu tiên, được nhân dân đón nhận và đạt nhiều chuyển biến tốt đẹp.
- Khủng hoảng kinh tế: Các cải cách từ những năm trước đã đạt được một số kết quả, nhưng nền kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn. Tình trạng thiếu thốn hàng hóa, lạm phát cao, và sự bất ổn trong các ngành kinh tế vẫn diễn ra.
- Mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung không còn phù hợp. Nó bộc lộ nhiều hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu và thúc đẩy sự phát triển bền vững (thiếu linh hoạt sáng tạo, khó cạnh tranh, điều tiết kinh tế,...)

### **b. Nội dung**

- Chủ trương xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa.
- Đề cập ba nội dung quan trọng của cái cách: Giá cả, tiền lương, tiền tệ (giá – lương – tiền).
- **Giá cả:** Thực hiện cơ chế một giá thống nhất và đánh giá đúng, đủ chi phí cho giá thành sản phẩm.
- **Tiền lương:** Xóa bỏ chế độ tiền lương hiện vật, thực hiện tiền lương tiền tệ gắn với xóa bỏ bao cấp. Chế độ tiền lương phải đảm bảo cho người lao động tái tạo sức lao động và gắn với chất lượng và hiệu quả lao động.

- **Tiền tệ:** Đổi mới lưu thông tiền tệ; thu hút tiền nhàn rỗi; đẩy nhanh nhịp độ quay vòng đồng tiền; chuyển ngân hàng sang hạch toán kinh doanh XHCN.

### c. Tác dụng, ý nghĩa

- Là bước đầu trong công cuộc đổi mới tư duy kinh tế:

- + Là nỗ lực cải cách cơ chế quản lý kinh tế, tập trung vào kiểm soát giá cả, tiền lương và tiền tệ:
  - + Cải cách giá – lương – tiền: Giảm bao cấp, tăng sự tự chủ của doanh nghiệp nhà nước.
  - + Đưa ra những thử nghiệm quan trọng để chuẩn bị cho sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường.
- Dù hiệu quả chưa cao, nhưng đã giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào cơ chế bao cấp.
- Tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho Đại hội VI với chính sách đổi mới toàn diện.

## 2.4. Bước đột phá thứ 4 - Hội nghị Bộ Chính trị Đại hội khóa V (tháng 8/1986)

### a. Hoàn cảnh

Bước đột phá kinh tế thứ 3 là một bước đột phá lớn trong đổi mới nền kinh tế, nhưng việc tổ chức và triển khai của Đảng ta vẫn mắc phải những sai lầm như “*vội vàng đổi tiền hay tổng điều chỉnh giá lương*” trong khi bối cảnh thực tiễn vẫn chưa sẵn sàng về mọi mặt. Bởi vậy mà tư tưởng thì đúng đắn, nhưng hành động lại sai lầm làm cho tình hình kinh tế trở nên khủng hoảng nghiêm trọng hơn.

### b. Nội dung

- **Trong cơ cấu sản xuất:** phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ và xuất khẩu; phát triển có chọn lọc công nghiệp nặng; cần tập trung lực lượng vốn và vật tư để thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

- **Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa:** phải xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, đó là sự cần

thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đó là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

- **Trong cơ chế quản lý kinh tế:** lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; phải vận dụng quy luật giá trị. Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá-tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

### c Tác dụng, ý nghĩa

- Tạo đà cho nền kinh tế phát triển: Những quyết sách của Hội nghị Bộ Chính trị Đại hội V đã tạo nền tảng cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong các thập kỷ tiếp theo.

- Đánh dấu sự đổi mới toàn diện: Sau Hội nghị này, quá trình đổi mới của Việt Nam diễn ra mạnh mẽ và toàn diện.

## 3. Ý nghĩa của những bước đột phá trong đổi mới tư duy quản lý kinh tế của Đảng từ năm 1979 đến năm 1985.

- Là quá trình hình thành đường lối đổi mới tư duy quản lý kinh tế

- Bắt đầu khởi sắc về vấn đề có động lực để phát triển kinh tế trong đất nước ta.

- **Chuyển đổi từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường:** Bước đầu thừa nhận vai trò của các yếu tố thị trường trong điều hành nền kinh tế → khơi thông sản xuất và lưu thông hàng hóa

- **Phát huy vai trò của các thành phần kinh tế:** Đây là bước đi quan trọng để xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, góp phần khai thác tối đa nguồn lực xã hội và giải phóng sức sản xuất.

- **Tiền đề cho công cuộc Đổi mới năm 1986:** Những bước đột phá từ 1979 đến 1985 là quá trình "thử nghiệm"

quan trọng, giúp Đảng đúc rút được bài học kinh nghiệm về đổi mới tư duy quản lý kinh tế → Các chính sách linh hoạt trong giai

đoạn này đã chuẩn bị nền tảng lý luận và thực tiễn để Đảng chính thức đề ra đường lối Đổi mới toàn diện tại Đại hội VI năm 1986.

**-Thúc đẩy động lực lao động và sản xuất**

**-Tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng:** Điều này củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vững chắc cho các giai đoạn cải cách sau này.

**-Khẳng định giá trị của lý luận gắn liền thực tiễn:** Thể hiện sự trưởng thành về lý luận của Đảng, khi các chính sách mới xuất phát từ thực tiễn và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra → Điều này cho thấy sự nhạy bén và khả năng thích nghi của Đảng trước yêu cầu của thời kỳ mới.

**4. Rút ra nhận xét tính tất yếu (sự cần thiết) phải đổi mới về tư duy kinh tế sau 10 năm Xây dựng CNXH trên cả nước (1975-1985)**

- Nhu cầu cải thiện đời sống nhân dân
- Đáp ứng xu thế toàn cầu hóa
- Quy luật vận động của mọi quốc gia là phải luôn cải cách để phát triển. Các nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam cũng nằm trong sự vận động tất yếu đó
- Những sai phạm, khuyết tật trong cơ chế quan liêu bao cấp, do những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược đã làm lòng dân không yên, nguy cơ lệch hướng XHCN, tụt hậu đặt ra trước mắt.

⚡ Việc đổi mới tư duy kinh tế sau 10 năm xây dựng CNXH trên cả nước (1975-1985) là một yêu cầu tất yếu để đối phó với những khó khăn kinh tế, tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong tương lai. Chính sách đổi mới đã giúp Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới, khắc phục được những hạn chế của mô hình kinh tế bao cấp, mở ra cơ hội lớn cho sự phát triển kinh tế xã hội.

**Chủ đề 29: Phân tích yêu cầu và mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN của Đại hội V (3/1982).**

Kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN thể hiện ở chỗ, lấy xây dựng để bảo vệ, xây dựng cũng là một phương thức hữu hiệu để bảo vệ, trong xây dựng có bảo vệ, trong bảo vệ có xây dựng. Xây dựng đất nước vững mạnh, kinh tế phát triển bền vững, đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao, tình hình chính trị xã hội ổn định... là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc. Khắc phục, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu về kinh tế là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ. Bảo vệ tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng; và bản thân lực lượng trực tiếp bảo vệ cũng phải tham gia xây dựng đất nước; tăng cường quốc phòng, an ninh là trực tiếp nhằm giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, tạo sức mạnh cần thiết để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, cũng là tạo điều kiện cho đất nước sự phát triển bền vững.

Kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới phải được thể hiện ở chỗ: Mỗi bước phát triển, mỗi thành tựu, kết quả đạt được của nhiệm vụ xây dựng CNXH là tăng thêm một bước cơ sở sức mạnh để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN; ngược lại, mỗi thành quả giành được trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN là tạo ra được một sức mạnh mới đảm bảo cho nhiệm vụ xây dựng CNXH từng bước giành được thắng lợi và nhằm tới mục tiêu chung là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển KT-XH. Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường sức mạnh QP-AN trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước. Coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế, không có nghĩa coi nhẹ nhiệm vụ củng cố, tăng cường QP-AN; xác định bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ “trọng yếu thường xuyên” không có nghĩa là không tập trung cho nhiệm vụ phát triển kinh tế.

Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh khắc phục những biểu hiện nhận thức chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, thậm chí

cả những nhận thức chưa đúng về kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới. Trong đó, cần quan tâm đến những biểu hiện nhận thức tách rời giữa xây dựng với bảo vệ, bảo vệ với xây dựng; tuyệt đối hóa mặt xây dựng và xem nhẹ, không quan tâm đầy đủ đến mặt bảo vệ, ngược lại, tuyệt đối mặt bảo vệ mà không quan tâm đầy đủ đến mặt xây dựng, từ đó dẫn tới những lệch lạc trong xác định chủ trương, phương hướng, kế hoạch và cả trong tổ chức chỉ đạo thực tiễn làm suy giảm sức mạnh của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kỳ mới.

Kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới không chỉ được thể hiện trong quá trình nhận thức lý luận, mà còn phải được thể hiện trong quá trình tổ chức thực tiễn hoạt động xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới. Cần phải được cụ thể hóa trong các chiến lược phát triển KT-XH và trong quá trình xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Trong các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển KT- XH phải quan tâm đến việc kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới phải được quan tâm giải quyết ở tất cả các cấp, các ngành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, trong mỗi tổ chức, mỗi con người.

Cần tăng cường giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm, phương châm, nội dung, giải pháp kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN phù hợp với sự biến đổi của tình hình thế giới, khu vực, trong nước; yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới. Trên cơ sở đó mà nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động thực tiễn kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới. Cần nghiên cứu xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực hoạt động trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tổ chức triển khai trong thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Thường xuyên quan tâm tổng kết thực tiễn, phát hiện và nhân rộng những mô hình tiên tiến, những cách làm hay, hiệu quả trong tổ chức thực hiện kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới. Xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế phối, kết hợp giữa các bộ, ban, ngành, giữa các tổ chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị xã hội trong tổ chức thực hiện kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới. Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương, các ban, ngành hằng năm cần xây dựng kế hoạch đầu tư, đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí cho việc tổ chức nghiên cứu lý luận và triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các ban, ngành cụ thể.

Để thực hiện tốt việc kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới cần quan tâm đến một số vấn đề sau đây: Quan tâm xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới kết hợp với bảo vệ Đảng, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội; chăm lo xây dựng đội ngũ đảng viên xứng đáng là người lãnh đạo, là “đầu tốp” trung thành của nhân dân. Mặt khác, phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, tăng cường cải cách hành chính trong bộ máy Nhà nước. Quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước vừa có đức, vừa có tài, vừa “hồng”, vừa “chuyên”, nhất là phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp, tác phong công tác, xứng đáng là “công bộc” của dân. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, nhất là trong bộ máy Đảng và Nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm trong sạch bộ máy, trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên để không ngừng củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN. Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành cần có những chủ trương, chính sách để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, nhất là ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, biên giới, hải đảo. Quan tâm giải quyết tốt những vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề bức xúc, nổi cộm, xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân, nhằm huy động sức mạnh của nhân dân cả

trong nước và ngoài nước trong kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới.

### **Chủ đề 30: Phân tích những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của thời kỳ 10 năm xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước (1976 – 1985)**

#### **1. Giai đoạn từ 1975 đến 1985**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976) trên cơ sở phân tích một cách toàn diện đặc điểm, tình hình trong nước và quốc tế, đã xác định đường lối CNH trong thời kỳ quá độ ở nước ta là:
  - + Đẩy mạnh CNH XHCN, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN.
  - + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành cơ cấu công - nông nghiệp.
  - + Vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3/1982) xác định “chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt”.
- + Cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn XHCN.
- + Ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng.
- + Kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý.

#### **Đặc trưng chủ yếu của CNH thời kỳ trước đổi mới:**

- CNH theo mô hình truyền thống với nền kinh tế khép kín, thiên về phát triển CN nặng.
- Chủ yếu dựa vào lợi thế về tài nguyên, lao động và sự giúp đỡ của các nước XHCN; chủ lực thực hiện CNH là Nhà nước; việc phân bổ các nguồn lực để thực hiện CNH chủ yếu bằng cơ chế kế hoạch hoá, tập trung quan liêu bao cấp.
- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả KT-XH.

#### **2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

##### **a. Kết quả, ý nghĩa**

- Kết quả:
  - + Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, nhiều công trình lớn của đất nước về thủy điện, thủy lợi, xi măng, dầu khí, cầu đường, công nghiệp cơ khí, luyện kim, hoá chất... được xây dựng đã tạo ra những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu cho CNXH.
  - + Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được đào tạo từ các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề bước đầu đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá. Các trường này là những cơ sở tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hoá sau này.
- Ý nghĩa:

Những thành tựu trên đây có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần tạo nên chiến thắng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đồng thời tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong các giai đoạn tiếp theo.

##### **b. Hạn chế và nguyên nhân**

- Hạn chế:
  - + Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nghèo nàn và lạc hậu. Những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé, chưa đủ sức làm nền tảng vững chắc cho nền kinh tế quốc dân.
  - + LLSX còn thấp kém, nông nghiệp lạc hậu, chủ yếu dựa vào lao động thủ công, chưa đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho xã hội.
  - + Nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng (giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nhiên liệu...; giữa xuất khẩu và nhập khẩu; giữa thu và chi...).
- Nguyên nhân:

+ Về khách quan: chúng ta tiến hành CNH từ một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn và trong điều kiện chiến tranh kéo dài nên không thể tập trung mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá. Ảnh hưởng từ cách làm của các nước XHCN khác.

+ Về chủ quan:

° Sai lầm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

° Sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH thời kỳ 1960-1985 mà trực tiếp là từ 1975 đến 1985.

° Sai lầm trong việc xác định mục tiêu, bước đi và phương thức tiến hành CNH. Thực chất là do chủ quan, nóng vội nên chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh CNH trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết.

° Sai lầm trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, không xuất phát từ thực tế, thiên về phát triển công nghiệp nặng và xây dựng những công trình qui mô lớn, kết quả là đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp...

### **Chủ đề 31: Phân tích nội dung bốn bài học kinh nghiệm của thời kỳ xây dựng CNXH trước đổi mới được Đại hội lần thứ VI (12/1986) của Đảng đưa ra.**

#### **1. Hoàn cảnh lịch sử:**

##### **a. Hoàn cảnh quốc tế:**

- Thời kỳ này diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh lạnh giữa hai khối Đông và Tây, với sự đối đầu giữa Liên Xô và Hoa Kỳ.

- Các quốc gia trong khối xã hội chủ nghĩa mong muốn nền dân chủ.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra sự suy giảm kinh tế và lạm phát cao, đặt ra nhiều thách thức cho các quốc gia đang phát triển.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã tạo ra những bước tiến lớn trong sản xuất và kinh tế toàn cầu.

##### **b. Hoàn cảnh trong nước:**

- Vừa phải khắc phục hậu quả của 2 cuộc chiến tranh biên giới vừa phải đối phó với tình trạng bị các nước đế quốc bao vây, cấm vận.

- Nền kinh tế nước ta lúc bấy giờ là nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, làm cho nước ta lâm vào thời kỳ khó khăn, khủng hoảng về mọi mặt:

+ Về kinh tế:

° Lạm phát tăng cao một cách phi mã vào năm 1986.

° Nguồn cung ứng năng lượng và nguyên liệu, lực lượng giao thông vận tải không bảo đảm phát huy các năng lực sản xuất sẵn có.

° Hiệu quả kinh tế thấp kinh doanh và tập thể thường xuyên thua lỗ, không phát huy được hiệu quả. Sản xuất chậm phát triển, năng suất lao động thấp, thu nhập quốc dân không tăng trưởng đáng kể

° Xuất khẩu không bù đắp được nhập khẩu; thị trường, giá cả diễn biến phức tạp

- Về xã hội:

° Đời sống nhân dân, nhất là đời sống công nhân, viên chức có nhiều khó khăn.

° Thiếu hụt lương thực và hàng hóa thiết yếu, hệ thống phân phối theo tem phiếu không đáp ứng đủ nhu cầu người dân.

° Nhiều hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội kéo dài: Giáo dục kém phát triển, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến.

- Lúc này, nước ta đứng trước 2 lựa chọn:

+ Đổi mới để tiến lên.

+ Đi theo con đường cũ để tiếp tục chìm sâu vào khủng hoảng.

à Trước tình cảnh đó, đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (2/1986) đã được tiến hành.

#### **2. Nội dung bài học:**

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ đánh giá đúng sự thật và tình trạng của đất nước, Đại hội đại biểu đảng toàn quốc lần thứ VI đã nêu lên bốn bài học kinh nghiệm:

**a. Bài học 1:** *Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”*

- Xây dựng thành công chế độ xã hội chủ nghĩa dân chủ, tiến bộ, văn minh là mong muốn, khát vọng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu, khát vọng đó, Đảng, Nhà nước ta luôn xác định cần phải dựa vào dân, “lấy dân làm gốc”, bởi lẽ nhân dân chính là lực lượng to lớn, là chủ thể quan trọng quyết định mọi sự thành công hay thất bại của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước.

- Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về “lấy dân làm gốc” là tư tưởng thương dân, an dân, vì hạnh phúc của nhân dân và phát huy sức mạnh của nhân dân trở thành kim chỉ nam cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo đất nước. Tại Đại hội VI, Đảng ta đã xác định rõ: “phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”; “Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng”.

**b. Bài học 2:** *Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan*

- Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp hoạt động. Tuy nhiên, không phải không có lúc Đảng rơi vào bệnh chủ quan duy ý chí, vì lẽ đó dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trong thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Từ sự khủng hoảng đó, một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng được rút ra trong suốt thời kỳ đổi mới là Đảng phải xuất phát từ hiện thực khách quan, tôn trọng và hành động theo các quy luật khách quan.

- Để khắc phục được khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, Đảng ta trước hết phải biến hóa nhận thức, thay đổi tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và có những hành vi tương thích với mạng lưới hệ thống quy luật khách quan, trong đó những quy luật đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối can đảm và mạnh mẽ phương hướng tăng trưởng chung của xã hội.

- Bài học này không chỉ có tác dụng hiện nay, mà còn có tác dụng chỉ đạo trong suốt quá trình cách mạng. Bởi thực tiễn luôn vận động, điều đó đòi hỏi nhận thức của con người, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước phải thay đổi để đáp ứng yêu cầu của thực tế.

**c. Bài học 3:** *Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.*

- Sức mạnh dân tộc: tổng hợp các yếu tố về văn hoá, lịch sử, tinh thần đoàn kết, tài nguyên thiên nhiên và con người của dân tộc.

- Sức mạnh thời đại: là những yếu tố bên ngoài, những xu hướng phát triển của thế giới, những thành tựu khoa học công nghệ, và mối quan hệ quốc tế

- Tất cả chúng ta phải coi trọng phối hợp những yếu tố dân tộc bản địa và quốc tế, những yếu tố truyền thống lịch sử và thời đại, sử dụng tốt mọi năng lực để mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế tài chính và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để tiến hành công cuộc kiến thiết xây dựng chủ nghĩa xã hội và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm quốc tế của mình so với nước bạn.

- Để đất nước phát triển nhanh và bền vững cần phải hội nhập quốc tế, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại nhưng đồng thời cũng cần phát huy các sức mạnh nội tại, cần tiếp thu một cách có chọn lọc và luôn vận dụng và phát triển sáng tạo. Giữ gìn các bản sắc văn hoá dân tộc.

**d. Bài học 4:** *Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN*

Hội nghị nhấn mạnh vai trò cốt lõi của Đảng trong lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị. Để thực hiện tốt sứ mệnh lịch sử, Đảng cần:

- Tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo: Nâng cao phẩm chất tư tưởng, khả năng tổ chức thực tiễn, và hiệu quả trong lãnh đạo.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ: Đảm bảo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức và lãnh đạo kinh tế, xã hội.

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Đảng viên phải nêu gương, thực hiện tự phê bình, phê bình thường xuyên để củng cố niềm tin của nhân dân.

- Đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động: Đây là yếu tố quyết định sức mạnh tập thể và hiệu quả lãnh đạo.

- Đại hội VI đánh dấu bước ngoặt quan trọng, đặt nền móng để Đảng vươn lên, đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa.



### **3. Ý nghĩa và nhận xét:**

#### **a. Ý nghĩa đại hội VI:**

- Là đại hội mở đầu cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước ta, là Đại hội kế thừa quyết tâm đổi mới và đoàn kết bền lâu.
- Mở đường cho đất nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội để tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội đã thể hiện sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân.
- Là động lực thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển, làm thay đổi sâu sắc bộ mặt của xã hội Việt Nam, mở ra một giai đoạn phát triển mạnh mẽ mới của lịch sử chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### **b. Nhận xét:**

Bốn bài học trên được đại hội đưa ra dựa trên cái nhìn tổng quát, khách quan về tình hình thực tế của đất nước. Những bài học kinh nghiệm đó rút ra từ chính quá trình lãnh đạo và sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, là sự vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam.

### **Chủ đề 32: Phân tích nội dung cơ bản của chủ trương đổi mới XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VI (12/1986)**

#### **1. Hoàn cảnh lịch sử**

##### **a. Tình hình quốc tế**

- Từ giữa thập kỉ 80 của thế kỉ XX, cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại.
- Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. TQ, Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế-xã hội.

##### **b. Tình hình trong nước:**

- Tình hình kinh tế: Do những sai lầm trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và quản lý kinh tế, tình hình kinh tế - xã hội đất nước ngày càng khó khăn. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng về kinh tế. Mô hình kinh tế bao cấp bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu linh hoạt. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm, lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, hiệu quả đầu tư hạn chế, sản xuất tăng chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được, tài nguyên bị lãng phí, phân phối lưu thông rối ren.
  - Tình hình xã hội: Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Phát sinh nhiều vấn đề công cuộc phát triển và công bằng xã hội, sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của nhà nước bị suy giảm lòng tin từ công chúng. Nhìn chung, chưa thực hiện được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.
- => Từ thực tiễn trên, Đảng ta nhận định Đổi mới là tất yếu, là yêu cầu cấp bách của Đảng. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI họp tại Hà Nội (12/1986) để bàn về vấn đề đổi mới toàn diện đất nước, trọng tâm là kinh tế.

#### **2. Nội dung đổi mới tư duy về mặt kinh tế**

##### **a. 4 bài học kinh nghiệm:**

*Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

*Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

*Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

*Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

##### **b. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế:**

-Kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp.

-Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

-Giải quyết được vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

-Xây dựng và tổ chức một cách thiết thực, hiệu quả các chính sách xã hội.

### **c. Đổi mới cơ cấu kinh tế**

Thực hiện nhiều thành phần kinh tế, kinh tế XHCN trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo:

- Kinh tế quốc doanh
- Kinh tế tập thể
- Kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa
- Kinh tế tư bản tư nhân
- Kinh tế tư bản nhà nước,
- Kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp

=> Nhận thức và vận dụng đúng quy luật quan hệ sản xuất, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.


### **d. Tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn là lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu**

-Bảo đảm nhu cầu lương thực của xã hội và có dự trữ; đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm đủ tái sản xuất sức lao động.

-Đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về những hàng tiêu dùng thiết yếu như bóng đèn, nồi, niêu, ...

-Tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gạo, cà phê, dệt may, ...; tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu để đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc trang thiết bị hiện đại, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

=> Đây là việc cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường tiếp theo.

 Ba chương trình này định hướng cho việc sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trước hết là bố trí lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư nhằm khai thác có hiệu quả khả năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có.

**e. Đổi mới và tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế:** Cần phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính kinh tế của các cơ quan quản lý nhà nước, trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở

**f. Giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông:** Thực hiện bốn giảm: giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân, mở rộng giao hàng hoá, lưu giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các trục đường giao thông.

### **g. Đổi mới hoạt động kinh tế đối ngoại:**

-Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

-Mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài thông qua việc công bố chính sách khuyến khích đầu tư với nhiều hình thức nhất là những ngành đòi hỏi kỹ thuật cao và làm hàng xuất khẩu.

-Tạo điều kiện cho người nước ngoài và Việt kiều về nước đầu tư kinh doanh, làm ăn

### **h. Đại hội đề ra 5 phương hướng lớn phát triển kinh tế là:**

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất
- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư và củng cố quan hệ sản xuất XHCN
- Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế
- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật
- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

**i. Đại hội nhấn mạnh:** “*Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa*”

## **3.Ý nghĩa Đại hội VI (12/1986)**

### **a. Nhận xét:**

- Mở đầu trong quá trình đổi mới

- Là Đại hội: “trí tuệ - dân chủ - đoàn kết và đổi mới

### **b. Ý nghĩa .**

- Đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

- Đánh dấu sự trưởng thành của Đảng về bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng.
  - Kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết tiến lên của Đảng ta.
  - Đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước
- ⇒ Nhìn chung, Đại hội VI có ý nghĩa như một bước ngoặt lịch sử, tạo ra nền tảng cho sự chuyển mình của Việt Nam từ khủng hoảng kinh tế-xã hội trong những năm 1980 sang giai đoạn tăng trưởng và hội nhập quốc tế.

## **Chủ đề 32.1: Phân tích nội dung cơ bản của chủ trương đổi mới TOÀN DIỆN trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VI (12/1986)**

### **1. Hoàn cảnh**

#### **a. Quốc tế**

- Chiến tranh Lạnh giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô lên cao trào.
- Việt Nam phải chịu cấm vận và bao vây kinh tế từ phương Tây, đặc biệt là Mỹ
- Công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước XHCN Đông Âu ngày càng lún sâu vào khủng hoảng toàn diện, dẫn đến sự suy giảm về hỗ trợ tài chính cho Việt Nam.

#### **b. Trong nước**

- Sau hơn 10 năm kết thúc chiến tranh, trong giai đoạn từ thời chiến chuyển sang thời bình, Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là ở lĩnh vực kinh tế và xã hội.
  - Nền kinh tế Việt Nam bị tàn phá nặng nề, cơ sở hạ tầng hầu như không còn, công nông nghiệp bị đình trệ dẫn đến tình trạng thiếu thốn lương thực, hàng hóa và các nhu yếu phẩm cơ bản diễn ra nghiêm trọng. Sự phát triển kinh tế gần như bị đình trệ do lạm phát phi mã, hiệu quả đầu tư hạn chế và cơ chế quản lý kém cỏi.
  - Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Phát sinh nhiều vấn đề công cuộc phát triển và công bằng xã hội, sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của nhà nước bị suy giảm lòng tin từ công chúng. Nhìn chung, chưa thực hiện được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.
- ⇒ Từ thực tiễn trên, Đảng ta nhận định Đổi mới là tất yếu, là yêu cầu cấp bách của Đảng. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI họp tại Hà Nội (12/1986) để bàn về vấn đề đổi mới toàn diện đất nước, trọng tâm là kinh tế.

## **2. Nội dung đường lối đổi mới toàn diện của đại hội VI (12/1986)**

### **a. Đổi mới tư duy lý luận**

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng thời kỳ 1975-1986:

+ Sai lầm về chủ trương, chính sách, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện: *Giai đoạn 1976-1980*: Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết; buông lỏng trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa. *Giai đoạn 1981-1985*: phạm sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, đã buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, xã hội, trong đấu tranh tư tưởng, văn hóa.

+ Tư tưởng sai lầm, “chủ quan duy ý chí”, những biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản vừa “tả” khuynh, vừa hữu khuynh.

+ Khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, bầu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

### **b. Đảng rút ra 4 bài học kinh nghiệm sau 10 năm phát triển**

- Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “Lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.
- Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
- Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.
- Bốn là, chăm lo xây dựng đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

### **c. Đổi mới về kinh tế**

- Đổi mới về cơ chế quản lý:
  - + Kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp.
  - + Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước,

chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

- + Xây dựng và tổ chức một cách thiết thực, hiệu quả các chính sách xã hội.
- + Phải thực hiện 3 chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- + Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học - kỹ thuật.
- **Đổi mới cơ cấu kinh tế:**
  - + Thực hiện nhiều thành phần kinh tế, kinh tế XHCN trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo: Kinh tế quốc doanh, Kinh tế tập thể, Kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, Kinh tế tư bản tư nhân, Kinh tế tư bản nhà nước, Kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp
  - + Nhận thức và vận dụng đúng quy luật QHSX, phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.
  - + Mở rộng và nâng cao kinh tế đối ngoại, thu hút vốn đầu tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

**d. Đổi mới về chính sách xã hội:** Chú trọng xây dựng chính sách xã hội dài hạn:

- Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.
- Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội.
- Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.
- Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

**e. Đổi mới về quốc phòng, an ninh:**

- Đảm bảo giữ vững an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.
- Đẩy mạnh đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

**g. Đổi mới về chính sách đối ngoại:**

- Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
- Tiếp tục củng cố và phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa: Trong bối cảnh Liên Xô và các nước Đông Âu vẫn là các đối tác chính của Việt Nam, Đại hội VI khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì mối quan hệ đồng minh với các nước này, đặc biệt trong việc hỗ trợ kinh tế và chính trị cho Việt Nam.
- Bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc: Thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, lợi ích của nhân dân hai nước và giữ ổn định tình hình Đông Nam Á.
- Tăng cường quan hệ giữa ba nước Đông Dương: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ gìn hòa bình Đông Dương.

**h. Đổi mới về công tác xây dựng Đảng:**

- Xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức: Quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khắc phục tư duy duy ý chí
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng: tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân.
- Đổi mới công tác tư tưởng: tập trung đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin.

**i. Đổi mới về công tác cán bộ:**

- Tuyển chọn và bố trí cán bộ dựa trên tiêu chuẩn năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc, thay vì theo cơ chế cũ mang tính hình thức hoặc quan liêu.
- Phát hiện và bồi dưỡng cán bộ trẻ, có năng lực, có nhiệt huyết với công cuộc đổi mới, loại bỏ những cán bộ suy thoái về đạo đức
- Đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo mọi quyết định về cán bộ phải minh bạch, công khai.
- Coi trọng công tác đánh giá, phân loại cán bộ định kỳ, đảm bảo sự khách quan và công bằng.

**3. Ý nghĩa của Đại hội VI (12/1986)**

- Đại hội đánh dấu một bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước đổi sang thời kỳ đổi mới toàn diện.
- Tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- Đặt nền tảng cho con đường thích hợp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Đánh dấu sự trưởng thành của Đảng về bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng
- Là Đại hội: **“Trí tuệ - Dân chủ - Đoàn kết và Đổi mới”**.

**Chủ đề 33: Phân tích những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam được Đại hội VII (6/1996) đưa ra và Đại hội XI (1/2011) bổ sung, phát triển.**

**1. Hoàn cảnh lịch sử Đại Hội của Đảng lần thứ VII ( năm 1991)**

**a. Tình hình quốc tế:**

- Các thế lực thù địch chống phá CNXH, chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng sản từ nhiều phía, hòng xóa bỏ CNXH
- Liên Xô đã bị sụp đổ và kéo theo hàng loạt các nước XHCN ở Đông Âu

**b. Tình hình trong nước:**

- Đất nước sau hơn 4 năm đổi mới cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- Nền kinh tế chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988: 393,3%, năm 1990 còn 67,4%.
- Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.
- Trước tình hình đó, kiên trì theo định hướng XHCN, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII được tiến hành và đề ra các đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa Xã Hội Việt Nam mà nhân dân phải xây dựng.

**2. Nội dung 6 đặc trưng cơ bản của CN XHVN do Đại Hội lần VII đề ra:**

**a. Do nhân dân lao động làm chủ:**

- Quyền lực thuộc về nhân dân, mọi quyết định quan trọng đều xuất phát từ ý chí của nhân dân. Nhân dân tham gia vào việc quản lý nhà nước, xã hội, góp phần xây dựng đất nước.
- Thể hiện qua việc tổ chức các cuộc bầu cử, trưng cầu ý dân, thành lập các hội đồng nhân dân ở các cấp.

**b. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu:**

- Tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và nâng cao đời sống nhân dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các lĩnh vực kinh tế quan trọng.
- Quá trình đổi mới kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp.

**c. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:**

- Kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới.

**d. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân:**

- Mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển, được hưởng thụ những thành quả do mình tạo ra. **Nhà nước tạo điều kiện để mọi người được học tập, làm việc và phát triển.**

- Các chính sách về giáo dục, y tế, an sinh xã hội nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

**e. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ:**

- Xây dựng một cộng đồng các dân tộc đoàn kết, tương trợ, cùng nhau phát triển.
- Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước luôn chú trọng đến việc bảo vệ quyền lợi của các dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để các dân tộc cùng phát triển.

**f. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới:**

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế, học hỏi kinh nghiệm của các nước khác để phát triển đất nước.
- Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, tham gia vào các hiệp định thương mại tự do.

**→ Ý nghĩa chung:**

- Các đặc trưng này là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước.
- Đảm bảo quyền lợi cho người dân, đồng thời tạo ra môi trường sống lành mạnh, công - Sự kết hợp hài hòa giữa tính dân tộc, khoa học và nhân văn đã tạo nên bản sắc riêng của XHCN Việt Nam.
- Các đặc trưng hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

### **3. Những bổ sung, phát triển ở Đại Hội Đảng lần thứ XI (năm 2011)**

#### **a. Giữ nguyên đặc trưng**

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc
- Văn hóa là nguồn lực tinh thần bên trong của phát triển xã hội.
- Bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa là tiến bộ, khoa học và nhân văn.
- Chủ trương phát triển nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng, làm phong phú diện mạo văn hóa Việt Nam.

#### **b. Bổ sung, Điều chỉnh và hoàn thiện:**

##### **- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**

- + Đặc trưng phổ quát, có tính bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa
- + Mục tiêu nâng cao mức sống của người dân, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.
- + Xây dựng một quốc gia có nền kinh tế phát triển bền vững, quân đội mạnh, có vị thế quốc tế ngày càng cao.
- + Nâng cao trình độ văn hóa, đạo đức của xã hội
- + Hoàn thiện nhà nước pháp quyền với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

##### **- Do nhân dân làm chủ**

- + Đặc trưng quan trọng và quyết định nhất trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa
- + Thể hiện vai trò chủ thể của nhân dân đối với nhà nước
- + Vừa là mục tiêu, lại vừa là động lực của sự phát triển đất nước

##### **- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp**

- + Kinh tế là lực lượng vật chất, nguồn sức mạnh nội tại của cơ thể xã hội
- + Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất
- + Tập trung phát triển một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của thị trường, đồng thời đảm bảo sự quản lý của nhà nước.

##### **- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện**

Đặt con người vào trung tâm của quá trình phát triển, đảm bảo mọi người có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

##### **- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân**

Xây dựng một cộng đồng các dân tộc Việt Nam đoàn kết, tương trợ, cùng nhau phát triển.

##### **- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới**

- + Xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó mọi hoạt động đều phải tuân theo pháp luật.
- + Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo quá trình xây dựng và phát triển nhà nước pháp quyền.

##### **- Do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo**

Chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới.

### **4. Ý nghĩa và nhận xét:**

#### **a. Tính ưu việt của chế độ XHCN so với các chế độ bóc lột trước đó:**

- Mục tiêu cao nhất của CNXH là giải phóng con người khỏi mọi ách bóc lột, lấy con người làm trung tâm
- CNXH chú trọng tới việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện
- CNXH đã từng bước xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất
- CNXH quan tâm hơn đến mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên, thân thiện với môi trường, phát triển bền vững, khắc phục những hạn chế của các chế độ bóc lột
- Nhà nước trong CNXH là nhà nước dân chủ kiểu mới đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thể hiện bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động, đề cao quyền làm chủ của nhân dân
- Trong xã hội XHCN, các quan hệ giai cấp - dân tộc - quốc tế được giải quyết phù hợp, kết hợp lợi ích giai cấp - dân tộc với chủ nghĩa quốc tế trong sáng

## **b. Ý nghĩa của Đại hội Đảng lần thứ XI (2011):**

Đại hội XI của Đảng đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục phát huy sức mạnh đoàn kết, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỉ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa

## **Chủ đề 34: Phân tích những cơ hội và thách thức lớn của cách mạng Việt Nam được Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ (4/1994) đưa ra.**

Từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994 tại Hà Nội, 647 đại biểu đã dự Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng. Hội nghị khẳng định: Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, song chúng ta đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi quan trọng. Trước mắt, nhân dân ta đang đứng trước những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Những thách thức đó là: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Những thuận lợi cơ bản, thời cơ lớn là: Đảng có đường lối đúng đắn; nhân dân ta cần cù, thông minh, yêu nước, có bản lĩnh và ý chí kiên cường, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng; các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta; những thành tựu đổi mới đang tạo ra thế và lực mới của cách mạng khoa học kỹ thuật và xu thế mở rộng quan hệ hợp tác trên thế giới và khu vực đem lại cho chúng ta khả năng thêm nguồn lực quan trọng.

Nắm vững thời cơ và đẩy lùi nguy cơ là tư tưởng chỉ đạo nổi bật của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ.

## **Chủ đề 35: Phân tích quan điểm, chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đại hội VIII (7/1996).**

### **1. Hoàn cảnh**

#### **a. Quốc tế**

- Thuận lợi:

+ Khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, với trình độ cao hơn, diễn ra trên phạm vi toàn thế giới. Nó tác động đến công cuộc đẩy mạnh phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

+ Một số cường quốc trên thế giới đã đạt được những thành tựu nhất định trong phát triển kinh tế với định hướng theo chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là những tấm gương để nước ta có thể học hỏi.

+ Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế làm gia tăng nhu cầu hợp tác phát triển của các quốc gia cùng với tình hình chính trị tương đối ổn định cũng là những điều kiện để nước ta thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Khó khăn:

+ Toàn cầu hóa gây ra cạnh tranh kinh tế gay gắt giữa các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, sức ép hội nhập đặt áp lực lớn lên nền kinh tế VN vốn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

+ Khoảng cách về công nghệ và trình độ kinh tế: VN trình độ phát triển kinh tế còn thấp, cơ sở hạ tầng lạc hậu và năng lực tiếp thu công nghệ còn hạn chế so với các nước phát triển.

#### **b. Trong nước**

- Thuận lợi: Trải qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới từ Đại hội VI đến Đại hội VIII nước ta đã đạt được các thành tựu quan trọng:

+ Đổi mới kinh tế: Chính sách Đổi mới đã tạo ra sự tăng trưởng kinh tế đáng kể, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

à Làm tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Cải cách hành chính và pháp luật: Những nỗ lực cải cách giúp tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế.

+ Ổn định chính trị: Sự ổn định chính trị là nền tảng vững chắc để thực hiện các chính sách kinh tế và hội nhập

quốc tế, đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước cũng bước đầu được củng cố sau đổi mới.

+ Việt Nam bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ (1995) và gia nhập ASEAN (1995) đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác phát triển quốc tế.

- Khó khăn:

+ Quá trình chuyển đổi kinh tế gây ra nhiều thách thức về quản lý và điều chỉnh chính sách

+ Cải cách hành chính và pháp luật gặp khó khăn và trở ngại.

+ Tệ nạn tham nhũng, quan liêu vẫn diễn ra gây ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân.

+ Các vấn đề xã hội như thất nghiệp, tệ nạn xã hội vẫn đặt ra nhiều thách thức lớn.

→ Đặt ra yêu cầu cần phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để giải quyết khó khăn.

→ Công cuộc đổi mới đã đặt ra cho Đảng ta những nhiệm vụ và bước đi mới trong hoàn cảnh đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã diễn ra từ ngày 28/6 đến 1/7/1996

## **2. Quan điểm, chủ trương về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đại hội VIII (7/1996)**

Đại hội VIII nhận định đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng KT-XH nhưng nhiều mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ cơ bản hoàn thành. Đại hội nêu ra 6 bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới: Kiên định độc lập dân tộc và CNXH; kết hợp đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; mở rộng hợp tác quốc tế; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

→ Từ đây, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 7/1996), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ chủ trương **đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước** với các nội dung quan trọng như sau:

\* **Mục tiêu chung:** Đưa nước ta sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, xây dựng nước VN dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

\* **Quan điểm chỉ đạo:**

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước và chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Nhấn mạnh sự tham gia của mọi lực lượng xã hội, đặc biệt là khuyến khích khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài trong kinh tế nhà nước định hướng và dẫn dắt. Phát huy tối đa nguồn lực xã hội để đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH, đảm bảo ổn định và công bằng qua vai trò điều tiết nhà nước

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định. KH&CN là yếu tố then chốt nâng cao năng suất và cạnh tranh. Ưu tiên chuyển giao công nghệ hiện đại và cải tiến công nghệ truyền thống để đạt hiệu quả cao nhất. Qua đó rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến, đảm bảo sự phát triển bền vững và bắt kịp xu thế toàn cầu

- Lấy hiệu quả kinh tế – xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu, khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả. Tạo ra những mũi nhọn trong từng bước phát triển. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng – an ninh. Đảm bảo sự ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia, tạo nên tảng vững chắc cho phát triển kinh tế lâu dài. Phát triển kinh tế song hành với củng cố QPAN, đặc biệt là khu vực chiến lược như biên giới, hải đảo



- Những quan điểm tổng quát trên đây đã cho thấy: đây là sự kết hợp giữa chiến lược CNH thay thế nhập khẩu và hướng về xuất khẩu, trong đó nhấn mạnh nguyên tắc lấy xuất khẩu làm hướng chính, thực hiện ngay ở giai đoạn đầu CNH đất nước, đồng thời kết hợp với sản xuất thay thế nhập khẩu ở những lĩnh vực trong nước sản xuất có hiệu quả. Việc chuyển sang chiến lược mới, dựa trên nguyên tắc thị trường và định hướng xuất khẩu, có nghĩa là coi thị trường bên ngoài trở thành một động lực đặc biệt quan trọng cho sự phát triển. Sự lựa chọn chiến lược đó thể hiện rõ quan điểm mở cửa, thực hiện phát triển mạnh nền kinh tế hướng ngoại. Thực hiện chiến lược này đòi hỏi phải cơ cấu lại nền kinh tế nước ta trong mối quan hệ cạnh tranh trên thị trường thế giới.

à Như vậy, so với đường lối CNH XHCN trước đây thì quan niệm CNH, hiện đại hóa theo đường lối của Đại hội VIII đã có sự khác nhau căn bản về hình thức, nội dung, bước đi và giải pháp tiến hành, đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng về CNH đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

#### **\* Những nội dung đường lối chủ yếu:**

- Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Đảng phải tiếp tục sự đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, khắc phục biểu hiện tiêu cực. Cần giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực của cán bộ Đảng viên, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và đổi mới công tác kiểm tra kỷ luật của Đảng.

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần kiệm để công nghiệp hóa, khắc phục xu hướng chạy theo “xã hội tiêu dung”. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng nhà nước quản lý theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

- Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa.

- Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn và các lĩnh vực kinh tế có khả năng cạnh tranh cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy năng suất lao động.

- Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng lao động có tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính. Tích cực giải quyết vấn đề việc làm và xóa đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế xã hội.

**\* Thời kỳ:** Đại hội VIII xác định đến năm 2020, Việt Nam sẽ cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

è Chủ trương này đã đặt nền móng quan trọng cho những bước tiến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong các giai đoạn sau đó.

### **3. Ý Nghĩa**

- Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Không chỉ tiếp nối thành công của đường lối đổi mới mà còn mở ra giai đoạn phát triển mới, đưa Việt Nam tiến xa hơn trên con đường CNH, HĐH và hội nhập toàn cầu.

**Chủ đề 36: Phân tích luận điểm “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông trí thức do Đảng lãnh đạo ...” của Đại hội IX (4/2001). Để thực hiện được luận điểm đó, chúng ta phải làm gì?**

#### **1. Hoàn cảnh**

## **\* Hoàn cảnh diễn ra đại hội IX:**

### **a. Tình hình trong nước:**

#### **- Thuận lợi:**

+ Về thành tựu kinh tế - xã hội, sau hơn 15 năm thực hiện công cuộc Đổi mới (từ 1986), nền kinh tế Việt Nam đạt được những bước tiến đáng kể, với tốc độ tăng trưởng GDP ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, và nhiều vấn đề xã hội được giải quyết tốt hơn.

+ Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định chính trị và an ninh quốc gia, tạo tiền đề cho các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ Bộ máy lãnh đạo đã tích lũy được kinh nghiệm từ các kỳ Đại hội trước và từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

#### **- Khó khăn:**

+ Mặc dù đạt được tăng trưởng, nhưng nền kinh tế vẫn gặp khó khăn với năng suất lao động thấp, cơ cấu kinh tế chậm đổi mới, và phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp.

+ Có sự chênh lệch giàu nghèo và bất bình đẳng giữa các khu vực, đặc biệt giữa thành thị và nông thôn, tiếp tục gia tăng.

+ Xảy ra vấn đề tham nhũng và quan liêu, đây là một trong những vấn đề nổi cộm gây ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và hiệu quả quản lý nhà nước.

### **b. Tình hình thế giới:**

#### **- Thuận lợi:**

+ Xu hướng toàn cầu hóa mở ra cơ hội lớn để Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế.

+ Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức quốc tế và khu vực như ASEAN (năm 1995), tạo tiền đề để tăng cường vị thế và quan hệ đối ngoại.

#### **- Khó khăn:**

+ Về vấn đề cạnh tranh toàn cầu: Việt Nam phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các quốc gia phát triển và những nền kinh tế mới nổi.

+ Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á (1997-1998) vẫn để lại nhiều hệ lụy đối với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

+ Việc hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra nhiều thách thức về cải cách thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh và giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh.

## **2. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là Đại đoàn kết dân tộc.**

### **\* *Khái niệm và ý nghĩa của đại đoàn kết dân tộc.***

- Đại đoàn kết dân tộc là sự tập hợp, thống nhất ý chí và hành động của tất cả các tầng lớp nhân dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, địa vị xã hội hay quan điểm chính trị, nhằm hướng tới mục tiêu chung là xây dựng và phát triển đất nước.

- Đại đoàn kết dân tộc là 1 truyền thống lịch sử, là bài xuyên suốt trong lịch sử nước ta từ thời kỳ dựng nước cho đến giữ nước. Đây cũng là nguồn lực nội sinh to lớn, tạo sự ổn định xã hội và điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

### **\* *Đại đoàn kết dân tộc:***

- Tập hợp và phát huy nguồn lực toàn dân

+ Đại đoàn kết dân tộc là cách để huy động tối đa mọi nguồn lực từ các tầng lớp nhân dân, bao gồm sức lao động, tri thức, kinh nghiệm và tài nguyên.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

=> Sự đoàn kết giúp khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và ý chí phấn đấu vì mục tiêu phát triển chung.

- Ổn định chính trị - xã hội.

+ Đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp xã hội tránh được mâu thuẫn, xung đột nội bộ.

+ Ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, và hội nhập quốc tế.

- + Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, lý luận chính trị.
- => Tạo nền tảng ổn định để phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo tiền đề cho sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giải quyết thách thức và tận dụng cơ hội.
- + Trước những thách thức như biến đổi khí hậu, đại dịch, hay sự cạnh tranh quốc tế, tinh thần đoàn kết dân tộc giúp các tầng lớp nhân dân cùng chia sẻ trách nhiệm, vượt qua khó khăn.
- + Đại đoàn kết còn tạo ra sự đồng thuận trong xã hội, giúp thực hiện các chính sách lớn một cách hiệu quả.
- \* Thực tiễn phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.**
- Trong lịch sử dân tộc: Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tinh thần đại đoàn kết dân tộc đã tạo nên sức mạnh to lớn, giúp Việt Nam giành độc lập và thống nhất đất nước.
- Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.
- + Lấy chủ trương “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” làm gốc.
- + Đại đoàn kết dân tộc là nhân tố quan trọng để Việt Nam vượt qua khủng hoảng kinh tế, thực hiện các chính sách cải cách và hội nhập quốc tế.
- \* Đoàn kết toàn dân dựa trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức.**
- Liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức là sự kết hợp của các giai cấp, tầng lớp trong một chính thể thống nhất, mỗi yếu tố có một vị trí, vai trò đặc thù không thể thay thế cho nhau.

#### **a. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo:**

- Công nhân là sản phẩm của nền sản xuất đại công nghiệp đã phát triển cả về lượng và chất, là lực lượng lao động chủ yếu tạo nên của cải vật chất và sự giàu có trong xã hội hiện đại, là lực lượng xã hội đi đầu trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Liên minh là điều kiện đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, là điều kiện quyết định thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và xây dựng CNXH.

#### **b. Giai cấp nông dân:**

- Những người lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có nhiều ưu điểm như: Lao động rất cần cù, chịu khó,...
- Giai cấp nông dân giữ vị trí trọng yếu trong sản xuất lương thực, bảo đảm nước ta trong tình huống nào cũng đủ lương thực.
- Do hoàn cảnh kinh tế còn lạc hậu, tập tính rời rạc, tư hữu cũ vẫn còn tồn tại nên cần giai cấp công nhân đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo họ để phát huy sức mạnh.

#### **c. Tầng lớp trí thức:**

- Giàu người trẻ, có hiểu biết sâu rộng về một hoặc một số lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, quản lý kinh tế - xã hội, biết vận dụng khoa học công nghệ, sáng tạo ra công nghệ mới, vận dụng được kiến thức để phát triển đất nước, phục vụ cho Tổ quốc, nhân dân.

=> Chỉ khi có liên minh công - nông - trí thức mới có thể phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để phát triển đất nước.

### **3. Do Đảng lãnh đạo:**

Trung ương Đảng đã tập trung chỉ đạo đổi mới toàn diện, với những nhiệm vụ trọng tâm:

- Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam.

- Tại Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định vai trò lãnh đạo trong việc đoàn kết toàn dân tộc, xem đây là chiến lược lâu dài và nguồn sức mạnh to lớn của đất nước. Đảng đã xây dựng khối đại đoàn kết dựa trên liên minh công - nông - trí thức, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp nhân dân, đồng thời thực hiện

chính sách dân tộc và tôn giáo nhằm gắn kết các cộng đồng. Bằng cách lắng nghe và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, Đảng tạo nên sự đồng thuận xã hội, huy động mọi nguồn lực cho sự nghiệp phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

- Đảng xác định khối liên minh công - nông - trí thức là lực lượng nòng cốt để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân và phát huy vai trò của trí thức. Đồng thời, Đảng kiên định giữ vững sự lãnh đạo, không ngừng củng cố và đổi mới để đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn kết chặt chẽ lý tưởng cách mạng với lợi ích của nhân dân.

#### **4. Để thực hiện được luận điểm đó, chúng ta phải làm gì?**

##### **\* *Phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân:***

- Xây dựng chính sách, pháp luật công bằng, bảo đảm quyền lợi chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân.
- Tạo điều kiện để các dân tộc, tôn giáo, tầng lớp trong xã hội đều tham gia vào sự nghiệp phát triển đất nước.

##### **\* *Củng cố liên minh công - nông - trí thức:***

- Hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống và áp dụng khoa học kỹ thuật.
- Nâng cao trình độ và vai trò của giai cấp công nhân trong nền kinh tế hiện đại.
- Đầu tư phát triển nguồn lực trí thức, đặc biệt là nền giáo dục và nghiên cứu khoa học.

##### **\* *Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng:***

- Đảng cần không ngừng đổi mới, củng cố niềm tin của nhân dân thông qua minh bạch và hiệu quả trong công tác lãnh đạo.
- Tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân để hiểu rõ và giải quyết kịp thời các vấn đề thực tiễn.

##### **\* *Đẩy mạnh giáo dục và tuyên truyền:***

- Tăng cường tuyên truyền về tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân.
- Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng, và trách nhiệm với xã hội.

**Chủ đề 37: Phân tích những bài học lớn của 20 năm đổi mới (1986 – 2006) được Đại hội X (4/2006) của Đảng đưa ra.**

#### **1. Hoàn cảnh Đại hội Đảng lần thứ X (2006)**

##### **a) Hoàn cảnh Quốc tế:**

###### **- Thuận lợi:**

- + Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, tạo ra cơ hội phát triển. Thương mại tự do và các hiệp định kinh tế khu vực (như ASEAN, WTO) ngày càng quan trọng.
- + Khoa học - công nghệ tiếp tục có những bước đột phá mới, tác động nhiều mặt đến tất cả các nước trên thế giới.

###### **- Khó khăn:**

- + Cạnh tranh giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc và EU có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á.
- + Các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng bố, và bất ổn khu vực (như ở Trung Đông) tác động tới nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

##### **b) Hoàn cảnh trong nước:**

###### **- Thuận lợi:**

- + Việt Nam tiếp tục duy trì được sự ổn định chính trị, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội. Lực lượng lao động dồi dào, nhiệt tình trong đổi mới và xây dựng đất nước. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.
- + Tăng trưởng kinh tế đạt mức cao liên tục trong nhiều năm, với những tiến bộ trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đạt được những thành tựu quan trọng sau hai thập kỷ thực hiện Đổi Mới.
- + Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế. Quan hệ với các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, và Nhật Bản tiếp tục phát triển theo hướng hợp tác, đôi khi vẫn có căng thẳng ở một số

lĩnh vực.

**- Khó khăn:**

- + Tình trạng bất bình đẳng giữa các vùng miền và nhóm dân cư vẫn còn lớn. Nạn đói nghèo, ô nhiễm môi trường và các tệ nạn xã hội vẫn tồn tại.
- + Hệ thống chính trị, hành chính có dấu hiệu quan liêu, tham nhũng và cần được cải cách mạnh mẽ.
- + Tăng trưởng kinh tế dựa nhiều vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ, thiếu bền vững.

**2. Nêu và Phân tích bài học của 20 năm đổi mới (1986-2006)**

*Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra một số bài học lớn sau đây:*

**a) Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh:**

- Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. (Kiên định lập trường chính trị: Trong bối cảnh nhiều quốc gia từ bỏ mô hình xã hội chủ nghĩa, Việt Nam giữ vững định hướng nhưng điều chỉnh linh hoạt cách tiếp cận để phù hợp với thực tiễn).

- Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

- **Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh:** (Đổi mới phải dựa trên nền tảng vững chắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc nhận thức và vận dụng sáng tạo các học thuyết này sẽ giúp phân tích thực tế, từ đó xây dựng và hoàn thiện đường lối đổi mới)

**b) Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp:**

- Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Ví dụ:

+ *Kinh tế:* Chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ *Chính trị:* Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, giảm bớt quan liêu, tăng tính hiệu quả và minh bạch.

+ *Văn hóa - xã hội:* Đẩy mạnh giáo dục, y tế, nâng cao đời sống nhân dân.

+ *Quốc phòng - an ninh:* Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững chủ quyền lãnh thổ.

+ *Đối ngoại:* Chính sách mở cửa, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

- Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

**c) Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới:**

- Nhân dân là trung tâm của mọi chính sách và hoạt động đổi mới. (Đổi mới phải luôn hướng tới lợi ích của nhân dân, đặt nhân dân làm đối tượng phục vụ và là nguồn động lực chính.)

- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, đồng thời phát huy sức sáng tạo, vai trò chủ động của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. (Chính sách đổi mới không chỉ là cải cách về mặt cơ cấu, mà còn là sự khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào quá trình sáng tạo, phát triển nền kinh tế. Cái mới cần phải phát huy tối đa tiềm năng của từng cá nhân, tập thể trong xã hội.)

- Cần xuất phát từ thực tiễn, không áp dụng máy móc lý thuyết, nhạy bén trong việc tiếp thu và triển khai những cái mới phù hợp với điều kiện Việt Nam. (Việc triển khai đổi mới không thể theo một khuôn mẫu lý thuyết cứng nhắc mà phải linh hoạt, phù hợp với đặc thù và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chính sách phải xuất phát từ thực tế đời sống, từ những vấn đề mà người dân đang đối mặt.)

**d) Phát huy cao độ nội lực, đồng thời khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới**

- Phát huy sức mạnh tổng hợp dựa trên nội lực và ngoại lực (Vai trò của nội lực là nhân tố quyết định, ngoại lực

là yếu tố quan trọng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để phát triển đất nước bền vững.)

- **Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại** (Cần tận dụng các thành tựu khoa học - công nghệ như công nghệ cao và kinh tế tri thức để tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.)

- **Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế**: Toàn cầu hóa kinh tế được nhìn nhận vừa là cơ hội, vừa là thách thức, từ đó đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

**e) Phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân**

- **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng**: (Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo toàn diện, giúp đất nước đạt được thành tựu lớn. Việc củng cố năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển, đổi mới.)

- **Dân chủ hóa xã hội và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**: (Dân chủ không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực của đổi mới, vì dân chủ hóa sẽ khơi dậy tiềm năng sáng tạo của con người và làm tăng sự tham gia tích cực của nhân dân.)

- **Đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng Nhà nước pháp quyền**: (Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải tạo điều kiện cho nhân dân tham gia quản lý và giám sát các cơ quan nhà nước.)

### **3. Ý nghĩa Đại hội Đảng lần thứ X (2006)**

*Đại hội X là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội là Kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn Dân quyết tâm đổi mới, phát triển nhanh và bền vững hơn trong thời kỳ mới. Đại hội để lại bài học kinh nghiệm, quý báu cho sau này.*

*Nhận xét*: Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X là một cột mốc quan trọng trong lịch sử đổi mới của đất nước. Đại hội đã đánh giá toàn diện những thành tựu và hạn chế trong giai đoạn 5 năm đầu thế kỷ XXI, đồng thời đưa ra những định hướng chiến lược mới để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

**Chủ đề 38: Phân tích những phương hướng cơ bản xây dựng CNXH ở Việt Nam của Cương lĩnh năm 2011 được Đại hội XI (1/2011) thông qua.**

## **I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XI (2011).**

### **1. Bối cảnh quốc tế**

#### **a. Khó khăn:**

- Cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ năm 2008 ở Mỹ và lan rộng ra toàn cầu, gây ra suy thoái kinh tế nghiêm trọng. Hệ quả là tăng trưởng kinh tế chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và thị trường tài chính bất ổn.
- Các nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu và Nhật Bản phải đối mặt với nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài.
- Các cuộc xung đột, chiến tranh ở Trung Đông, Bắc Phi và nguy cơ khủng bố quốc tế gia tăng.
- Căng thẳng trên Biển Đông giữa các quốc gia trong khu vực, đe dọa hòa bình và ổn định, Trung Quốc tăng cường các hoạt động quân sự và tuyên bố chủ quyền phi lý ở Biển Đông, gây căng thẳng với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam.
- Nhiều phong trào dân chủ và bất ổn chính trị, nhiều chế độ độc tài bị lật đổ, nhưng cũng dẫn đến tình trạng hỗn loạn và xung đột kéo dài ở một số quốc gia.
- Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ với sự phát triển của công nghệ thông tin, tự động hóa và công nghệ sinh học đã thay đổi cơ cấu kinh tế và xã hội, đòi hỏi các nước phải thích ứng nhanh chóng.
- Biến đổi khí hậu và thiên tai: Hiện tượng thời tiết cực đoan như bão lũ, động đất, sóng thần, ... xảy ra thường xuyên.
- An ninh năng lượng và lương thực: Khủng hoảng năng lượng và giá dầu biến động mạnh do căng thẳng chính trị ở Trung Đông, an ninh lương thực toàn cầu bị đe dọa bởi thiên tai và khủng hoảng kinh tế.

#### **b. Thuận lợi:**

- Sau khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008-2009), nền kinh tế thế giới đã bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. Trong khi các nền kinh tế phát triển đối mặt với nhiều khó khăn, thì các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia châu Á như Trung Quốc và Ấn Độ, tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.
- Xu hướng toàn cầu hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ, mở ra cơ hội hợp tác nhưng cũng làm gia tăng cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế. Các hiệp định thương mại tự do và các tổ chức như WTO, ASEAN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong kinh tế toàn cầu.
- Việt Nam tiếp tục duy trì mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhiều quốc gia, đặc biệt là trong khu vực ASEAN, cũng như với các đối tác chiến lược như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Điều này giúp Việt Nam củng cố vị thế quốc tế và nâng cao khả năng tham gia vào các diễn đàn quốc tế, thúc đẩy hợp tác kinh tế và chính trị.

## 2. Bối cảnh trong nước

### a. Khó khăn:

- Mặc dù có dấu hiệu phục hồi những nền kinh tế vẫn gặp phải các vấn đề như lạm phát cao, tỷ lệ nợ xấu tăng, và sự thiếu vững chắc trong nền tảng tài chính. Các công ty, doanh nghiệp nhà nước cũng gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động và nâng cao hiệu quả.
- Lạm phát ở Việt Nam gia tăng mạnh vào những năm 2010. Năm 2011, mức lạm phát lên tới gần 20%, gây áp lực lớn lên đời sống người dân và khả năng duy trì ổn định kinh tế.
- Nợ công cũng bắt đầu là một vấn đề nổi cộm, khi các khoản vay cho các dự án hạ tầng và các doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự hiệu quả. Điều này gây lo ngại về khả năng trả nợ trong tương lai và khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.
- Những vấn đề về tự do ngôn luận, quyền con người và các cuộc biểu tình chống tham nhũng, đất đai. Chính phủ phải đối mặt với yêu cầu tăng cường cải cách thể chế chính trị và mở rộng tự do dân chủ trong xã hội, trong khi vẫn bảo vệ được sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Các vấn đề về bất bình đẳng xã hội, chênh lệch giàu nghèo và chất lượng cuộc sống vẫn là một thách thức lớn. Công tác an sinh xã hội chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa. Việc cải thiện hệ thống y tế, giáo dục và giảm nghèo vẫn là những nhiệm vụ cấp bách.
- Quá trình phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Việt Nam cũng kéo theo những hệ lụy tiêu cực về môi trường. Sự gia tăng ô nhiễm, khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững và vấn đề xử lý chất thải gây ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và chất lượng cuộc sống.

### b. Thuận lợi:

- Sự ổn định chính trị là một trong những yếu tố quan trọng giúp Việt Nam duy trì môi trường phát triển bền vững. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vững vai trò lãnh đạo, tạo ra sự đồng thuận xã hội và chính trị. Sự ổn định này là nền tảng giúp duy trì trật tự xã hội, khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tạo ra môi trường thuận lợi cho các chính sách phát triển.
- Trước Đại hội Đảng lần thứ 11, Việt Nam đã có một giai đoạn tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ kéo dài từ đầu những năm 2000. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã duy trì mức tăng trưởng GDP cao, khoảng 7-8% mỗi năm. Việc gia nhập WTO vào năm 2007 là một bước ngoặt quan trọng, mở ra cơ hội lớn cho nền kinh tế Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài.
- Những thành tựu cụ thể của nước ta qua các kỳ Đại hội Đảng trước đó:
  - Đại hội VI (1986): Mở đầu công cuộc Đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chính sách cải cách kinh tế, đổi mới nội dung và hình thức quản lý được đưa ra, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.
  - Đại hội VII (1991): Tiếp tục thực hiện cải cách trong nền kinh tế và thúc đẩy mở rộng quan hệ đối ngoại, đặc biệt là gia nhập ASEAN, đẩy mạnh hợp tác kinh tế quốc tế.
  - Đại hội VIII (1996): Nhấn mạnh sự phát triển toàn diện của nền kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến và sản xuất xuất khẩu. Các chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và xóa đói giảm nghèo được thúc đẩy mạnh mẽ.

- Đại hội IX (2001): Cùng cố nền tảng kinh tế thị trường, tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp nặng, và mở rộng đối ngoại. Thành công của Việt Nam trong việc gia nhập WTO và các hiệp định thương mại quốc tế được ghi nhận.
- Đại hội X (2006): Việt Nam đạt được mức tăng trưởng GDP ổn định và gia tăng xuất khẩu. Chính sách phát triển khoa học công nghệ được đẩy mạnh, kết nối với các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ toàn cầu.
- Việt Nam đã đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt là tham gia vào các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, APEC, ASEAN và WTO. Sự tham gia này giúp Việt Nam mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển.
- Trước Đại hội Đảng lần thứ 11, Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách kinh tế quan trọng, đặc biệt là trong việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Quá trình này đã giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho ngân sách nhà nước và tạo ra môi trường cạnh tranh hơn cho nền kinh tế.
- Việt Nam đã bắt đầu đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng giao thông, đặc biệt là các công trình đường bộ, đường sắt, cảng biển và sân bay -> giúp nâng cao khả năng kết nối giữa các khu vực trong nước và với các quốc gia khác, đồng thời tạo cơ hội phát triển cho ngành công nghiệp và thương mại.
- Nước ta có một dân số trẻ, năng động, với tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao trong tổng dân số. Điều này tạo ra một lực lượng lao động lớn và chi phí thấp, tạo thuận lợi cho các ngành sản xuất, chế biến và xuất khẩu.
- Việt Nam nằm gần các tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, đặc biệt là khu vực Biển Đông. Vị trí này giúp Việt Nam có lợi thế trong việc phát triển giao thương quốc tế, đặc biệt với các đối tác lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và các quốc gia ASEAN.
- Nước ta có một lực lượng quân đội mạnh mẽ và được tổ chức tốt, giúp duy trì sự ổn định an ninh quốc gia.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN XÂY DỰNG CNXH Ở VIỆT NAM DO CƯỜNG LĨNH ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XI (2011) ĐỀ RA.**

### **1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.**

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức:
  - Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế.
  - Coi phát triển phát triển khoa học và công nghệ là một trong hai quốc sách hàng đầu.
  - Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.
- Bảo vệ tài nguyên, môi trường: là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân.
  - Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái.
  - Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch.
  - Coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

### **2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.**

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.
- Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh:
  - Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
  - Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển.
  - Cả hai nền kinh tế này ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.
  - Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.



- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

### **3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.**

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc: phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá của con người, với trình độ “Đức – Trí – Thể – Mỹ” ngày càng cao.
- Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.
- Coi phát triển giáo dục và đào tạo là một trong hai quốc sách hàng đầu (bên cạnh phát triển khoa học và công nghệ). Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân học tập suốt đời.
- Thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm, và trợ cấp xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

### **4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.**

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
- Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội.
- Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân.
- Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với QĐND, CAND và sự nghiệp QP-AN. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về QP-AN.

### **5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.**

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

### **6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.**

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa: bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.
- Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc: xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.
- Tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất: quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt luật pháp các nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

### **7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**

- Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ tri thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp.

## **8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**

- Xây dựng Đảng có phẩm chất đạo đức cao, đoàn kết nội bộ, tránh tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Ngoài ra, việc xây dựng Đảng trong sạch còn là việc phải đảm bảo rằng các đảng viên luôn giữ vững lý tưởng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, có năng lực lãnh đạo, và luôn trung thành với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cải cách hành chính, củng cố và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng cũng là một phần quan trọng của việc xây dựng Đảng trong sạch.
- Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Đảng cũng cần phải giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi lĩnh vực, đồng thời phải kiên quyết, sáng suốt trong việc xử lý các vấn đề nội bộ cũng như các thách thức từ bên ngoài.

## **III. NHẬN XÉT CHUNG VỀ TÁC DỤNG CỦA VIỆC ĐỀ RA CÁC PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XI (2011).**

### **1. Nhận xét chung:**

- Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, diễn ra vào năm 2011, là một sự kiện quan trọng, đánh dấu sự phát triển trong công cuộc đổi mới đất nước. Đây là đại hội quyết định các phương hướng lớn trong nhiều lĩnh vực, đồng thời khẳng định đường lối lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới.

### **2. Ý nghĩa:**

- Đại hội XI của Đảng đã định hướng cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục phát huy sức mạnh đoàn kết, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **Chủ đề 39: Phân tích những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới vì CNXH do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.**

### **1. Hoàn cảnh**

#### **a. Tình hình quốc tế:**

##### **\* Thuận lợi:**

- Diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. –
  - Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ.
- khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu, và tình trạng bất ổn ở nhiều khu vực.

##### **\* Khó khăn:**

- Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc gia tăng, đặc biệt tại khu vực châu Á
- Thái Bình Dương, trong đó Biển Đông tiếp tục là điểm nóng với nhiều diễn biến phức tạp.

#### **b. Tình hình trong nước:**

##### **\* Thuận lợi:**

- Sau 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

##### **\* Hạn chế:**

- Mô hình tăng trưởng thiếu bền vững, năng suất lao động thấp, và tác động từ hội nhập kinh tế quốc tế.
- Các vấn đề xã hội như khoảng cách giàu nghèo, tham nhũng, suy thoái đạo đức trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn gây bức xúc trong dư luận.

## **2. Thành tựu của công cuộc đổi mới vì CNXH từ 1986 đến nay (2016-ĐH XII của Đảng)**

### **a. Thành tựu về kinh tế**

#### **\*Tăng trưởng kinh tế ổn định:**

- Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 đạt 6,68%, cao nhất trong 5 năm từ 2011–2015, vượt mục tiêu đề ra.
- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ

tăng lên, nông nghiệp giảm dần.

**\*Hội nhập quốc tế sâu rộng:**

- Việt Nam đã tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như TPP (Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương) và EVFTA (Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU).
- Là thành viên tích cực của ASEAN, WTO và nhiều tổ chức quốc tế.

**\*Thành tựu về xóa đói, giảm nghèo:**

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 4,25% (theo chuẩn nghèo cũ), là một trong những quốc gia đi đầu ở khu vực trong thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) của Liên Hợp Quốc.

**\*Phát triển doanh nghiệp và đầu tư nước ngoài:**

- Cả nước có khoảng 94.754 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong năm 2015, tăng 26,6% về số lượng và 39,1% về vốn so với năm trước.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giải ngân đạt 14,5 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay.

**\*Cải thiện cơ sở hạ tầng và nông nghiệp:**

- Các công trình giao thông lớn (như đường cao tốc, cảng biển, sân bay) được đầu tư mạnh mẽ.
- Nông nghiệp đạt thành tựu quan trọng, tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu, với nhiều sản phẩm như gạo, cà phê, và hạt điều xuất khẩu đứng đầu thế giới.
- Đầu tư tập trung vào các khu công nghiệp, khu chế xuất và các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM.
- Hệ thống giao thông, điện, nước và viễn thông được nâng cấp, thúc đẩy phát triển kinh tế và kết nối vùng miền.

**b. Thành tựu về văn hóa và xã hội**

**\*Văn hóa:**

- Những tiến bộ trong giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, sự khởi sắc trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, truyền thông đại chúng, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, sự tăng cường các thiết bị văn hóa cơ sở,....
- Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được phát huy, đồng thời xuất hiện những giá trị văn hóa mới
- Nguồn lực và nguồn đầu tư cho văn hóa được nâng lên
- Giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa được mở rộng
- Sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa có tiến bộ, từng bước được đổi mới, hoàn thiện

**\*Xã hội:**

- Bộ luật lao động được sửa đổi nhiều lần hoàn thiện hành lang pháp lý cho lao động và việc làm
- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo
- Chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có nhiều tiến bộ
- Chính sách ưu đãi người có công được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm: bảo đảm mức sống của khoảng 8,8 triệu người có công.
- Xây dựng hoàn thiện và phát triển mạnh mẽ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...

**c. Thành tựu về quốc phòng an ninh và bảo vệ tổ quốc**

- Xử lý các tranh chấp biên giới với Trung Quốc và Campuchia.
- Tăng cường sự hiện diện của các lực lượng vũ trang tại các khu vực, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, ngoại giao để khẳng định chủ quyền hợp pháp của mình.
- Hiện đại hóa trang thiết bị quân sự, đặc biệt là trong các lĩnh vực phòng không, hải quân và các loại vũ khí chiến đấu.
- Tăng cường công tác phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự xã hội, giải quyết các vấn đề tội phạm, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội.
- Đẩy mạnh công tác bảo vệ an ninh mạng và an ninh thông tin
- Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, trong đó có hợp tác về quốc phòng và an ninh, gia nhập ASEAN
- Đề ra chiến lược quốc phòng toàn dân, quốc phòng không chỉ là nhiệm vụ của quân đội mà là của toàn xã hội

**d. Thành tựu về đường lối chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế**

- Từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sàng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy”, là “thành viên có trách nhiệm” của cộng đồng quốc tế

- Quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam với Lào, Campuchia, Trung Quốc tiếp tục được củng cố và có những bước phát triển, ngày càng mở rộng.

**e. Thành tựu về việc phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN)**

\* **Phát huy dân chủ:** Các cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân được tổ chức thường xuyên, tạo cơ hội cho người dân tham gia ý kiến và chọn đại diện. Việc công khai các dự thảo luật giúp người dân đóng góp ý kiến, nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật.

\* **Đổi mới hệ thống chính trị:** Cải cách bộ máy hành chính giúp giảm chồng chéo và nâng cao hiệu quả công việc. Đảng cũng chú trọng đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo.

\* **Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN:** Ban hành Hiến pháp 1992 và các luật mới, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho sự phát triển. Thực thi pháp luật được chú trọng, bảo vệ quyền lợi của công dân và bảo đảm bình đẳng trước pháp luật.

**3. Hạn chế của công cuộc đổi mới vì CNXH từ 1986 đến nay (2016-ĐH XII của Đảng)**

**a. Hạn chế về kinh tế**

- Tăng trưởng chưa bền vững: Phụ thuộc vào vốn đầu tư và khai thác tài nguyên, hiệu quả sử dụng vốn thấp
- Cơ cấu kinh tế chậm đổi mới: Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ chưa phát triển đồng đều, sức cạnh tranh thấp
- Quản lý tài chính và nợ công: Nợ công cao (62,2% GDP), thất thoát và lãng phí tài chính công còn tồn tại
- Chênh lệch giàu nghèo: Khoảng cách phát triển giữa các vùng miền vẫn lớn, chưa giải quyết triệt để
- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chậm được hoàn thiện

**b. Hạn chế về văn hóa và xã hội**

\* **Văn hóa:**

- Sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức trong xã hội, đặc biệt là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một số bộ phận nhỏ cán bộ.
- Môi trường văn hóa bị ô nhiễm và có những diễn biến phức tạp.
- Chất lượng, hiệu quả bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa còn nhiều hạn chế.
- Hiệu quả hội nhập quốc tế về văn hóa còn hạn chế.
- Cán bộ lãnh đạo chưa làm tương xứng trách nhiệm.

\* **Xã hội:**

- Còn nhiều hạn chế, yếu kém, những bức xúc xã hội có chiều hướng gia tăng.
- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, lúng túng, chồng chéo, thiếu hiệu quả, tiêu cực gây mất ổn định chính trị - xã hội.
- Giảm nghèo vẫn thiếu bền vững

**c. Hạn chế về quốc phòng an ninh và bảo vệ tổ quốc**

- Nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ QPAN còn hạn chế
- Vẫn còn tình trạng các thế lực phản động đưa tin chống phá Đảng và nhà nước
- Tranh chấp ở biển Đông vẫn là một thách thức lớn.

**d. Hạn chế về đường lối chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế**

- Hội nhập quốc tế còn thụ động, hiệu quả chưa cao.
- Trong tình hình thế giới phức tạp, hội nhập thế giới còn mang nhiều vấn đề tiêu cực

**e. Hạn chế về việc phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN)**

- Vẫn còn hạn chế trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận
- Vẫn còn tình trạng tham nhũng, lãng phí của công
- Việc thực thi pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, nhiều cơ quan nhà nước thiếu minh bạch

**4. Ý nghĩa và nhận xét:**

**a. Ý nghĩa:**

- Tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng một đất nước phát triển toàn diện, từ kinh tế đến văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng
- Đề ra những quyết sách có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến chiến lược phát triển kinh tế quốc gia trong các năm tiếp theo.
- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hội nhập quốc tế và nâng cao vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

#### **b. Nhận xét:**

- Đại hội XII đặc biệt nhấn mạnh việc tiếp tục đổi mới tư duy trong phát triển kinh tế, chú trọng đến việc phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- Đây là bước chuyển quan trọng trong quá trình xây dựng một nền kinh tế phát triển không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng.

### **Chủ đề 40: Phân tích những kinh nghiệm chủ yếu của công cuộc đổi mới vì CNXH của Đảng.**

#### **1. HOÀN CẢNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG:**

##### **a) Thế giới:**

- Kinh tế toàn cầu hồi phục chậm sau khủng hoảng kinh tế năm 2008, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất ổn do xung đột thương mại.
- Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc gia tăng. Biển Đông diễn biến phức tạp.
- Toàn cầu hóa công nghiệp cách mạng lần thứ tư đang thay đổi sâu sắc nền kinh tế, xã hội, và đời sống chính trị toàn cầu. Tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức.

##### **b) Trong nước:**

- Vấn đề biển Đông vô cùng nhức nhối sau sự kiện dàn khoan hải dương 981 năm 2014.
- Việt nam đạt được một số thành tựu kinh tế quan trọng sau 30 năm đổi mới. Tuy nhiên, nền kinh tế còn nhiều hạn chế như nợ công tăng, tăng trưởng kinh tế chưa bền, áp lực cạnh tranh lớn.
- Sau khi gia nhập nhiều tổ chức quốc tế và kí nhiều hiệp định thương mại tự do. Mở ra cơ lớn nhưng cũng đặt ra nhiều thử thách.
- Hệ thống chính trị cơ bản đã ổn định. Tuy nhiên còn nhiều vấn đề về tham nhũng, quan liêu và bất bình đẳng.
  - ⊆ Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ 20-28/1/2016 trong một bối cảnh đầy thử thách và cơ hội, với mục tiêu tiếp tục đưa đất nước phát triển bền vững, nâng cao vai trò của Đảng, và xử lý các vấn đề nội bộ cũng như đối ngoại của đất nước.

#### **2. CÁC *KINH NGHIỆM CHỦ YẾU* CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG DO ĐẠI HỘI LẦN THỨ XII ĐƯA RA:**

**a) Kinh nghiệm thứ nhất về xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị theo con đường chủ nghĩa xã hội:**  
Trong quá trình đổi mới, chúng ta cần chủ động và sáng tạo không ngừng, luôn kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng khẳng định phải vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và áp dụng những kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- **Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ đầy thử thách, phức tạp và kéo dài, nhưng đó chính là con đường tất yếu để đạt được một Việt Nam phát triển bền vững.** Đổi mới là yêu cầu cấp thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề sống còn đối với đất nước. Tuy nhiên, quá trình đổi mới luôn đi kèm với những khó khăn, thách thức và vấn đề mới. Điều này đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân phải chủ động, sáng tạo, vượt qua thử thách để tiến lên.

- **Nhận thức sâu sắc và vận dụng sáng tạo những lý luận, tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó làm nền tảng tư tưởng vững chắc và kim chỉ nam cho mọi hành động.** Đây chính là phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình, hoạch định đường lối và triển khai công cuộc đổi mới. Đồng thời, chúng ta cần kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và áp dụng những bài học quốc tế phù hợp với đặc thù Việt Nam.

**b) Kinh nghiệm thứ hai về phát huy dân chủ:** Đổi mới phải luôn kiên định với quan điểm "dân là gốc", lấy lợi

ích của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, dựa vào nhân dân để xây dựng và phát triển đất nước. Chính nhân dân là nguồn lực vô tận, không chỉ mang lại sức mạnh cho công cuộc đổi mới mà còn là động lực để tạo ra những thay đổi lớn lao, bền vững. Đồng thời, việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Cách mạng, qua mọi thời kỳ, luôn là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Đổi mới, dù ở giai đoạn nào, vẫn phải hướng đến lợi ích của nhân dân, coi đó là nền tảng vững chắc để thúc đẩy sự nghiệp phát triển đất nước. Nếu đi ngược lại lợi ích của nhân dân, dù có những cải cách hay thay đổi nào đi nữa, công cuộc đổi mới sẽ không thể thành công. Vì vậy, đổi mới không thể chỉ là một nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước hay các tổ chức lãnh đạo, mà phải là một sự nghiệp của toàn thể nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, để đảm bảo rằng quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân luôn được bảo vệ và thực hiện

- Để đổi mới thành công, chúng ta không chỉ phải đổi mới trong tư duy, trong cách thức tổ chức, mà còn phải luôn chú trọng đến việc xây dựng một xã hội công bằng, lành mạnh, nơi mọi người dân đều có quyền bình đẳng, đều có cơ hội phát triển và đóng góp vào sự nghiệp chung.

**c) Kinh nghiệm thứ ba về đổi mới toàn diện, đồng bộ nhưng có trọng tâm, trọng điểm:** Đổi mới cần phải toàn diện, đồng bộ và có bước đi phù hợp, tuân thủ các quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn và luôn bám sát những yêu cầu thực tế. Đồng thời, phải chú trọng việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nhằm giải quyết hiệu quả và kịp thời các vấn đề mà thực tiễn đặt ra.

- Đại hội nhấn mạnh rằng đổi mới phải được thực hiện một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng an ninh, ... Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ công việc ở cấp trung ương đến hoạt động ở các địa phương và cơ sở.

- Đổi mới phải tôn trọng các quy luật khách quan và lấy sự phát triển thực tiễn làm cơ sở để điều chỉnh tư duy lý luận, các đường lối, chủ trương, cơ chế và chính sách. Mọi quyết định, từ đường lối của Đảng đến chính sách của Nhà nước, đều phải bắt nguồn từ thực tiễn và phải liên tục được điều chỉnh, bổ sung, phát triển dựa trên các kết quả thực tế, phải giải quyết kịp thời và hiệu quả những vấn đề mà thực tiễn đặt ra, thực hiện cam kết "nói đi đôi với làm", cần kịp thời điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách không còn phù hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển.

**d) Kinh nghiệm về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và thời đại:** Đặt lợi ích quốc gia và dân tộc lên trên hết là nguyên tắc bất di bất dịch trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để phát triển bền vững và duy trì ổn định đất nước, chúng ta phải luôn kiên định với mục tiêu độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

- Kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại là một chiến lược toàn diện, giúp chúng ta không chỉ đứng vững trước những thách thức, mà còn thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong thời kỳ mới.

- Đảng khẳng định sự đồng thuận xã hội và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc là nguồn lực to lớn nhất để vượt qua khó khăn, thử thách.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một chiến lược dài hơi và hiệu quả. Sức mạnh dân tộc chính là động lực và nền tảng vững chắc để chúng ta vượt qua mọi thử thách. Việc phát huy sức mạnh dân tộc sẽ tạo ra nền tảng vững chắc, giúp chúng ta tận dụng tốt nhất sức mạnh của thời đại, từ đó không ngừng củng cố và gia tăng sức mạnh quốc gia

**e) Kinh nghiệm thứ năm về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch:** Phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

- Thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

- Sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được bắt nguồn và nhân lên từ sức mạnh của nhân dân. Củng cố, bồi dưỡng quan hệ mật thiết giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là mối quan hệ máu

thịt giữa Đảng với nhân dân, là vấn đề trọng đại, cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam

### 3. Ý NGHĨA, NHẬN XÉT TÁC DỤNG CỦA VIỆC RÚT RA CÁC KINH NGHIỆM:

#### a) Nhận xét:

- Những kinh nghiệm rút ra tại Đại hội XII là mang tính định hướng chiến lược cho sự phát triển của đất nước. Đây không chỉ là kim chỉ nam giúp Đảng tiếp tục lãnh đạo đất nước tiến lên trong bối cảnh mới mà còn khẳng định tư duy đổi mới, sáng tạo và tầm nhìn chiến lược của Đảng vì một nước Việt Nam hùng cường, dân chủ, công bằng và văn minh.

- Có giá trị cho giai đoạn tiếp theo để khắc phục những sai lầm khuyết điểm cho các giai đoạn cách mạng tiếp không mắc phải sai lầm đó và đưa cách mạng đi lên.

#### b) Ý nghĩa:

- Là cơ sở vững chắc để Việt Nam có thể phát triển nhanh, bền vững, xứng đáng với lịch sử anh hùng, vẻ vang của Đảng và dân tộc.

- Quyết định định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Cùng cố và nâng cao vị thế của Đảng: có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với đất nước, trong những chặng đường phát triển của đất nước. Nó giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, khẳng định sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội Đảng lần thứ XII là một sự kiện quan trọng, đóng vai trò định hướng chiến lược phát triển đất nước trong một giai đoạn mới, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **Chủ đề 41: Phân tích những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa thời đại của Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng**

#### 1. Hoàn cảnh:

- Thế giới: Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc bắt đầu đi xâm lược các nước thuộc địa một màn đêm bao phủ nhiều nước trên thế giới.

- Việt Nam:

+ Sau khi thực dân Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp nổi lên nhưng đều thất bại, rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối thực chất là thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo.

+ Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước và thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Kể từ khi ra đời năm 1930, với đường lối đúng đắn, đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng XHCN.

+ Đại hội đại biểu đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) đã nêu lên ba mốc son chói lọi của cách mạng Việt Nam kể từ khi có đảng:

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945

Thắng lợi của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ 1945-1975

Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới

#### 2. Những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay.

##### a. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945

Từ cuối thế kỷ thứ XIX, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Để thực hiện các nguyện vọng cơ bản là độc lập dân tộc và người cày có ruộng, nhân dân ta đã bao phen vùng dậy đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, song rốt cuộc đều bị thất bại. Kể từ ngày có sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh vì các mục tiêu đó của nhân dân ta mới từng bước giành được thắng lợi, trước hết là thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, đưa lại độc lập tự do cho đất nước, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh. Phong này đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và sức mạnh của khối liên minh công nông. Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, công nhận Đảng ta là một phân bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Sau cuộc đấu tranh đầy gian khổ và tổn thất để bảo vệ Đảng, duy trì tổ chức quần chúng cách mạng, đến năm 1936, khi tình hình trong nước và thế giới có sự biến chuyển mới, Đảng đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, chuyển hướng đấu tranh sang đòi dân sinh dân chủ, với các hình thức đấu tranh và tổ chức thích hợp, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Phong trào đấu tranh những năm 1936-1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quảng đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bán hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

Từ năm 1939, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương, xác định giải phóng dân tộc, đánh đuổi phátxít Pháp, Nhật, giành độc lập, tự do là yêu cầu sống còn của dân tộc Việt Nam. Từ đó, Đảng chủ trương chuẩn bị các điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939-1945 và nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ hơn 80 năm của thực dân Pháp và hàng trăm năm chế độ phong kiến nhà Nguyễn, đưa lại độc lập, thống nhất cho đất nước ta; đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ thành người làm chủ xã hội; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á; đưa Đảng ta từ hoạt động bất hợp pháp thành đảng cầm quyền trong toàn quốc; khẳng định trong thực tiễn tư tưởng cách mạng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc, khởi nghĩa toàn dân của Hồ Chí Minh và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của Đảng vạch ra là đúng đắn; nâng cao niềm tự hào dân tộc và để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho Đảng và nhân dân ta; mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đặt trong bối cảnh thế giới năm 1945, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; tăng cường lực lượng, mở rộng địa bàn cho cách mạng thế giới; chứng minh học thuyết Mác-Lênin có thể áp dụng thành công vào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nếu biết vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành được thắng lợi và nắm chính quyền trong cả nước.

#### **b. Thắng lợi của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ 1945-1975**

Vừa giành được chính quyền về tay nhân dân chưa đầy một tháng, dân tộc Việt Nam đã phải bước vào một cuộc chiến đấu mới chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch trong hơn 30 năm để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm 1945-1954, khi thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta, với ý chí "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", Đảng đã phát động, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ đi tới thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với nước ta và với thế giới. Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó... Đối với quốc tế, thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm 1954-1975, khi đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn



chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc, Đảng đã phát động, lãnh đạo nhân dân hai miền Bắc, Nam tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc. Với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", nhân dân cả nước ta đã vừa xây dựng, bảo vệ hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện tiền tuyến, vừa đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đánh bại các âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của Mỹ và tay sai đi tới đại thắng mùa Xuân 1975.

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử có ý nghĩa dân tộc và thời đại to lớn. Đối với dân tộc ta, thắng lợi này kết thúc hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ, 30 năm chiến tranh cách mạng, hơn một thế kỷ chống xâm lược nước ngoài, đưa lại độc lập, thống nhất trọn vẹn cho đất nước ta; giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh to lớn về vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao vị thế quốc tế cho Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; để lại nhiều bài học có giá trị cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ...

Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

Thắng lợi của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã khẳng định một chân lý lịch sử là một dân tộc đất không rộng, người không đông nếu có Đảng Cộng sản chân chính lãnh đạo biết đề ra đường lối đúng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, có phương thức tiến hành chiến tranh sáng tạo, được sự ủng hộ của nhân dân thế giới hoàn toàn có thể chiến thắng bất cứ kẻ thù xâm lược nào.

### **c. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới**

Sau thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh có những thuận lợi to lớn, song cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất- kỹ thuật nhỏ bé, manh mún, hậu quả chiến tranh nặng nề, lại bị Mỹ phong tỏa cấm vận, tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi, phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới phía nam, phía bắc, đòi hỏi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều bước đi cụ thể thích hợp. Trong bối cảnh đó, với bản lĩnh chính trị vững vàng được tôi luyện qua thử thách đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Đảng đã kiên trì tìm tòi đề ra đường lối đổi mới đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện.

Thắng lợi bước đầu của hai mươi năm đổi mới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng đánh giá khái quát 20 năm đổi mới đã ghi nhận: Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị- xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Tóm lại, với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX, Việt Nam đã ta từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng

ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta

### **3. Ý nghĩa và nhận xét**

#### **a. Ý nghĩa:**

Những thắng lợi đó có tác dụng tạo cho Việt Nam thế và lực mới vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **b. Nhận xét:**

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo với đường lối đúng đắn là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi cho cách mạng Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Lịch sử của Đảng là lịch sử của cuộc đấu tranh anh dũng, gian khổ, có nhiều tổn thất, hy sinh nhưng cũng hết sức vẻ vang vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại, có tầm vóc quốc tế mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng 95 năm qua đã khẳng định vai trò, công lao to lớn của Đảng và để lại nhiều bài học có giá trị lý luận và thực tiễn vô cùng quý báu cho Đảng và nhân dân ta.

### **Chủ đề 41.1: Bằng thực tiễn lịch sử, hãy chứng minh rằng: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.**

#### **1. Hoàn cảnh:**

- Thế giới: Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc bắt đầu đi xâm lược các nước thuộc địa một màn đêm bao phủ nhiều nước trên thế giới.

- Việt Nam:

+ Sau khi thực dân Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp nổi lên nhưng đều thất bại, rơi vào tình trạng khủng hoảng về đường lối thực chất là thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo.

+ Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước và thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Kể từ khi ra đời năm 1930, với đường lối đúng đắn, đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng XHCN.

+ Đại hội đại biểu đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) đã nêu lên ba mốc son chói lọi của cách mạng Việt Nam kể từ khi có đảng:

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945

Thắng lợi của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ 1945-1975

Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới

#### **2. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam:**

##### **a. Thắng lợi cách mạng tháng 8/1945:**

- Diễn biến:

+ Tháng 8/1945, nhờ Nhật đầu hàng Đồng minh và phong trào cách mạng dâng cao, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền. Quá trình diễn ra nhanh chóng, quyết liệt. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945).

+ Chấm dứt ách đô hộ, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân làm chủ.

- Nguyên nhân thắng lợi

+ Khách quan:

• Sự suy yếu và thất bại của các thế lực thực dân, phát xít trong Thế chiến II.

• Tình hình quốc tế có lợi: Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh, Liên Xô và các lực lượng Đồng

minh đánh bại phát xít.

+ Chủ quan: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương: Đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, phát huy sức mạnh của toàn dân.

- Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng: lãnh đạo nhân dân, phát động nhân dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền

- Phân tích: Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là do có sự tích cực chuẩn bị lực lượng, dự đoán và chớp đúng thời cơ.

+ Chuẩn bị lực lượng qua 15 năm đấu tranh giành chính quyền trải qua ba cao trào cách mạng lớn.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không phải là một sự kiện đơn lẻ mà là kết quả của sự chuẩn bị tỉ mỉ và cống hiến không ngừng suốt 15 năm. Giai đoạn từ 1930 đến 1945 chứng kiến Đảng Cộng sản Đông Dương (ĐCSĐD) dẫn dắt ba phong trào cách mạng lớn đóng vai trò quan trọng trong thắng lợi này:

- **Phong trào 1930-1931:** Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên dưới sự lãnh đạo của ĐCSĐD. Phong trào này đã huy động mạnh mẽ quần chúng nhân dân, đặc biệt là nông dân và công nhân, dẫn đến việc thành lập các chính quyền Xô-viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Mặc dù bị đàn áp, phong trào này đã đặt nền móng cho các cuộc cách mạng sau này bằng cách khơi dậy tinh thần phản kháng và đấu tranh trong nhân dân.
- **Phong trào 1936-1939:** Trong giai đoạn này, ĐCSĐD tận dụng các chính sách tương đối tự do của chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp. Đảng tổ chức các hoạt động hợp pháp và bán hợp pháp như đình công và biểu tình để đòi quyền dân chủ và cải thiện điều kiện sống. Giai đoạn này giúp Đảng tái lập tổ chức và mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng.
- **Phong trào 1939-1945:** Chiến tranh thế giới thứ hai tạo ra một loạt tình huống đặc biệt mà ĐCSĐD đã khai thác để thúc đẩy chương trình cách mạng của mình. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang, đỉnh cao là việc thành lập các căn cứ ở các khu giải phóng. Những kinh nghiệm tích lũy và cơ sở hạ tầng được xây dựng trong giai đoạn này rất quan trọng cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.

à Ba phong trào này đã góp phần vào sự trưởng thành chính trị và tổ chức của ĐCSĐD, cho phép Đảng lãnh đạo một cuộc cách mạng thành công khi thời cơ đến vào tháng 8 năm 1945.

+ Dự đoán ba khả năng tổng khởi nghĩa có thể nổ ra thắng lợi trong chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”.

Khả năng dự đoán và linh hoạt chiến lược của ĐCSĐD được thể hiện rõ ràng trong chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", nêu ra ba kịch bản có thể xảy ra cho cuộc khởi nghĩa:

- **Kịch bản 1: Nhật và Pháp tiếp tục hợp tác:** Trong kịch bản này, chỉ thị nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường các hoạt động bí mật và chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa khi điều kiện trở nên thuận lợi. ĐCSĐD hiểu rằng sự hợp tác kéo dài giữa các lực lượng chiếm đóng sẽ đòi hỏi một giai đoạn chuẩn bị và hoạt động bí mật lâu dài.
- **Kịch bản 2: Nhật lật đổ Pháp:** Kịch bản này dự đoán một khoảng trống quyền lực được tạo ra bởi việc lật đổ chính quyền thực dân Pháp. ĐCSĐD đã chuẩn bị để khai thác cơ hội này bằng cách tập hợp quần chúng cho một cuộc khởi nghĩa ngay lập tức. Chỉ thị kêu gọi việc thiết lập các căn cứ cách mạng và sẵn sàng huy động nhân dân bất cứ lúc nào.
- **Kịch bản 3: Nhật bại trận và rút lui:** Dự đoán sự bại trận của Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ thị chuẩn bị ĐCSĐD hành động nhanh chóng trong tình hình hỗn loạn. ĐCSĐD nhằm lợi dụng khoảng trống quyền lực do quân Nhật rút lui để giành quyền kiểm soát và thành lập chính quyền nhân dân. Kịch bản này nhấn mạnh tầm quan trọng của sự linh hoạt và phản ứng nhanh chóng đối với sự thay đổi tình hình chính trị.

à Khả năng dự đoán và chuẩn bị cho các kịch bản này đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của ĐCSĐD và đóng vai trò then chốt trong thành công của Cách mạng Tháng Tám. Sự kết hợp giữa chuẩn bị dài hạn và khả năng nắm bắt thời điểm thích hợp đã đảm bảo chiến thắng của cuộc cách mạng.

è Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là do nguyên nhân khách quan thuận lợi và nguyên nhân chủ quan đã chuẩn bị đầy đủ và sẵn sàng về mọi mặt để tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đó là thời cơ ngàn năm có một để

chúng ta tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong toàn quốc, trước khi quân đồng minh đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật.

**b. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ:**

- **Đường lối kháng chiến chống Pháp với phương châm toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính là đúng đắn phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.**

+ Toàn dân nghĩa là cuộc kháng chiến phải huy động được toàn bộ dân tộc tham gia. Sự tham gia của nhân dân là yếu tố then chốt để tạo nên một cuộc kháng chiến có quy mô và sức mạnh lớn. Điều này được thể hiện qua việc mọi tầng lớp nhân dân từ nông dân, công nhân, trí thức, đến các dân tộc thiểu số đều tích cực tham gia vào các hoạt động cách mạng. Sự đoàn kết và ủng hộ của toàn dân là cơ sở vững chắc cho thắng lợi của cuộc kháng chiến.

+ Toàn diện: nhấn mạnh việc kết hợp các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao trong cuộc kháng chiến. Mỗi mặt trận đều đóng một vai trò quan trọng và tương hỗ lẫn nhau:

- **Quân sự:** Tập trung vào việc xây dựng lực lượng vũ trang, tổ chức các cuộc tấn công, chiến dịch và phong trào du kích.
- **Chính trị:** Xây dựng và củng cố các tổ chức chính trị, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động quần chúng.
- **Kinh tế:** Tự túc lương thực, phát triển kinh tế tự cung tự cấp để duy trì cuộc kháng chiến lâu dài.
- **Văn hóa:** Khơi dậy tinh thần yêu nước, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.
- **Ngoại giao:** Xây dựng quan hệ quốc tế, tìm kiếm sự ủng hộ và công nhận từ các nước bạn bè quốc tế.

+ Lâu dài: phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam khi so sánh với đối thủ Pháp – một cường quốc có tiềm lực mạnh. Đường lối này xác định cuộc chiến sẽ kéo dài, đòi hỏi sự kiên trì và bền bỉ. Đây cũng là chiến lược để làm suy yếu kẻ thù qua thời gian, trong khi ta ngày càng vững mạnh.

+ Dựa vào sức mình là chính: nghĩa là chủ yếu tự lực cánh sinh, không hoàn toàn phụ thuộc vào sự giúp đỡ từ bên ngoài. Điều này không có nghĩa là từ chối mọi sự hỗ trợ, nhưng nhấn mạnh vào việc tự lực tự cường, xây dựng nội lực để có thể tự đứng vững và chiến đấu. Đây cũng là cách để khắc phục các khó khăn và thách thức trong cuộc kháng chiến.

- Đường lối kháng chiến chống Mỹ: Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi là do đảng đã đề ra đường lối tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

**Mục tiêu:** Mục tiêu chính của cách mạng này là đánh đổ chế độ Mỹ - Ngụy, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa miền Nam đi lên con đường chủ nghĩa xã hội.

**Phương pháp:** Đảng đã áp dụng chiến lược "chiến tranh nhân dân" trong cách mạng miền Nam, tức là huy động toàn dân vào cuộc chiến chống lại kẻ thù xâm lược. Phương pháp này bao gồm việc phát huy sức mạnh của cả quân sự và chính trị:

**Ý nghĩa:** Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam đã tạo ra sự đối kháng mạnh mẽ với chế độ Mỹ - Ngụy, làm suy yếu và từng bước đánh đổ chính quyền tay sai, chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

**Mục tiêu:** Mục tiêu chính của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn vững chắc cho cách mạng ở miền Nam, góp phần thống nhất đất nước.

**Phương pháp:** Miền Bắc tiến hành đồng thời các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện chiến tranh:

- **Xây dựng:** Tiến hành cải cách ruộng đất, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, giáo dục, y tế, và các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh hợp tác lao động quốc tế, nhận được sự hỗ trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc.
- **Bảo vệ:** Đảm bảo an ninh quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang mạnh mẽ, tổ chức phòng không, đảm bảo hậu phương vững chắc để hỗ trợ miền Nam trong cuộc kháng chiến.

**Ý nghĩa:** Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc không chỉ giúp xây dựng một miền Bắc ngày càng vững mạnh mà còn cung cấp nguồn lực, nhân lực và hậu cần cho chiến trường miền Nam. Điều này đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa hai cuộc cách mạng, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh bại đế quốc Mỹ. Đó chính là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng.

### **c. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.**

- Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới:

- + Kinh tế: Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Kết hợp kế hoạch với thị trường.
- + Chính trị: Phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.
- + Văn hóa, xã hội: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- + Đối ngoại: Mở rộng quan hệ quốc tế, đa dạng hóa, đa phương hóa.

à Kết quả:

- Đất nước thoát khỏi khủng hoảng, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc
- Nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện.
- Vị thế đất nước được nâng cao trên trường quốc tế.

- Nguyên nhân thắng lợi: Do có đường lối đổi mới đúng đắn được đề ra từ Đại hội VI (tháng 12 năm 1986):

+ Đổi mới tư duy lý luận là cơ bản: Trước Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thấy những hạn chế trong tư duy lý luận cũ, không còn phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, đổi mới tư duy lý luận là việc cấp thiết để tạo ra những bước đột phá trong xây dựng và phát triển đất nước. Đổi mới tư duy lý luận giúp Đảng và Nhà nước có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội, từ đó đề ra các chính sách phù hợp, góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới.

+ Đổi mới tư duy kinh tế là trọng tâm: Đại hội VI đã xác định chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự đổi mới trong tư duy kinh tế giúp khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, tạo động lực cho sản xuất và kinh doanh. Nhờ đó, nền kinh tế Việt Nam dần ổn định và phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện.

+ Đổi mới cả nội dung phương thức lãnh đạo và công tác cán bộ của Đảng: Điều này bao gồm việc tinh giản bộ máy nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch, chống tham nhũng và lãng phí. Đồng thời, Đảng tập trung vào việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức cách mạng. Việc đổi mới này tạo ra một bộ máy lãnh đạo hiệu quả, làm việc vì lợi ích của nhân dân, góp phần quan trọng vào thành công của công cuộc đổi mới.

+ Xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa: Trước đổi mới, mô hình tập trung quan liêu bao cấp đã bộc lộ nhiều hạn chế như kém hiệu quả, thiếu linh hoạt, gây lãng phí và thất thoát. Sự chuyển đổi này giúp tăng cường hiệu quả sản xuất và kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

### **3. Ý nghĩa và nhận xét**

#### **a. Ý nghĩa:**

Những thắng lợi đó có tác dụng tạo cho Việt Nam thế và lực mới vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **b. Nhận xét:**

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo với đường lối đúng đắn là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi cho cách mạng Việt Nam

### **Chủ đề 42: Phân tích những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng với Cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 2018**

*Một là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng*

Hồ Chí Minh.

Đó là lí tưởng, là mục tiêu chiến lược của toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Mục tiêu đó được đề ra ngay từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930 và được đặt ra và cụ thể hóa trong từng thời kì, từng giai đoạn của cách mạng Việt Nam; được phát triển cả về nhận thức lí luận và thực tiễn trong các Cương lĩnh tiếp theo. Điều cần nhấn mạnh là, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam ngày càng nhận thức rõ hơn nội dung của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và sự thống nhất không thể tách rời nhau của hai mục tiêu chiến lược đó. Độc lập dân tộc là đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, biển đảo của Tổ quốc; là bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và con đường phát triển độc lập, tự chủ của đất nước; là bảo vệ sự ổn định chính trị và cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; là giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Quá trình lãnh đạo cách mạng Đảng đã từng bước hiện thực hóa và nhận thức ngày càng rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thống nhất với nhau trong mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng một xã hội do nhân dân làm chủ; đất nước có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất với sự quản lí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cũng thống nhất trong một xã hội không có áp bức, bất công, mọi người được sống trong tự do, ấm no, hạnh phúc và phát triển toàn diện cá nhân với đời sống ngày càng nâng cao về vật chất, tinh thần trong nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thống nhất trong chính sách bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển với các dân tộc, quốc gia trên thế giới.

**Hai là, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.** Thành công nổi bật của Đảng Cộng sản Việt Nam là đề ra Cương lĩnh, đường lối chính trị đúng đắn vì lợi ích của đất nước và dân tộc. Trên cơ sở đường lối đúng đắn mà tập hợp, đoàn kết lực lượng của toàn dân tộc phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam xuất phát từ nhận thức ngoài lợi ích của giai cấp, dân tộc và nhân dân, Đảng không có mục đích nào khác. Đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nền tảng vững chắc là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đồng thời đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp khác, đoàn kết 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết với cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Đại đoàn kết dân tộc dựa trên cơ sở lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, đồng thời bảo đảm lợi ích riêng của mỗi giai cấp, tầng lớp, bộ phận, cá nhân không trái với lợi ích chung của dân tộc, đất nước. Đảng chú trọng xây dựng các hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp đoàn kết rộng rãi mọi thành phần, lực lượng trong dân tộc, xã hội, đa dạng hóa các hình thức tổ chức tập hợp quần chúng, nêu cao vai trò các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng, nghề nghiệp. Đường lối và bài học đại đoàn kết dân tộc của Đảng là sự kế thừa và phát triển truyền thống đoàn kết hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống gắn kết trong các hình thức cộng đồng, gia đình, dòng họ, làng xã đến cộng đồng dân tộc, quốc gia. Đại đoàn kết dân tộc cũng là nối tiếp truyền thống nhân văn, nhân ái, yêu thương đùm bọc lẫn nhau của dân tộc Việt Nam. Sự kết tinh các giá trị cao cả và sâu sắc đó của chiến lược đại đoàn kết dân tộc trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng và dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

**Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng sự nghiệp đấu tranh giành và giữ chính quyền, lãnh đạo xây dựng và tăng cường vai trò, sức mạnh của Nhà nước của dân, do dân và vì dân.** Từ khi ra đời năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kết hợp chặt chẽ mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc với giành chính quyền về tay nhân dân. Trải qua 3 cao trào cách mạng, dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, *một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.* Sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng kiểu mới, chính quyền Nhà nước thật sự là công bộc của nhân dân, phục vụ nhân dân, gánh vác chung cho dân chứ không phải là chính quyền cai trị dân như dưới thời của chế độ phong kiến, thực dân. Chính quyền nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh

đạo đã tổ chức công cuộc xây dựng kinh tế, kiến thiết đất nước, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, động viên và tổ chức lực lượng của toàn dân tiến hành các cuộc kháng chiến oanh liệt chống thực dân, đế quốc giành độc lập, thống nhất hoàn toàn và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam độc lập, xã hội chủ nghĩa.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng lãnh đạo xây dựng và không ngừng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Lãnh đạo quá trình cụ thể hóa, thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện bộ máy Nhà nước và chính quyền các cấp, bố trí cán bộ trong bộ máy chính quyền Nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước bảo đảm cho Nhà nước phát huy cao độ hiệu lực, hiệu quả quản lý, thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng, lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân. Nhà nước không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để quản lý tốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh xã hội, chăm lo đời sống của nhân dân, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại. Quốc hội không ngừng đổi mới để thực hiện tốt hơn chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề to lớn của đất nước và giám sát tối cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính để Chính phủ và chính quyền các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước. Cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và trách nhiệm của đội ngũ công chức, cải cách tài chính công là những vấn đề bức thiết hiện nay. Đẩy mạnh cải cách tư pháp.

Nắm vững quan điểm: Quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan làm chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

**Bốn là, kết hợp nội lực với ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.** Cương lĩnh, đường lối của Đảng ngay từ đầu đã tổ chức và động viên sức mạnh của dân tộc, coi cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của cách mạng thế giới.

Trong *Đường cách mệnh* (1927) lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". Trong cao trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn thể quốc dân hãy đứng lên *đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*. Nhờ phát huy sức mạnh, ý chí tự lực tự cường của cả dân tộc, nên đã chớp được thời cơ thuận lợi dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong các cuộc kháng chiến lâu dài giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, Đảng đã triệt để phát triển sức mạnh của dân tộc, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, đồng thời tranh thủ tối đa sự giúp đỡ, ủng hộ quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi.

Công cuộc đổi mới diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng và dẫn tới sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, nâng cao bản lĩnh chính trị để đứng vững trước khó khăn, thử thách và kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, động viên cao độ nội lực. Mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường củng cố sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, kiên định lập trường của chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đề ra và thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đảng và Nhà nước cũng tranh thủ tối đa những vấn đề mới của thời đại: Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa, thành quả của cách mạng khoa học, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến, những vấn đề về kinh tế tri thức... Nội lực và sức mạnh dân tộc bao giờ cũng có ý nghĩa quyết định, song sức mạnh đó được tăng cường khi có sự kết hợp đúng đắn với ngoại lực và sức mạnh của thời đại.

**Năm là, không ngừng nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.** Những bài học đã nêu trên đây thể hiện nổi bật vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Có được thành công đó trong lãnh đạo là nhờ Đảng không ngừng tự đổi mới và chỉnh đốn, luôn luôn coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng coi trọng nâng cao trình độ trí tuệ, lý luận, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Coi trọng nghiên cứu lý luận, nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, nâng cao tầm tư duy, chiến lược, nắm bắt và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, khắc phục biểu hiện giáo điều, chủ quan, duy ý chí. Chú trọng tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam để bổ sung, phát triển và làm sáng tỏ những

vấn đề lý luận. Đảng không ngừng phát triển, hoàn thiện Cương lĩnh, đường lối chính trị, từ Cương lĩnh tháng 2-1930, tháng 10-1930 đến Cương lĩnh của Đại hội II (2-1951), Cương lĩnh 1991 và Đại hội XI sắp tới của Đảng sẽ bổ sung, phát triển Cương lĩnh 1991: Đường lối của Đảng trên từng lĩnh vực cụ thể cũng được xây dựng và hoàn chỉnh.

Đảng coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cả ở cấp chiến lược và cấp cơ sở. Đảng hoạt động, lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỉ luật nghiêm minh; đoàn kết thống nhất trong Đảng; tự phê bình và phê bình những sai lầm, khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa; gắn bó mật thiết với nhân dân và Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

**Chủ đề 43: Trình bày quá trình thống nhất nước nhà về mặt nhà nước của đảng từ sau khi miền Nam giải phóng một chín 75 đến 1976? Ý nghĩa và tác dụng của việc thống nhất này.**

### **1. Tình hình Việt Nam sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng**

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) kết thúc thắng lợi, hoà bình được lập lại, đất nước độc lập thống nhất về mặt lãnh thổ, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng ở mỗi miền lại có một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn.

#### **a. Thuận lợi:**

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 – 1975) đã đạt những thành tựu to lớn và toàn diện, xây dựng được những cơ sở vật chất – kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.
- Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, tạo điều kiện cho nước ta thống nhất hoàn toàn về mặt nhà nước.

#### **b. Khó khăn:**

- Miền Bắc: Hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tàn phá nặng nề, sản xuất nhỏ còn phổ biến, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu.
- Miền Nam: Hậu quả 30 năm chiến tranh (1945 – 1975) hết sức nặng nề; những tàn dư của chế độ thực dân mới còn rất lớn; sản xuất nhỏ là phổ biến.

Nhiệm vụ đặt ra: Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở hai miền Nam, Bắc.

### **2. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước**

#### **a. Giai đoạn từ năm 1975-1976**

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra những nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.



Ngày 27-10-1975, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Hội nghị cử đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam.

Ngày 5-6/11/1975, tại Sài Gòn, các tổ chức miền Nam họp và cử đoàn đại biểu 25 người do đồng chí Phạm Hùng dẫn đầu để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Bắc.

Từ 15 đến 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị giữa hai đoàn đại biểu Bắc, Nam tại Sài Gòn khẳng định nước Việt Nam là một, cần thống nhất về mặt nhà nước. Hội nghị quyết định tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976, theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

Ngày 25-4-1976, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tổ chức. Hơn 23 triệu cử tri (98,77% tổng số cử tri) đã bầu 492 đại biểu đại diện cho các tầng lớp công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, thanh niên, phụ nữ, các dân tộc ít người và tôn giáo. Thắng lợi của cuộc bầu cử thể hiện ý chí đoàn kết toàn dân tộc, quyết tâm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự thống nhất Tổ quốc và chiến thắng đế quốc Mỹ.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước; Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội đã và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ...

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

#### **b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng**

- Tham dự và quyết định quan trọng của Đại hội lần thứ IV (14-20/12/1976):
- Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.
- Đại hội quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi *Điều lệ Đảng*, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.
- Ngoài ra, đại hội IV còn nêu lên đường lối tiến lên XHCN trên cả nước

### **3. Ý nghĩa và nhận xét**

#### **a. Ý nghĩa**

- Hoàn thiện thống nhất về nhà nước có ý nghĩa to lớn, là cơ sở thống nhất các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước, quan trọng nhất là điều kiện tiên quyết đưa cả nước quá độ lên CNXH.
- Thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng, củng cố chính quyền cách mạng, tăng cường khối đoàn kết dân tộc. Là bước ngoặt lịch sử, đưa đất nước vào một thời kỳ mới: thời kỳ độc lập, hòa bình và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **b. Nhận xét**

- Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn dân và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

## **Chủ đề 44: Phân tích quá trình phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ năm 1930-1941**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam và thế giới trước năm 1930:**

#### **a. Hoàn cảnh thế giới:**

- Cuối TK 19 đầu TK 20, CNTB chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang độc quyền, hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc. Các nước đế quốc tiến hành xâm lược, tranh giành thuộc địa của nhau.
- Năm 1917, cách mạng tháng 10 Nga thành công, đánh đổ giai cấp tư sản và phong kiến, đưa giai cấp vô sản giành được chính quyền, đánh dấu sự thành công của chủ nghĩa Mác-Lênin theo con đường cách mạng vô sản. Thắng lợi này đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

#### **b. Hoàn cảnh Việt Nam:**

- Cuối thế kỉ 19 đầu thế kỉ 20, sau khi bình định xong Việt Nam, Pháp thực hiện chuyên chế về chính trị, kìm hãm sự phát triển kinh tế, nô dịch về văn hóa nước ta.
- Trước tình hình đó, các phong trào yêu nước nổ ra nhưng đều thất bại. Nước ta đứng trước sự khủng hoảng về đường lối cứu nước. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm con đường cứu nước mới. Bác tìm ra con đường cách mạng vô sản, sau đó thành lập Đảng, đề ra Cương lĩnh chính trị- đường lối cách mạng của nước ta.

### **2. Quá trình phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ năm 1930-1941**

#### **a. Nội dung Cương lĩnh chính trị 03/02/1930**

- Về đường lối chiến lược
  - + Cương lĩnh xác định cách mạng Việt Nam nằm trong phạm trù cách mạng vô sản, độc lập dân tộc là bước đi đầu tiên, là điều kiện tiên quyết để đi đến xã hội cộng sản. Chánh cương vắn tắt của Đảng viết: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.
  - + Với việc xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản đã cho thấy, ngay từ trong Cương lĩnh đầu tiên, Đảng đã xác định con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng con người.
  - + Đây chính là sự vận dụng lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện một nước thuộc địa, phong kiến; là định hướng quan trọng để trong quá trình lãnh đạo cách mạng.
- Về nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng: Cương lĩnh đã xác định những nhiệm vụ cơ bản, những mục tiêu cấp bách của cách mạng Việt Nam:
  - + Về phương diện chính trị: đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến. Giành được được độc lập dân tộc. Lập Chính phủ công, nông, binh; tổ chức ra quân đội công-nông
  - + Về kinh tế: Thu hết các thứ quốc trái, thu hết sản nghiệp lớn của tư bản Pháp để giao cho Chính phủ công, nông, binh. Thu hết ruộng đất của đế quốc làm của công chia cho dân cày nghèo. Miễn thuế cho dân nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật: ngày làm 8 giờ.
  - + Về phương diện xã hội: dân chúng được tự do, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa
- Về lực lượng cách mạng: bao gồm các giai cấp và tầng lớp như công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc và các các nhân yêu nước thuộc tầng lớp địa chủ vừa và nhỏ, trong đó giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo mạng
- Về vấn đề đoàn kết quốc tế: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Cương lĩnh xác định cách mạng

Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

- Về phương pháp cách mạng: thực hiện độc lập dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội phải tiến hành bằng con đường cách mạng, sử dụng phương pháp cách mạng bạo lực; không đi vào con đường cải lương, thỏa hiệp.
- Về vai trò lãnh đạo của Đảng: lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là Đảng Cộng sản Việt Nam, “đội tiên phong của vô sản giai cấp”. Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng.

#### **b. Chủ trương khôi phục phong trào CM 1932-1935.**

- Đề khôi phục và phát triển phong trào cách mạng, Chương trình hành động của Đảng (15-6-1932) vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải “gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”.

- Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất họp đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: 1- Cùng cố và phát triển Đảng, 2- Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng, 3- Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và ủng hộ cách mạng Trung Quốc.

=> Đại hội lần thứ nhất đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

#### **c. Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ (1936-1939)**

##### **\* Hoàn cảnh những năm 1935 - 1936:**

##### **- Bối cảnh quốc tế:**

- + MTND Pháp được thành lập.
- + Đại hội Quốc tế Cộng sản VII tác động đến toàn bộ thế giới.

##### **- Bối cảnh trong nước**

- + Pháp lập ra MTND cho nên đã đề ra chủ trương thuận lợi cho cuộc đấu tranh.
- + Chính sách cai trị của thực dân Pháp làm mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc giữa nhân dân lao động với giai cấp thống trị.
- + Hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những bước phát triển quan trọng, củng cố tổ chức và lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng.
- + Phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu tư sản diễn ra sôi nổi, đòi cải thiện đời sống, đòi quyền tự do dân chủ.

=> Lúc này chỉ đấu tranh dân sinh dân chủ.

##### **\* Nội dung đấu tranh dân sinh dân chủ những năm 1936 - 1939**

- Xác định yêu cầu bức thiết của nhân dân ngay lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống
- Kẻ thù trước mắt và nguy hại nhất là bọn phản động thuộc địa và tay sai
- Nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hoà bình
- Quyết định thành lập MTNDPĐ Đông dương (7/1936), sau đổi thành MTTNDC Đông dương, gọi tắt là mtndc ĐÔNG DƯƠNG (3/1938)
- Về đoàn kết quốc tế: đề cô lập và chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính, cần đoàn kết chặt chẽ với giai cấp vô sản pháp và đảng cộng sản pháp, đồng thời đoàn kết với lực lượng tiến bộ trong chính giới Pháp
- Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: chuyển từ bí mật không hợp pháp sang công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp. Song giữ vững nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức Đảng bí mật với những tổ chức và hoạt động công khai

#### **d. Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược qua 3 Hội nghị trung ương.**

##### **\* Hoàn cảnh:**

##### **- Bối cảnh quốc tế:**

- + Cuối những năm 30 của TK XX, một số quốc gia Đức, Ý, Nhật thực hiện phát xít hóa bộ máy nhà nước, ráo riết chạy đua vũ trang để tranh giành thuộc địa. Các nước phương tây như Anh, Pháp thực hiện các chính sách nhượng bộ, thỏa hiệp để tránh đối đầu nhưng không thành. Tháng 9 năm 1939, Đức tấn công Ba Lan đánh dấu cho sự mở đầu thế chiến thứ 2.

+ Năm 1941, sau khi đánh chiếm xong các nước tư bản phương tây, phát xít Đức tấn công vào Liên Xô- thành trì của chế độ XHCN, lúc này cuộc chiến tranh giành thuộc địa giữa các nước đế quốc đã trở thành cuộc chiến giữa lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu với phe phát xít.

- Bối cảnh Việt Nam: Để có nguồn lực phục vụ cho cuộc chiến, Pháp đã thi hành chính sách thời chiến, tăng cường bóc lột nhân lực, vật lực của nhân dân ta, chúng khiến dân ta càng thêm lầm than, khổ đau.

**\* Nội dung của sự chuyển hướng chỉ đạo qua chiến lược Cách mạng của Đảng qua 3 hội nghị Trung ương**

**- Hội Nghị Trung ương lần thứ 6 năm 1939**

+ Hội nghị nhấn mạnh rằng nhiệm vụ cấp bách trước mắt là **đấu tranh giải phóng dân tộc**, đặt nhiệm vụ dân tộc lên trên hết. Đây là sự thay đổi quan trọng, từ việc kết hợp nhiệm vụ dân tộc và dân chủ (như trong thời kỳ 1936-1939) sang tập trung toàn lực vào giải phóng dân tộc.

+ Xác định kẻ thù chính lúc này là **chủ nghĩa thực dân Pháp và phát xít Nhật**, đồng thời tập trung vào xây dựng khối đoàn kết dân tộc rộng rãi để chống lại ách đô hộ.

=> Tập trung vào xây dựng lực lượng vũ trang, tăng cường công tác tổ chức, xây dựng các cơ sở cách mạng bí mật, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước, lực lượng chính trị và vũ trang để đối phó với tình hình khẩn trương của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng.

**- Hội Nghị Trung ương lần thứ 7 năm 1940**

+ Hội nghị nhấn mạnh rằng **nhiệm vụ giải phóng dân tộc** vẫn là nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương.

+ Cần tập trung toàn bộ lực lượng để đấu tranh chống thực dân Pháp và phát xít Nhật, tiến tới giành độc lập dân tộc.

+ Hội nghị đặt trọng tâm vào việc chuẩn bị điều kiện cho **một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân** khi thời cơ đến và tích cực xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và cơ sở vật chất, đồng thời tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền để chuẩn bị tinh thần cho quần chúng.

**- Hội nghị Trung ương lần thứ 8 năm 1941.**

+ Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách nhất của Cách Mạng Đông Dương

+ Hội nghị quyết định thành lập **Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh)** nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong và ngoài nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo hay thành phần xã hội.

=> Việt Minh trở thành ngọn cờ đoàn kết dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước và tinh thần cách mạng trong nhân dân.

+ Tăng cường xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc: tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, bao gồm công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước, và cả một số thế lực tạm thời chưa đối lập với cách mạng.

+ Xây dựng lực lượng cách mạng trên cả nước: Tăng cường tổ chức các hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước và ý chí đấu tranh trong nhân dân.

**3. Ý nghĩa và nhận xét**

**a. Ý nghĩa**

- Khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng trong cách mạng Việt Nam. Là sự kế thừa, phát triển tinh hoa cách mạng thế giới đồng thời vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta.

- Chuẩn bị cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc: Đảng đã cụ thể hóa đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh là minh chứng cho sự chuẩn bị toàn diện cả về lý luận, tổ chức, và phương thức đấu tranh, tạo tiền đề trực tiếp cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- Bài học về sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt đã trở thành nền tảng cho các giai đoạn phát triển sau này của Đảng.

**b. Nhận xét**

- Đảng ta đã cho thấy sự linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược, đưa ra sách lược phù hợp cho từng giai đoạn.

- Đường lối phù hợp yêu cầu tình hình thực tiễn CMVN từng giai đoạn nên huy động được sức mạnh của cả dân tộc.

- Đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, giải quyết hài hòa giữa nhiệm vụ dân tộc và giai cấp.

- Đường lối đúng đắn, hoàn chỉnh và phát triển tạo tiền đề cho cao trào tiền khởi nghĩa và tổng khởi nghĩa giành chính quyền.



### **Đề tham khảo và lưu ý**

***Chứng minh rằng: Đường lối cách mạng được đề ra tại Đại hội III (9/1960) của Đảng đã phản ánh quy luật vận động của cách mạng ở từng miền và của chung cả nước thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975.***

(Cách làm giống như chủ đề 20, nhưng nêu: 1/Hoàn cảnh viết nhiều gấp rưỡi (tầm 2/3 trang) vì chính xuất phát từ hoàn cảnh này nên ĐH III mới đề ra đường lối tiến hành ĐỒNG THỜI 2 cuộc CM, để từ đó phân nhận xét mới nêu kết luận là đường lối đúng đắn và sáng tạo được... 2/Phần Nội dung chính: như chủ đề 20 là Đường lối ĐHIII(9/1960) 3/Nhận xét như chủ đề 20 +chép lại yêu cầu chính của đề thi vào cuối cùng bài làm (hoặc cho lên ngay ý đầu tiên của hoàn cảnh thay cho mở bài )đều được.

Dạng đề II: Câu hỏi mà gồm 2 ý (1 ý là giống hoặc tương tự các chủ đề, 1 ý yêu cầu làm rõ nhận định nào đó...) Thi cơ bản vẫn làm như chủ đề nhưng chú ý yêu cầu của đề là làm rõ cả chủ đề, hay chỉ hỏi 1,2 hay mấy nội dung của chủ đề gốc. Nếu yêu cầu "làm rõ chủ đề trên" thì làm như chủ đề gốc, cuối mục 3 bổ sung thêm 1 nhận xét làm rõ... là được.